

CÁCH TÍNH TIỀN LƯỢNG CÁC LOẠI CÔNG TÁC XÂY LẮP

- TIÊN LƯỢNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

1. Công tác đất

1.1 Đơn vị tính :

- ✓ Đào và đắp đất công trình bằng thủ công đơn vị tính là: công/m³
 - ✓ Đào và đắp đất công trình bằng máy đơn vị tính là: 100m³
-

- TIÊN LƯỢNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

1. Công tác đất

1.2 Qui cách:

- Phương tiện thi công:
thủ công hay máy
 - Cấp đất: I, II, III, IV- bảng phân cấp đất
 - Kích thước: chiều rộng, chiều sâu,
hệ số đầm nén
-

- TIÊN LƯỢNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

1. Công tác đất

1.2 Qui cách:

A- Đào đất

- ☐ Đào đất bằng thủ công
 - ☐ Đào đất bằng máy
-

Đào đất bằng thủ công:

- đào bùn
 - đào để đắp
 - đào móng công trình: móng băng
móng cột trụ, hố kiểm tra
 - đào kênh mương rãnh thoát nước
 - đào nền đường
 - đào khuôn đ- ờng, rãnh thoát n- ớc
-

Đào đất bằng máy:

- San sân bãi – san đồi- đào lòng hồ
(tổ hợp máy đào-ô tô-máy ủi)
 - đào xúc đất để đắp hoặc đổ đi
 - đào móng công trình
 - đào kênh mương rãnh thoát nước
 - đào nền đường mới, mở rộng . . .
-

B. Đắp đất

Đắp đất công trình bằng thủ công:

- đắp nền móng công trình
 - đắp bờ kênh m- ống d- đập
 - đắp nền đ- ờng
 - đắp cát công trình
-

B. Đắp đất

Đắp đất công trình bằng máy:

- đắp đất mặt bằng công trình
 - san đầm đất mặt bằng
 - đắp đê đập kênh m- ơng
 - đắp nền đ- ờng
 - đắp cát công trình
-

1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

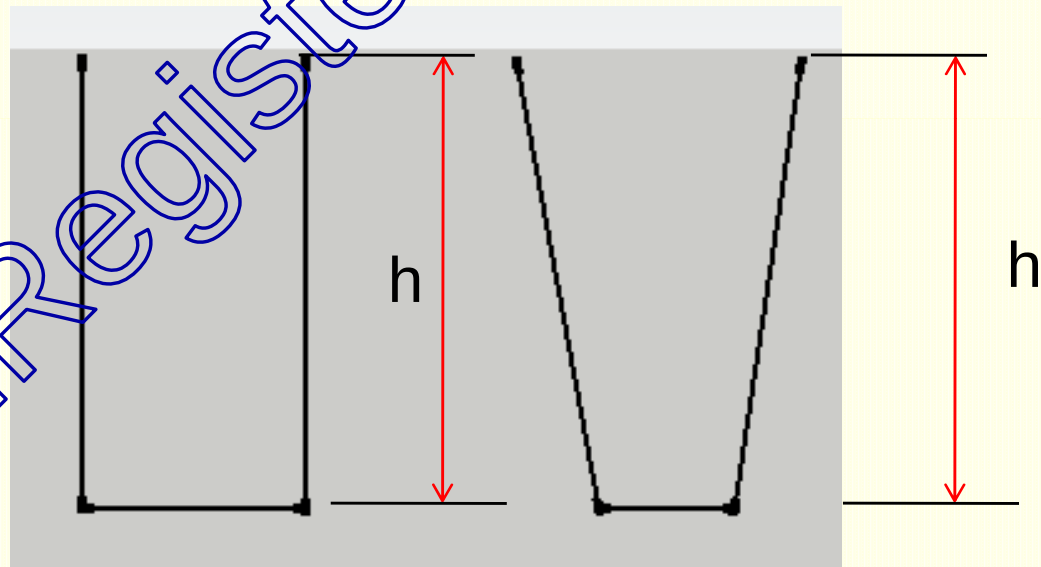
a. Đào hoặc đắp đất có thành hố thẳng đứng

$$V = S \times h$$

V= thể tích (m³)

S= diện tích đáy (m²)

h= chiều sâu hố (m)



1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

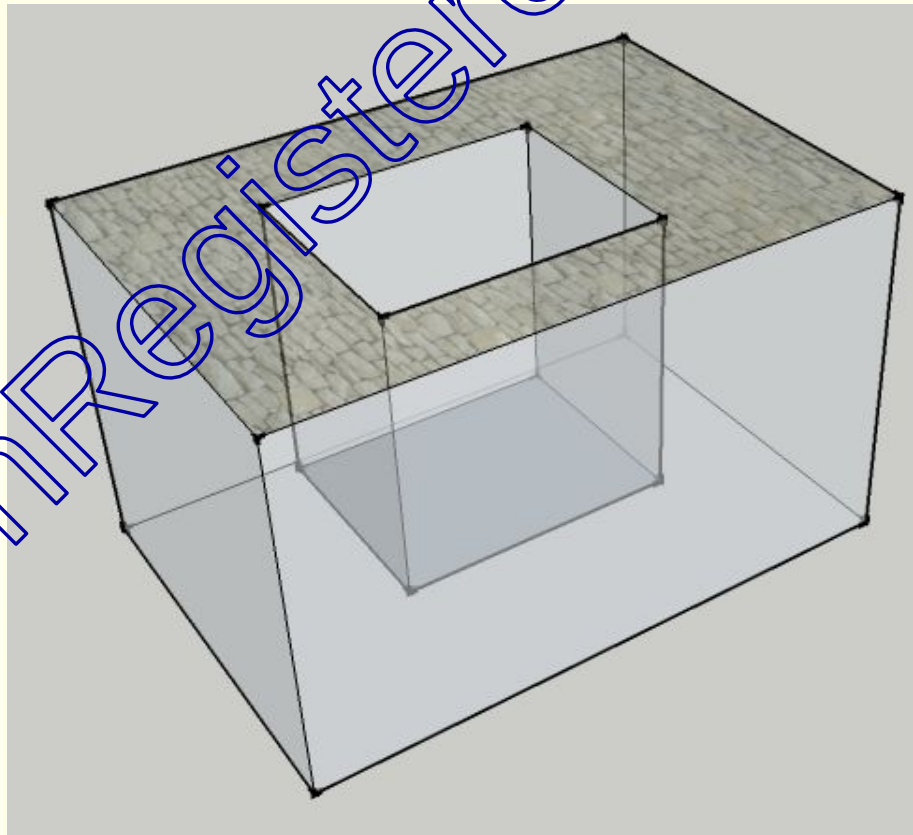
a. Đào hoặc đắp đất có thành hố thẳng đứng

$$V = S \times h$$

V= thể tích (m³)

S= diện tích đáy (m²)

h= chiều sâu hố (m)



1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

b. Đào hoặc đắp đất có thành hồ vát taluy

$$V = \frac{h(S_1 + S_2 + 4S_3)}{6}$$

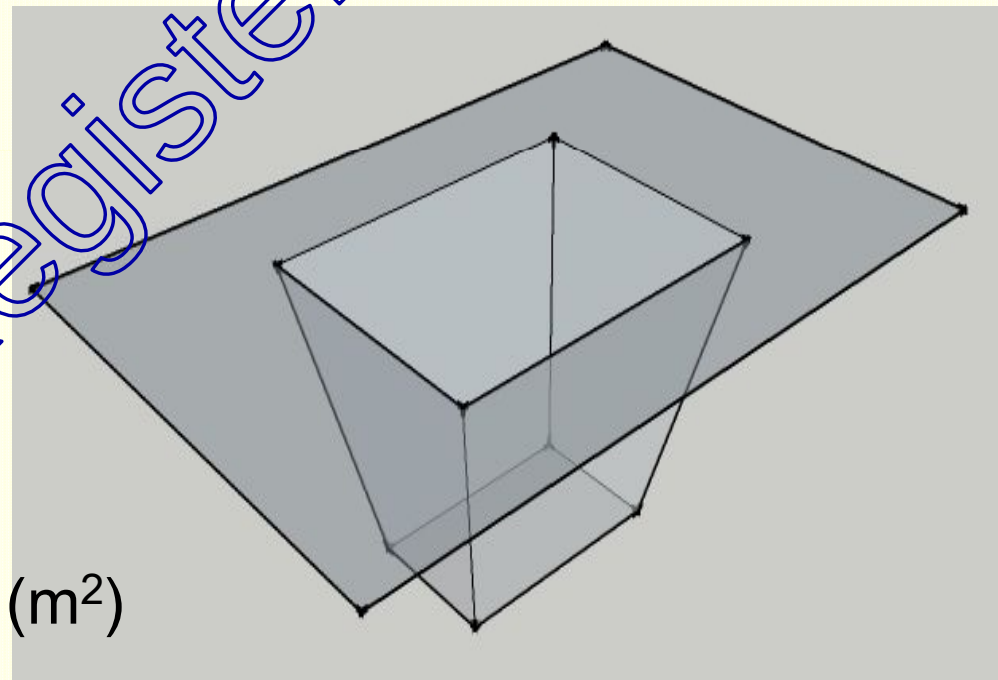
V= thể tích (m³)

S₁= diện tích đáy trên (m²)

S₂= diện tích đáy dưới (m²)

S₃= diện tích đáy trung bình (m²)

h= chiều sâu hố (m)



1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

b. Đào hoặc đắp đất có thành hồ vát taluy

$$V = \frac{h(a_1b_1 + a_2b_2 + (a_1 + a_2)(b_1 + b_2))}{6}$$

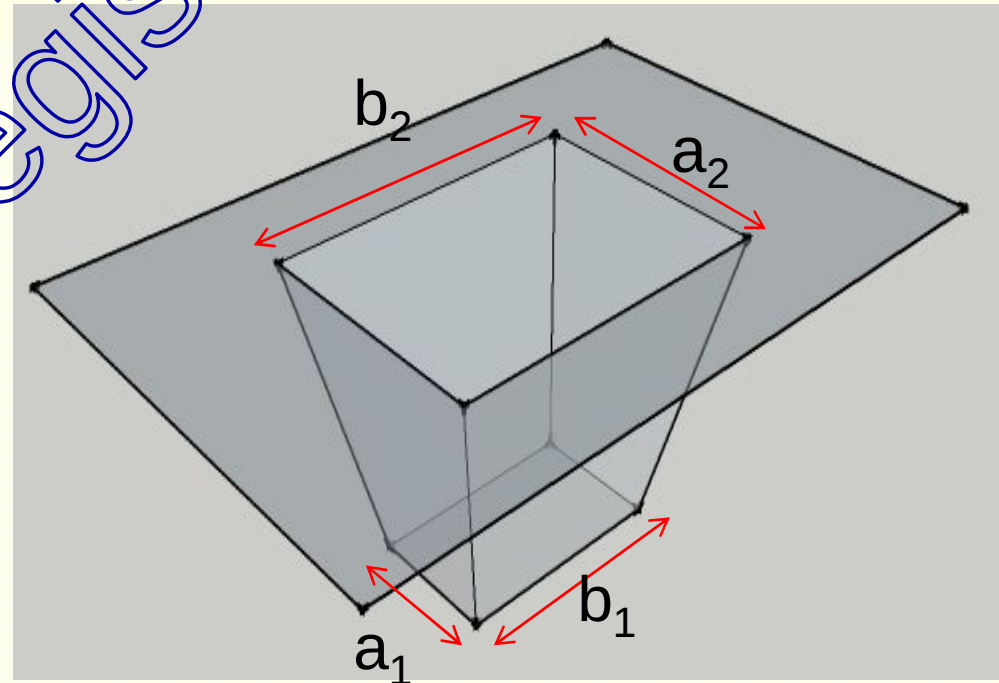
V = thể tích (m³)

$$S_1 = a_1b_1 \quad (\text{m}^2)$$

$$S_2 = a_2b_2 \quad (\text{m}^2)$$

$$4S_3 = (a_1 + a_2)(b_1 + b_2) \quad (\text{m}^2)$$

h = chiều sâu hố (m)



1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

b. Đào hoặc đắp đất có thành hồ vát taluy

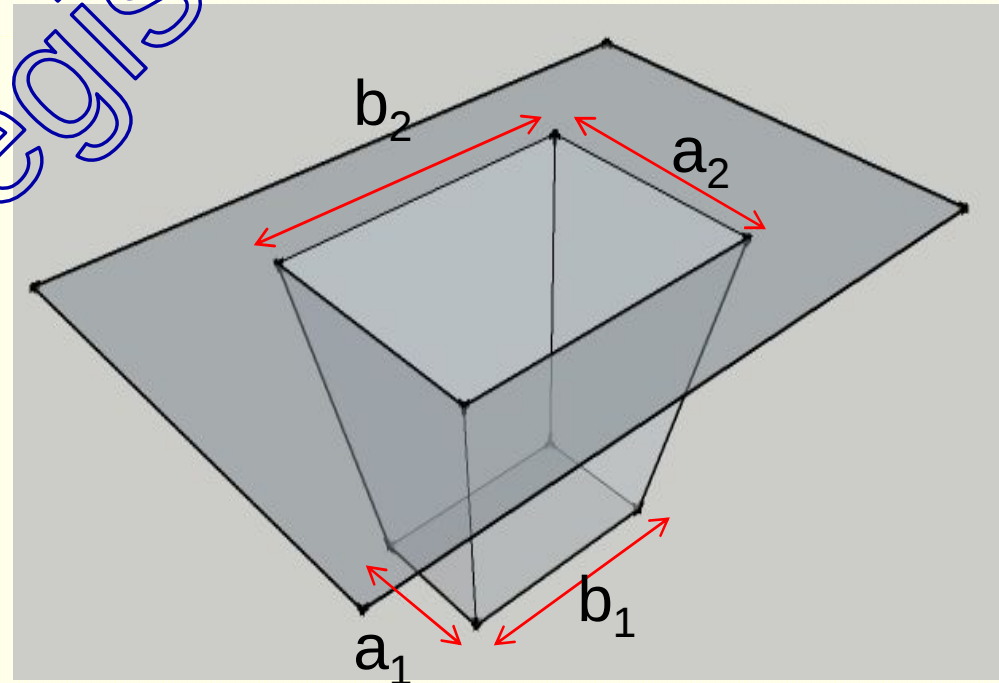
$$V = \frac{h}{3} (a_1 b_1 + a_2 b_2 + \sqrt{a_1 b_1 \cdot a_2 b_2})$$

V = thể tích (m³)

$$S_1 = a_1 b_1 \quad (\text{m}^2)$$

$$S_2 = a_2 b_2 \quad (\text{m}^2)$$

h = chiều sâu hố (m)

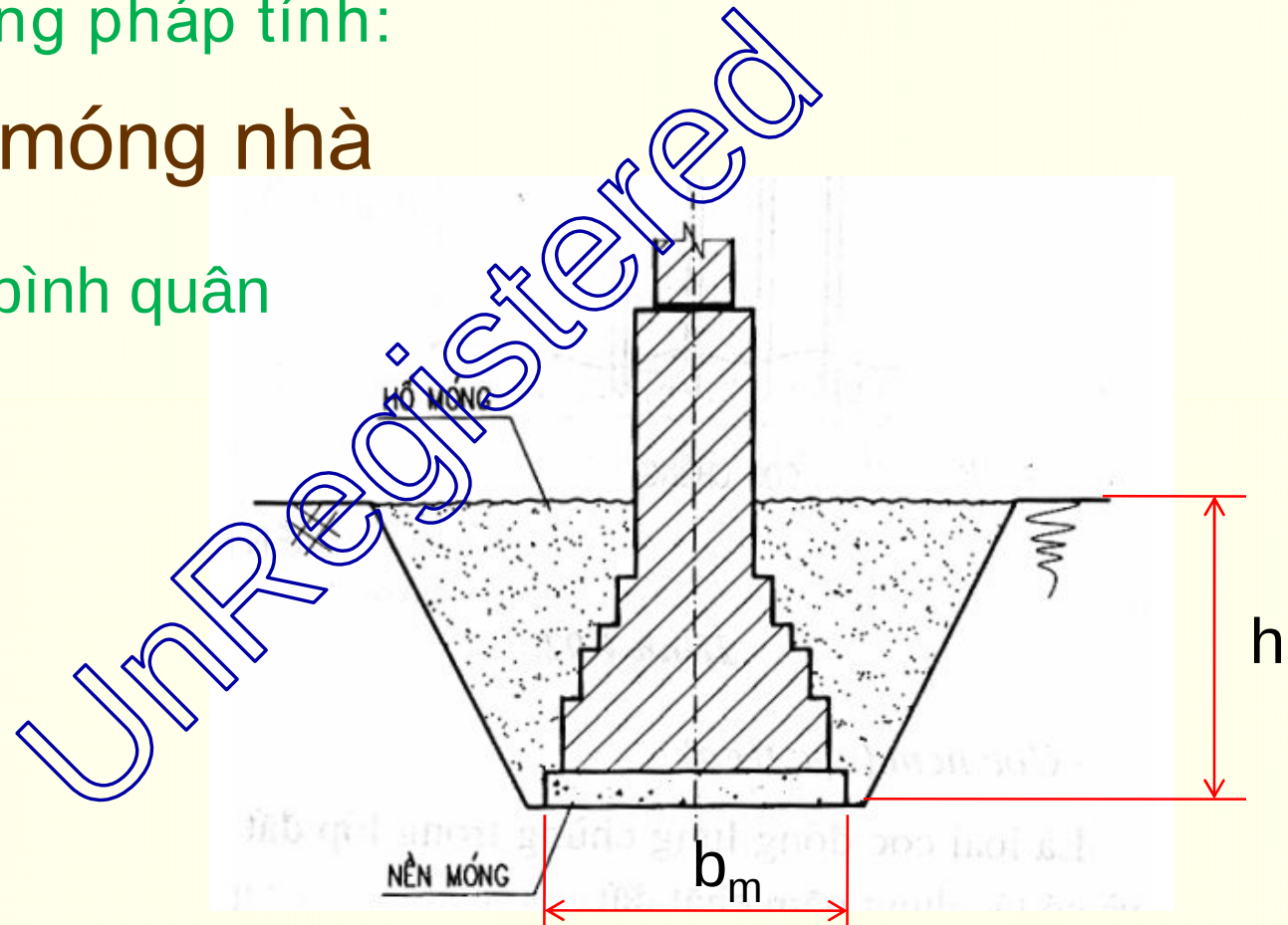


1. Công tác đất

1.3 Ph- ơng pháp tính:

c. Đào đất móng nhà

Tính taluy bình quân

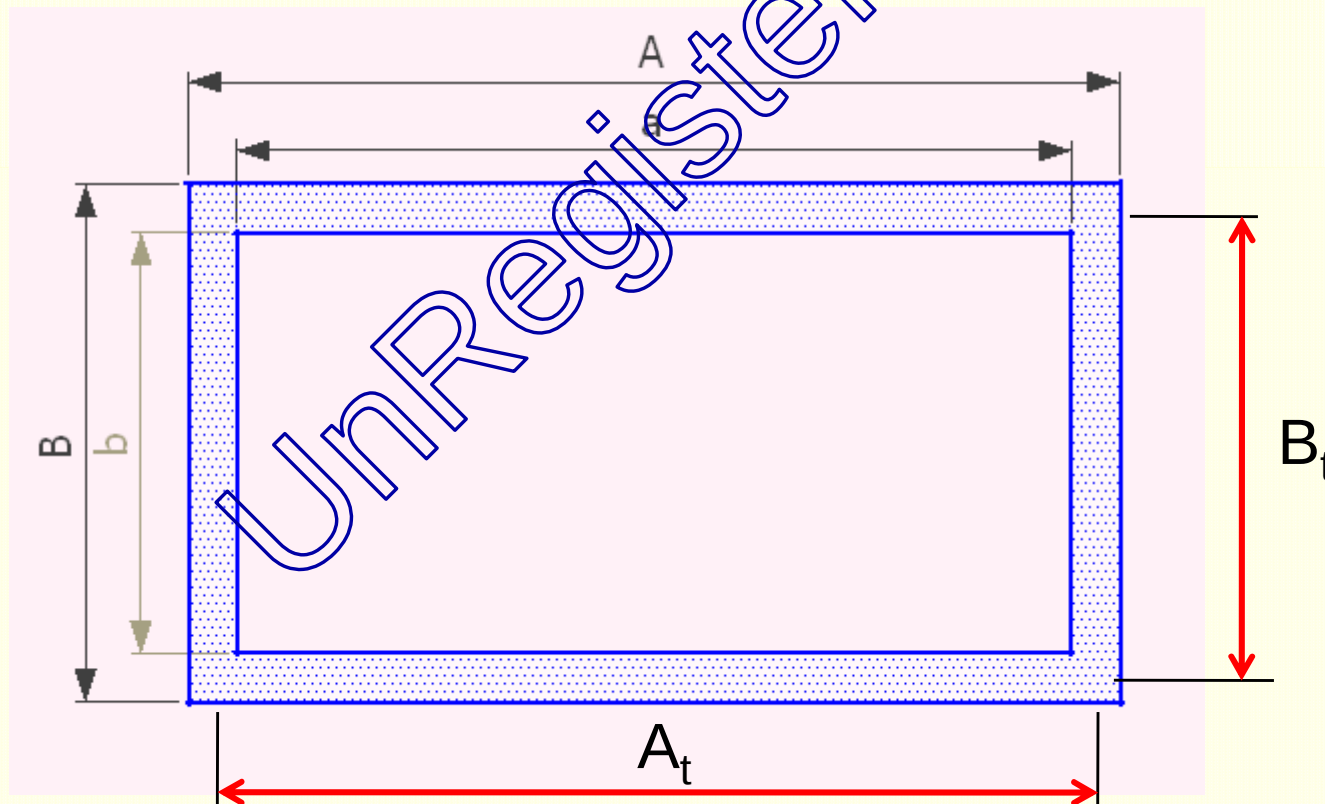


Tiết diện đào đất hố móng

1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

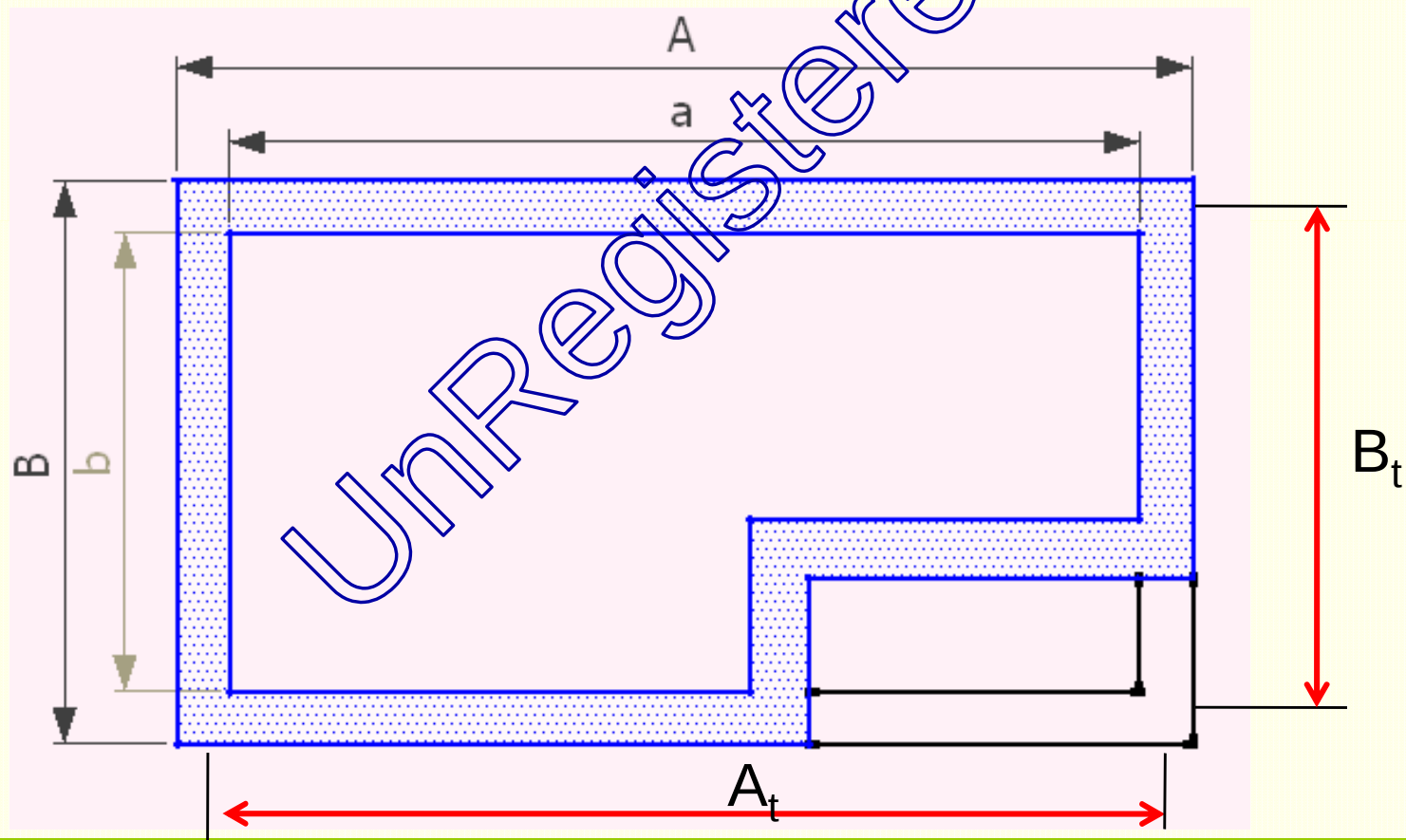
c. Đào đất móng nhà: tính theo chu vi tim, tính theo kích thước tim



1. Công tác đất

1.3 Phương pháp tính:

c. Đào đất móng nhà: móng gấp khúc

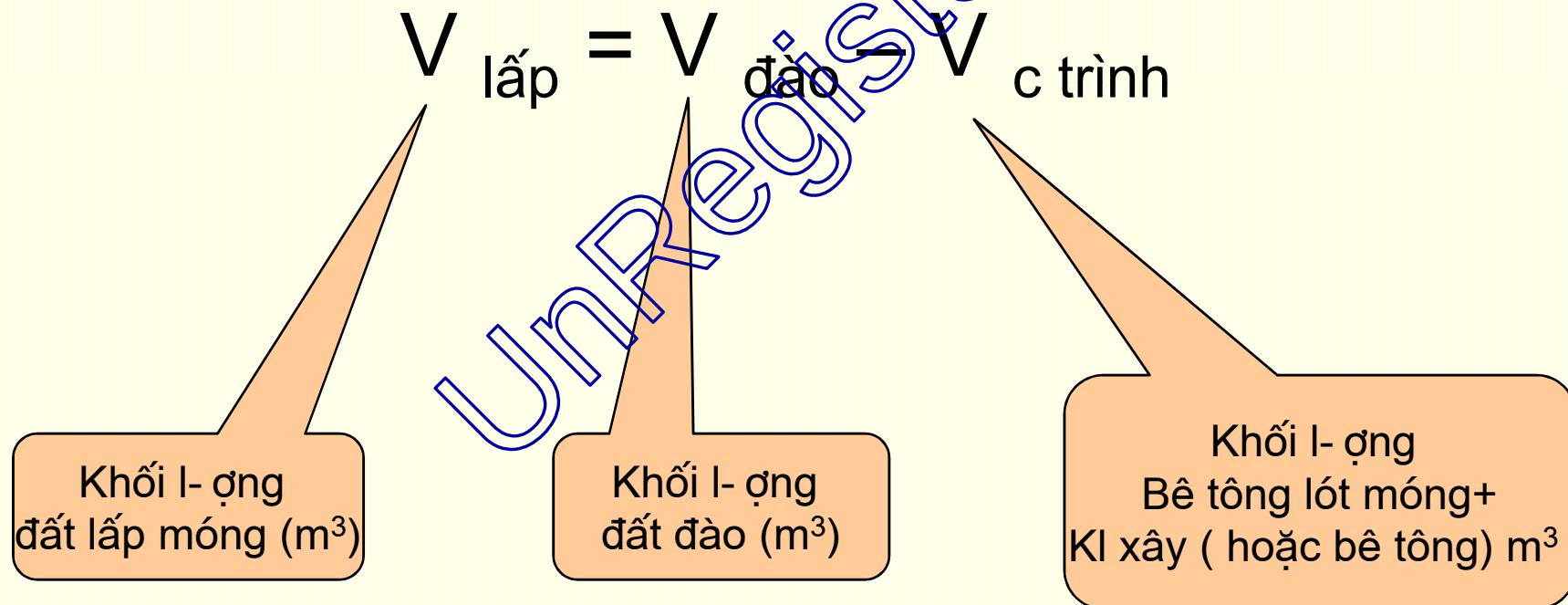


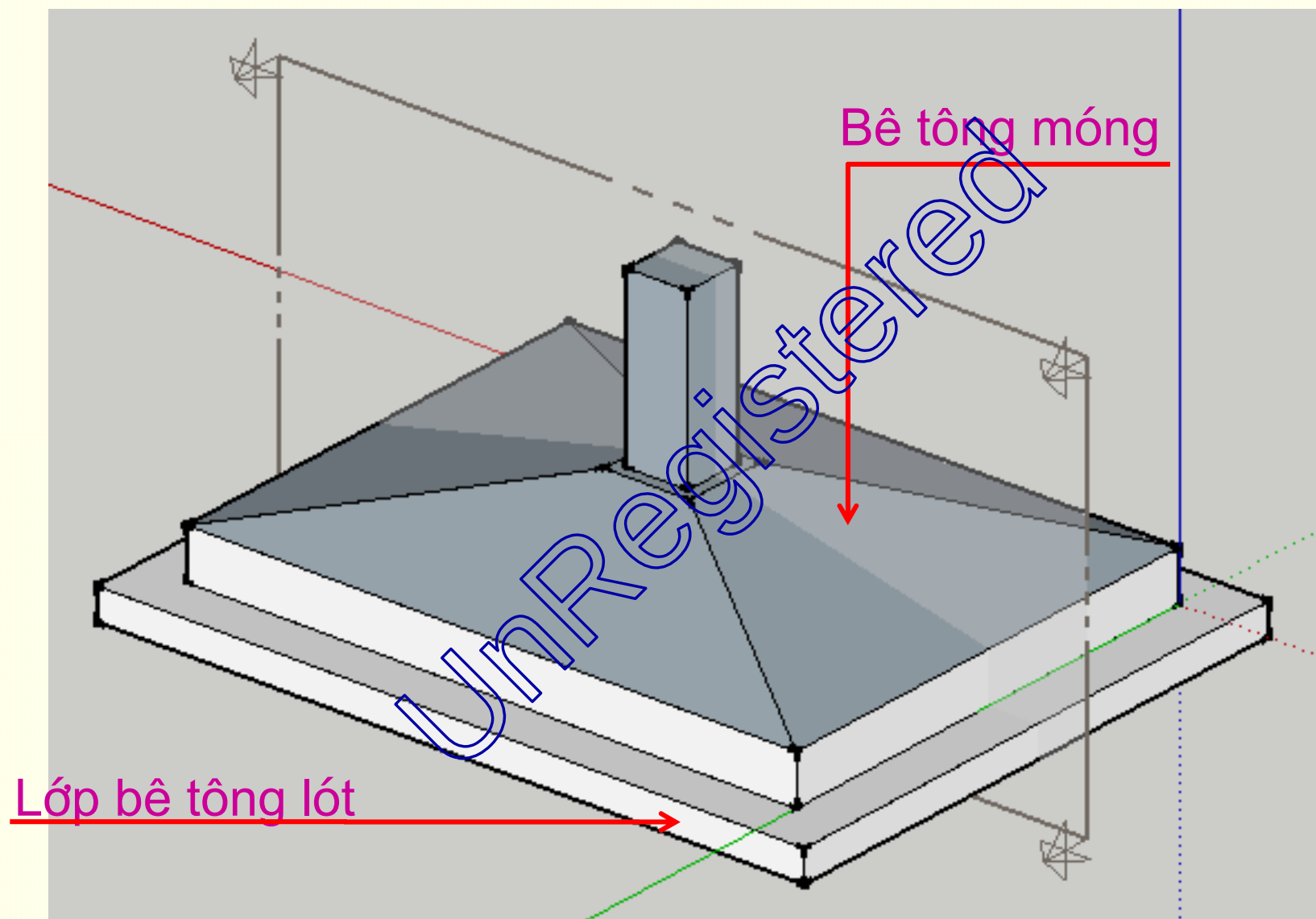
1. Công tác đất

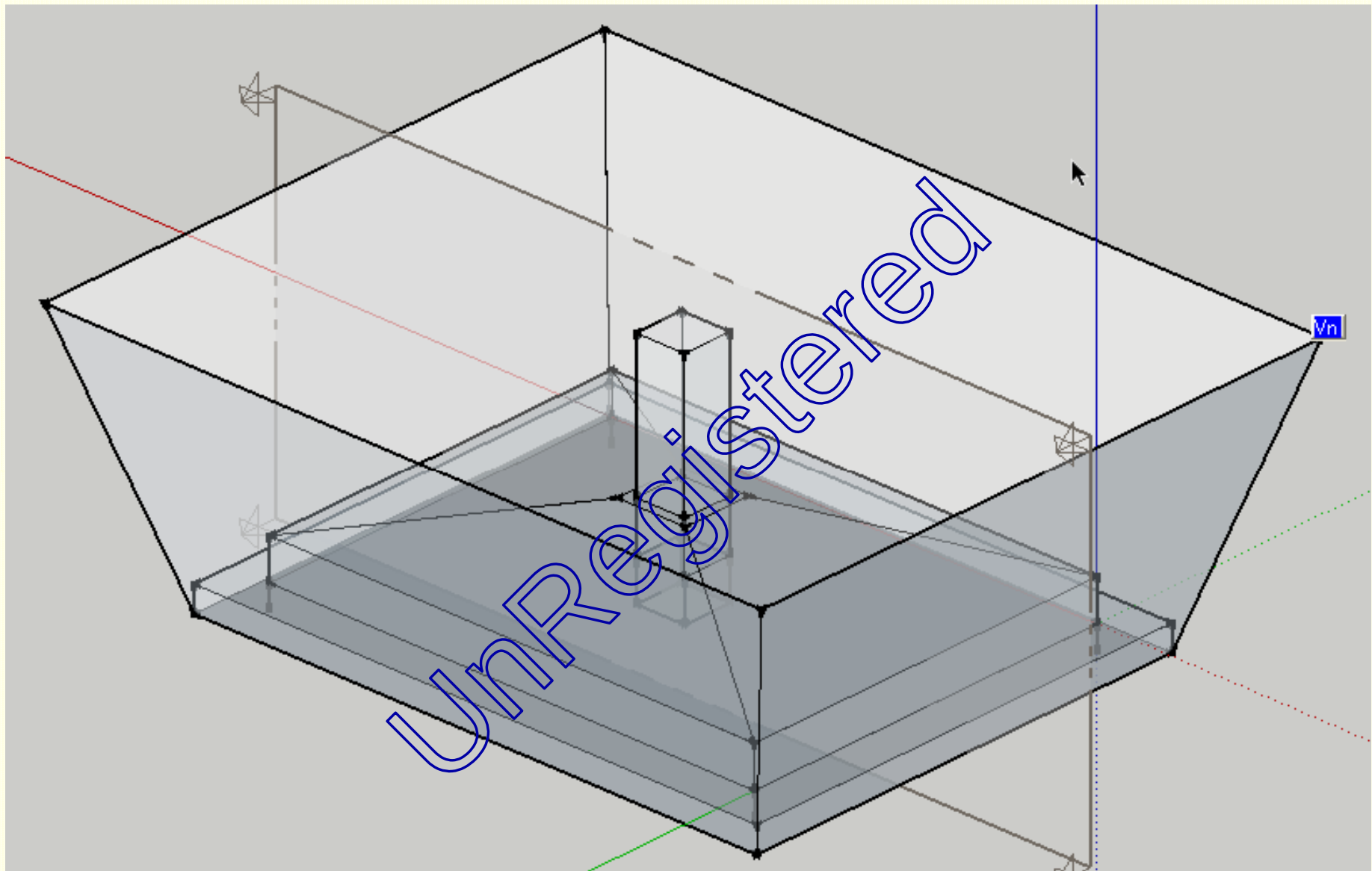
1.3 Phương pháp tính:

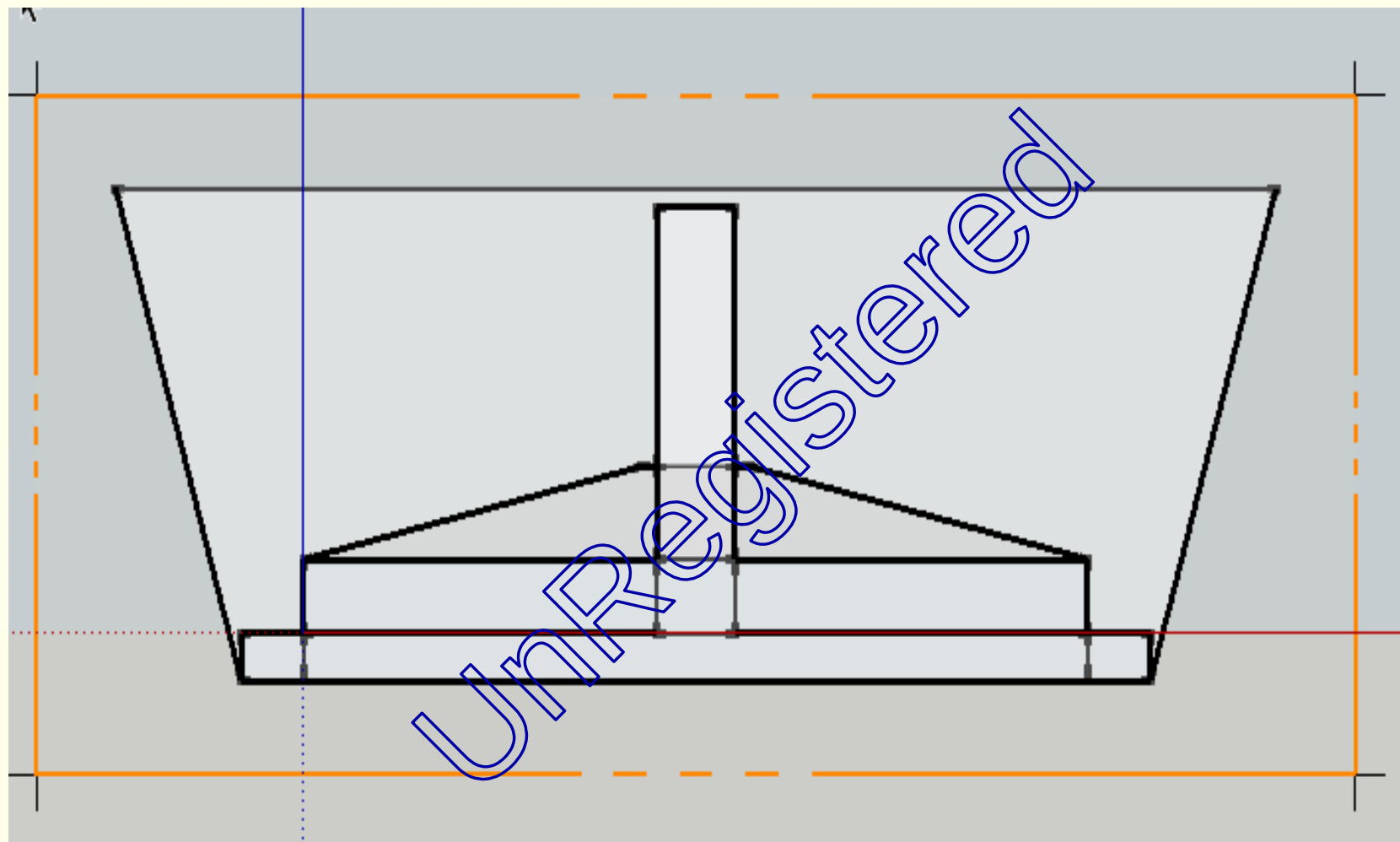
d. Tính tiền l- ợng đất lấp móng:

- Tính chính xác









1. Công tác đất

1.3 Ph- ơng pháp tính:

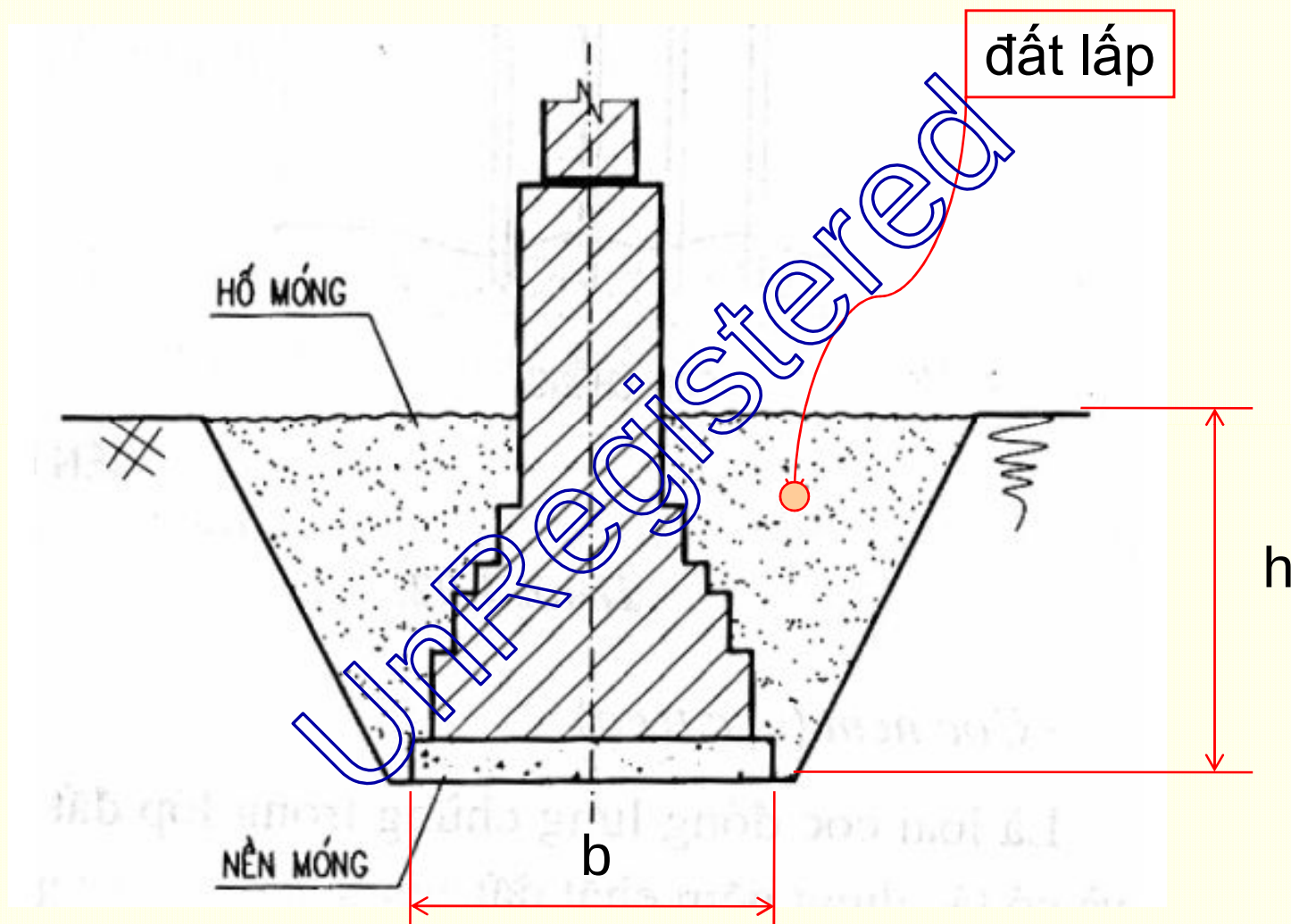
d. Tính tiên l- ợng đất lấp móng:

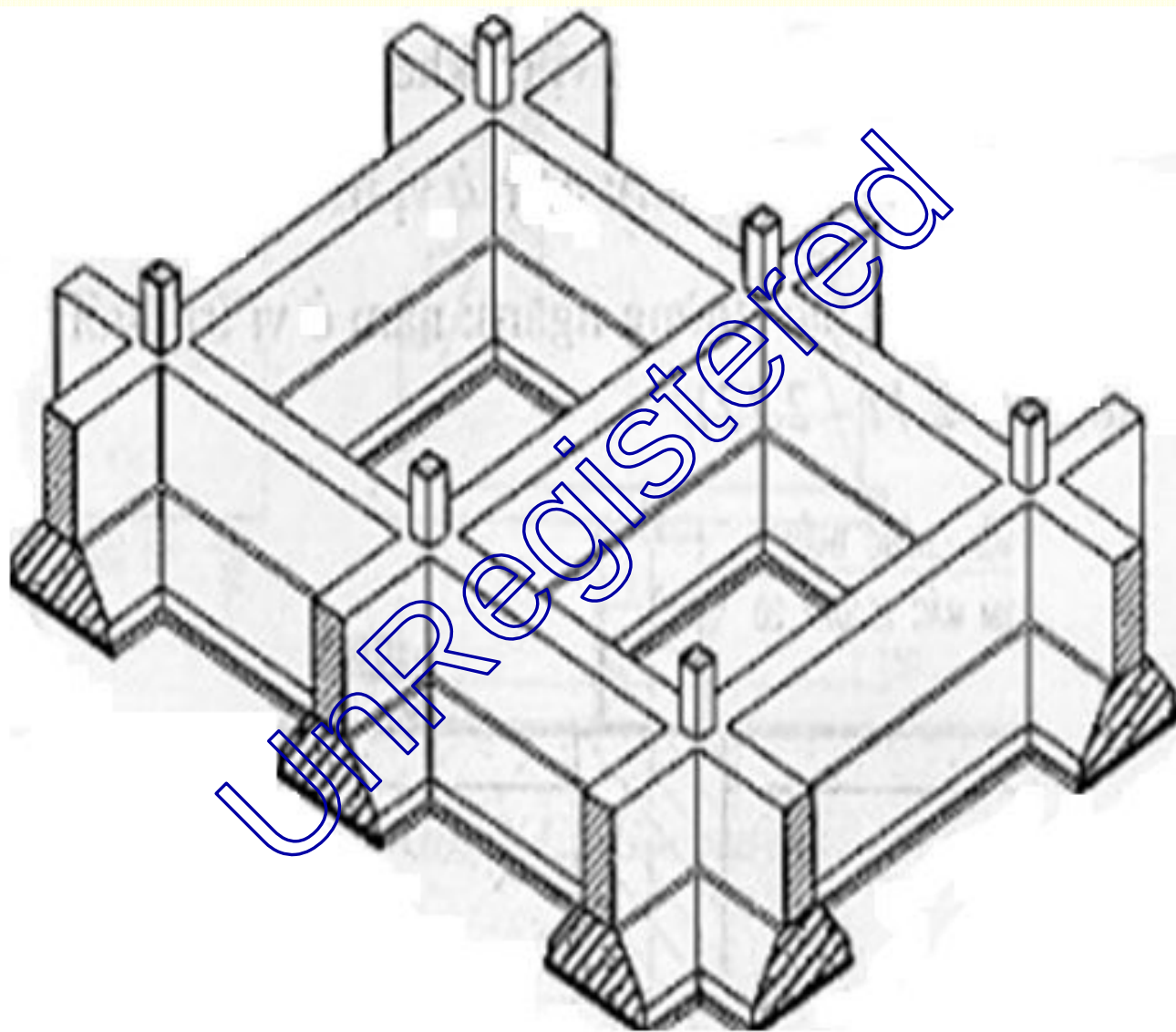
- Tính gần đúng

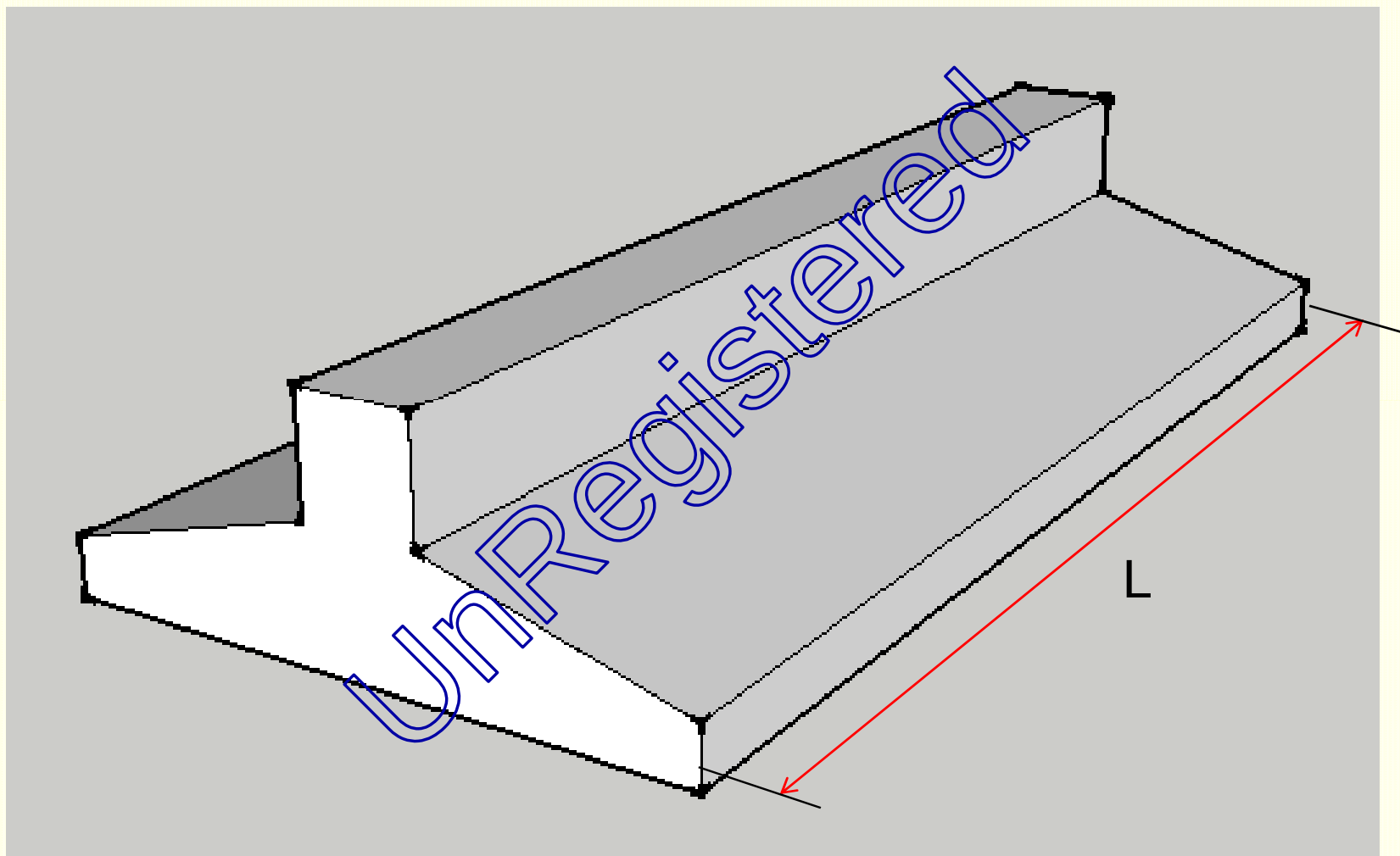
$$V_{\text{lấp}} = \frac{1}{3} V_{\text{đào}}$$

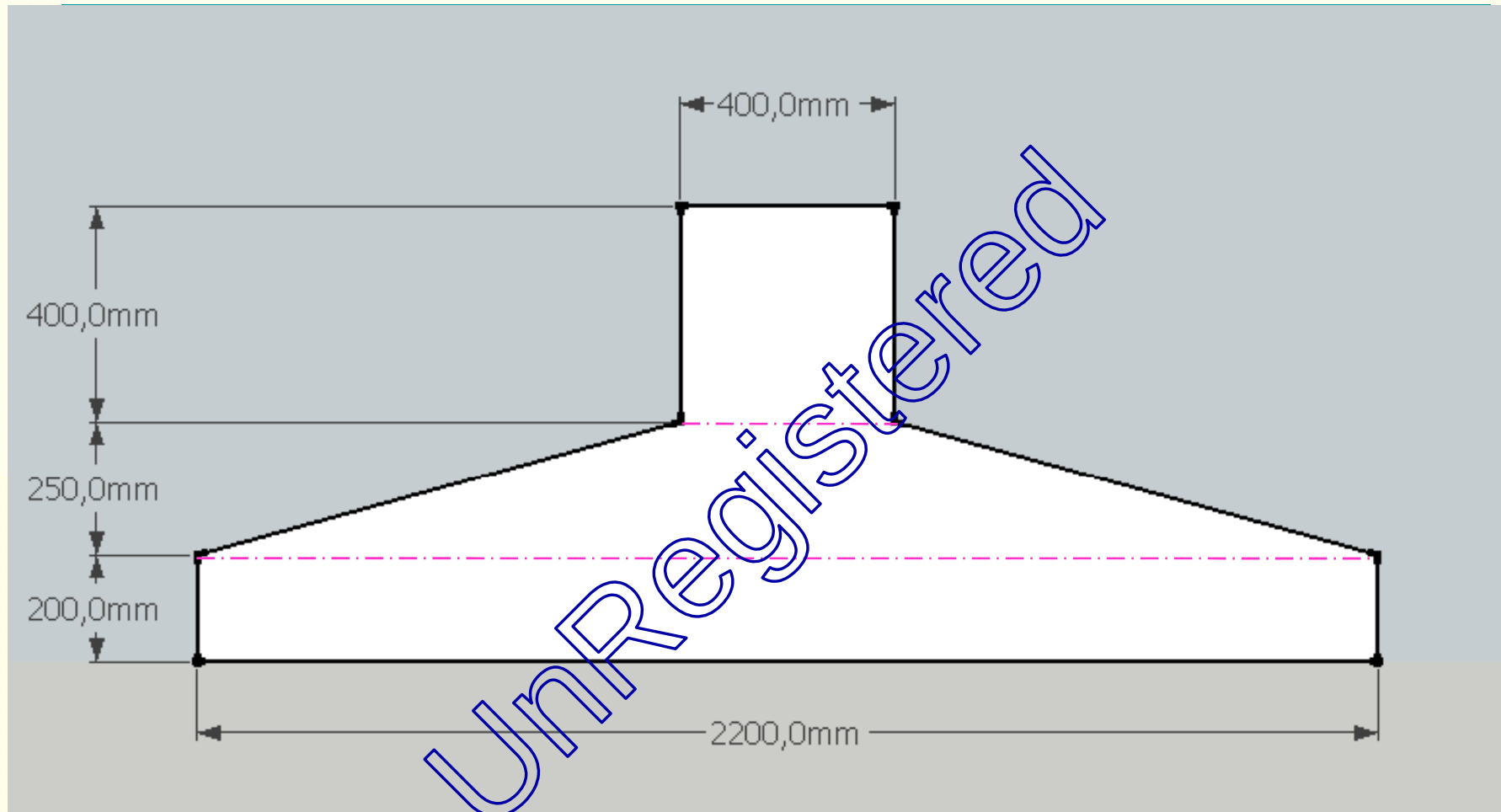
Khối l- ợng
đất lấp móng (m³)

Khối l- ợng
đất đào (m³)

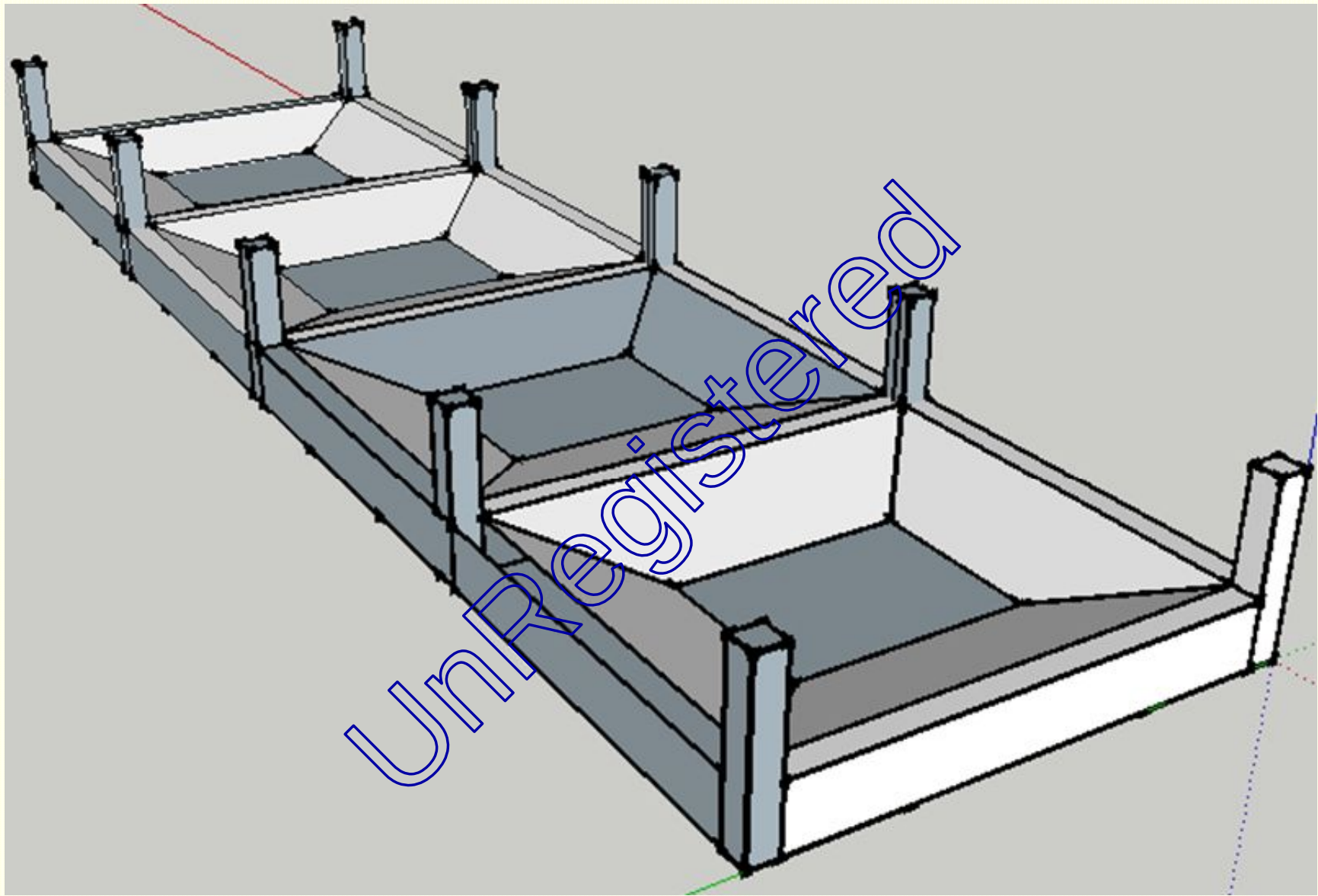


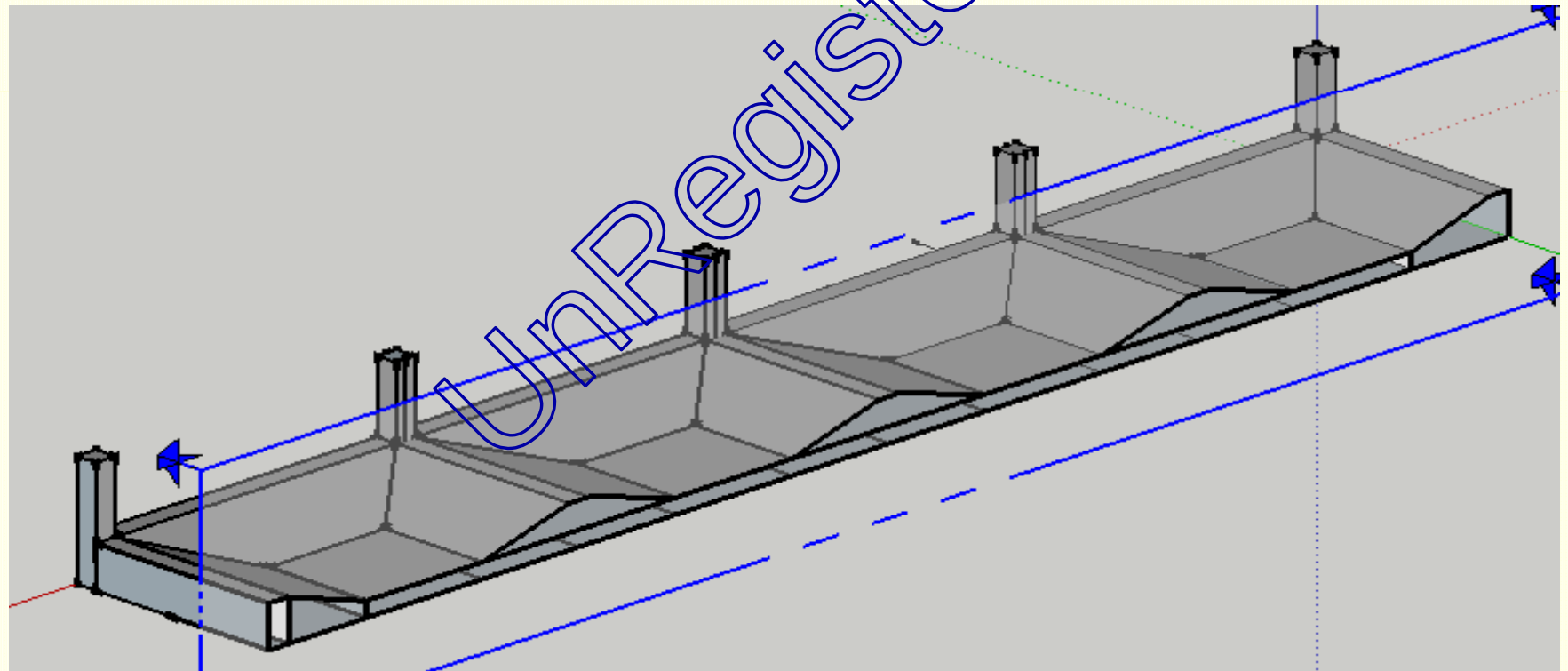
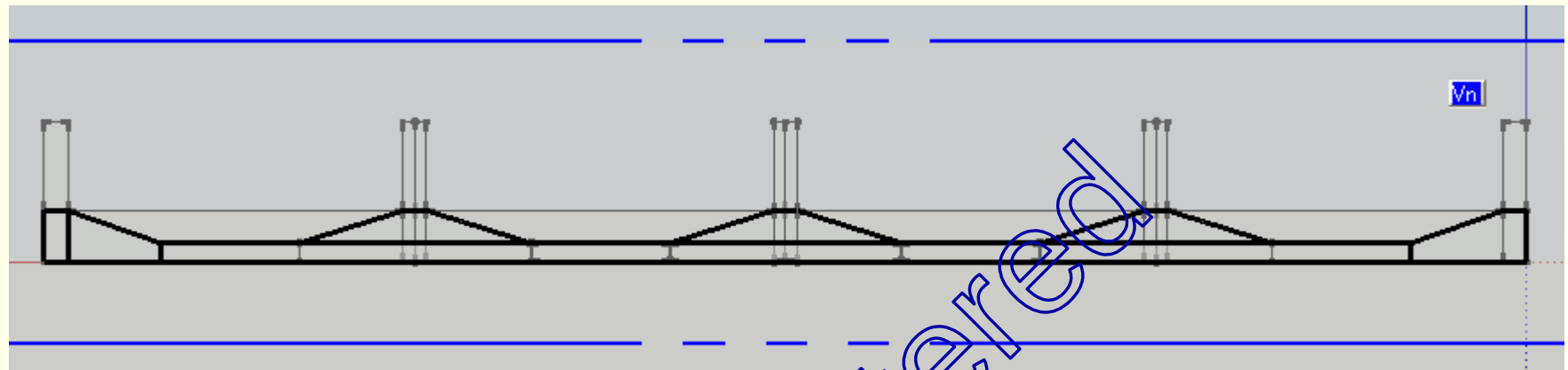






$$V = L_x (0,2 \times 2,2 + (0,4 + 2,2) \times 0,25 / 2 + 0,4 \times 0,4)$$





-
- TIÊN LƯỢNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

2. Công tác đóng cọc

- ✓ Cọc tre t- ời có đ- ồng kính $\varnothing \geq 80$
 - ✓ Cọc gỗ
 - ✓ Cọc bê tông cốt thép
-

2. Công tác đóng cọc

2.1 Đơn vị tính : tính theo m dài cọc (100 m)

2.2 Qui cách:

- ✓ Đóng cọc bằng thủ công:
 - Loại cọc, mật độ cọc (số cọc đóng tính trên 1 m^2).
 - Kích thước cọc (chiều dài, đường kính, tiết diện)
-

a-Cọc tre, tràm: chiều dài cọc ngập đất $\leq 2,5$ m; $> 2,5$ m.

b- Cừ gỗ :chiều dài cừ ngập đất ≤ 4 m; > 4 m.

- Cấp đất

- Biện pháp thi công(đóng thủ công, đóng bằng máy). .

✓ Đóng cọc bằng máy:

- Loại cọc (cọc gỗ, cừ gỗ, cọc BTCT, cọc ống BTCT, cọc ván thép, cọc ống thép, cọc thép hình. . .)
 - Đóng cọc trên mặt đất hay trên mặt n- ớc.
 - Cách đóng: có cọc dẫn hay không có cọc dẫn
 - Chiều dài cọc ngập đất hay không ngập đất
-

✓ Đóng cọc bằng máy:

- Ph- ơng tiện: đóng bằng máy, tàu đóng cọc, trọng l- ợng búa . .

2.3 Ph- ơng pháp tính:

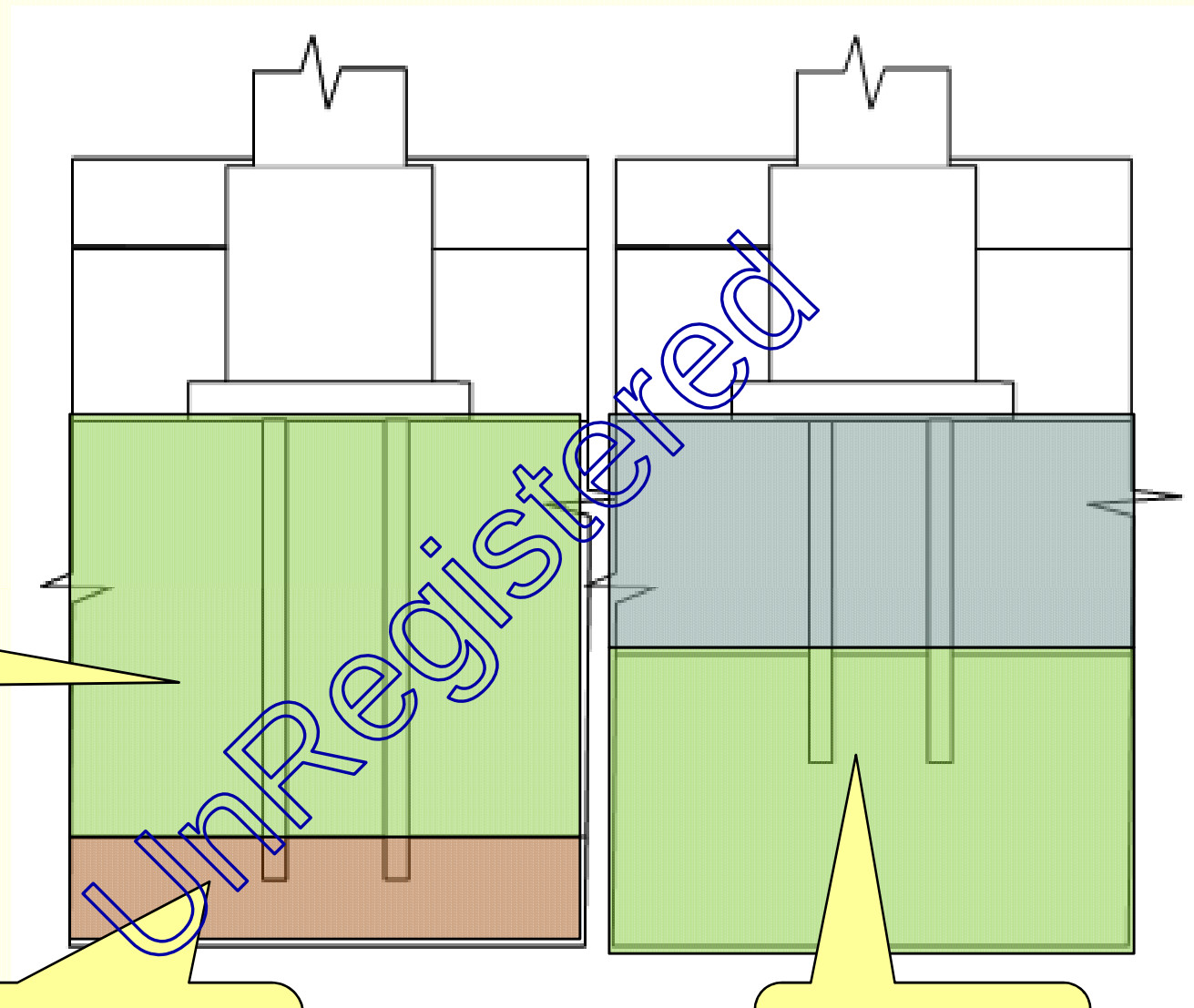
Xác định: đơn vị tính, qui cách, ph- ơng pháp thi công.

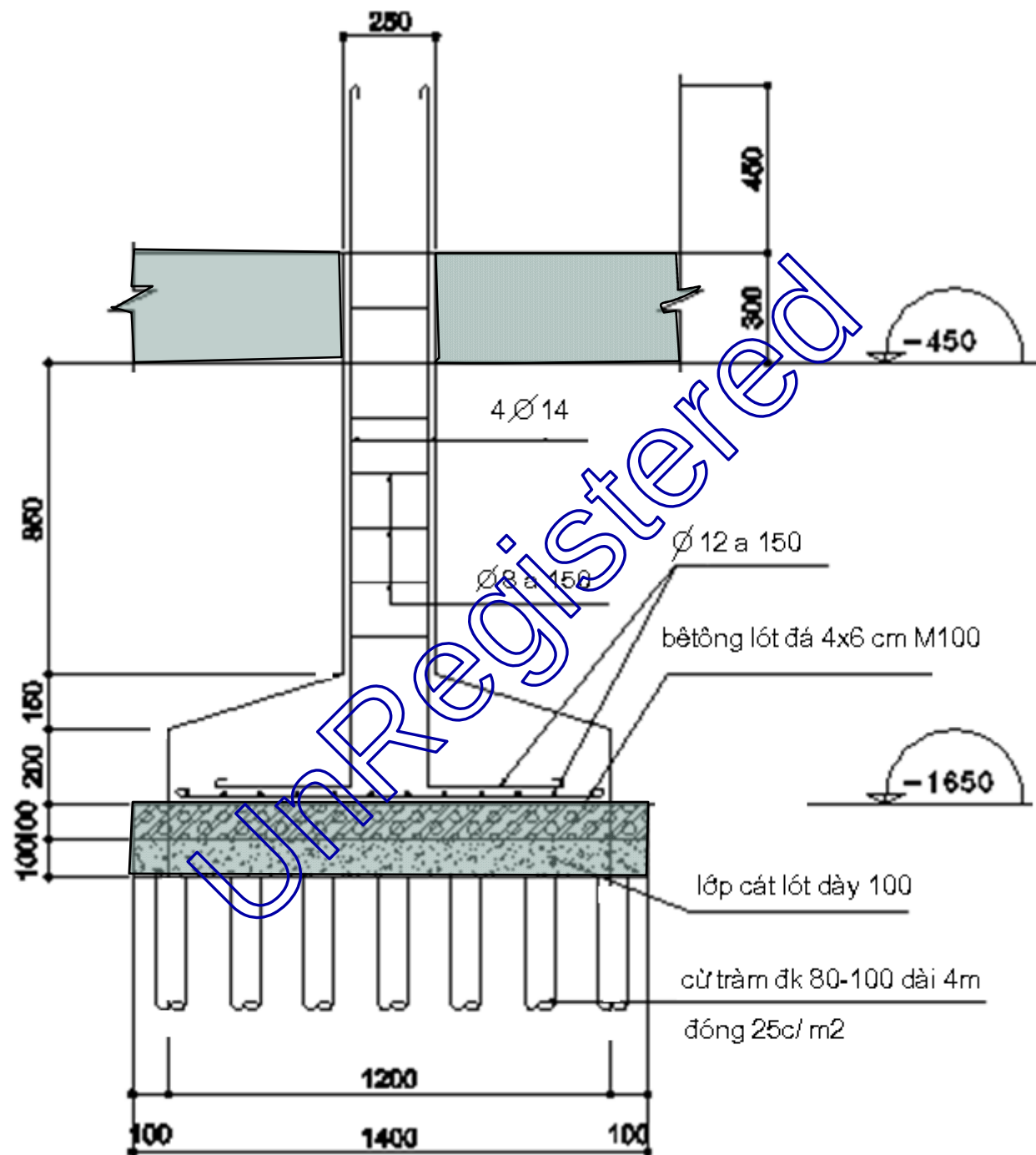
Tổng chiều dài cọc (m) =
diện tích cần đóng x số l- ợng cọc / m²
x chiều dài 1 cọc

Lớp đất yếu

Chống vào lớp đất cứng

Lớp đất yếu





3. Công tác thép

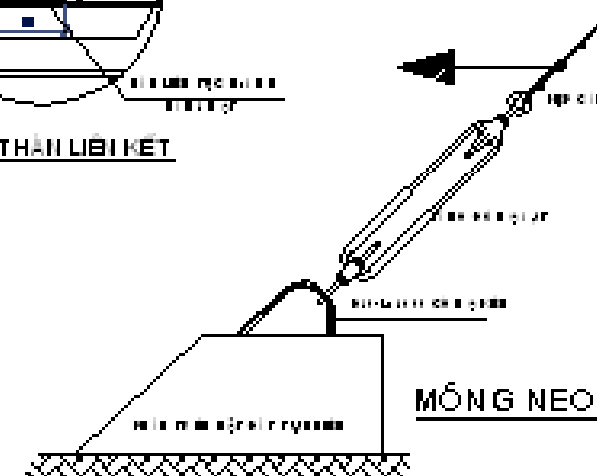
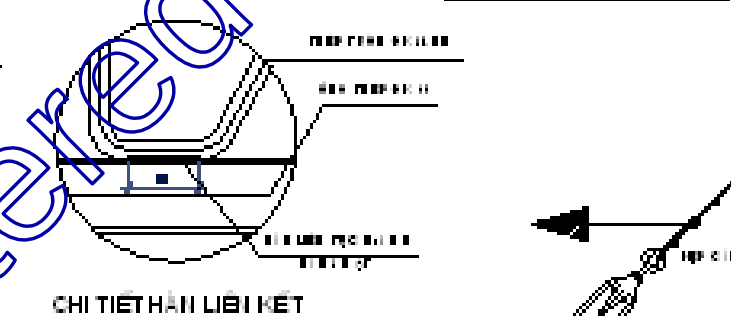
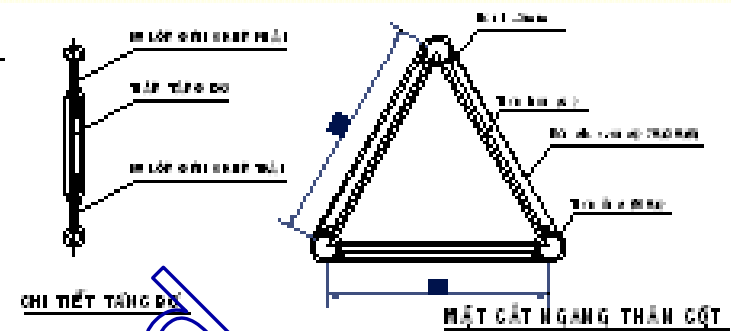
- Kết cấu thép: Cột, dầm, vì kèo, dầm thép . . . bằng thép hình(U,I,T,L,Z, H. .) thép bản, thép tròn.
 - Cốt thép trong bê tông cốt thép : thép tròn có gai, tròn trơn.
-

3. Công tác thép

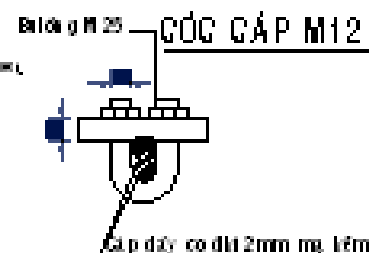
3.1 Đơn vị tính: kg, tấn

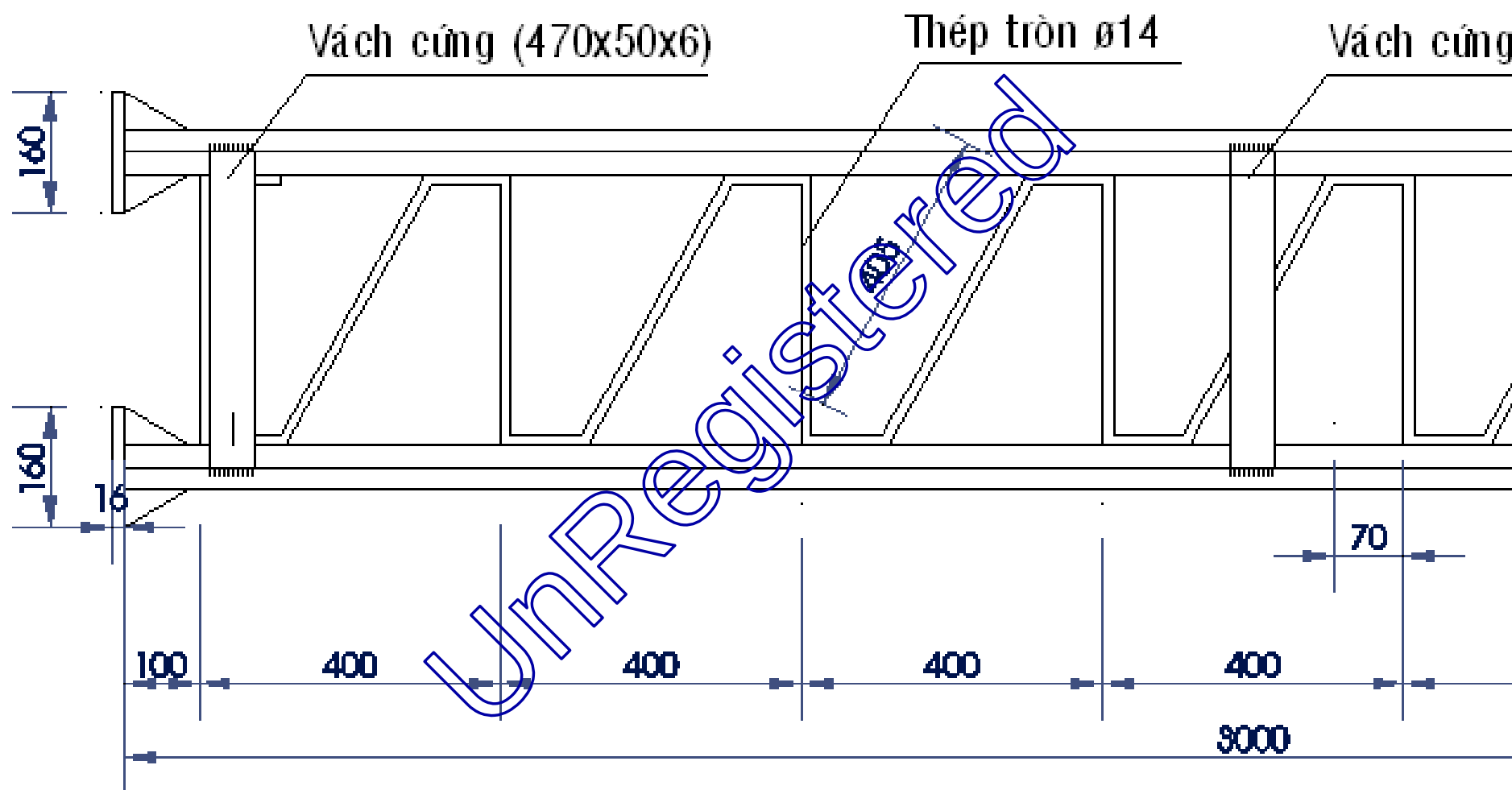
3.2 Qui cách:

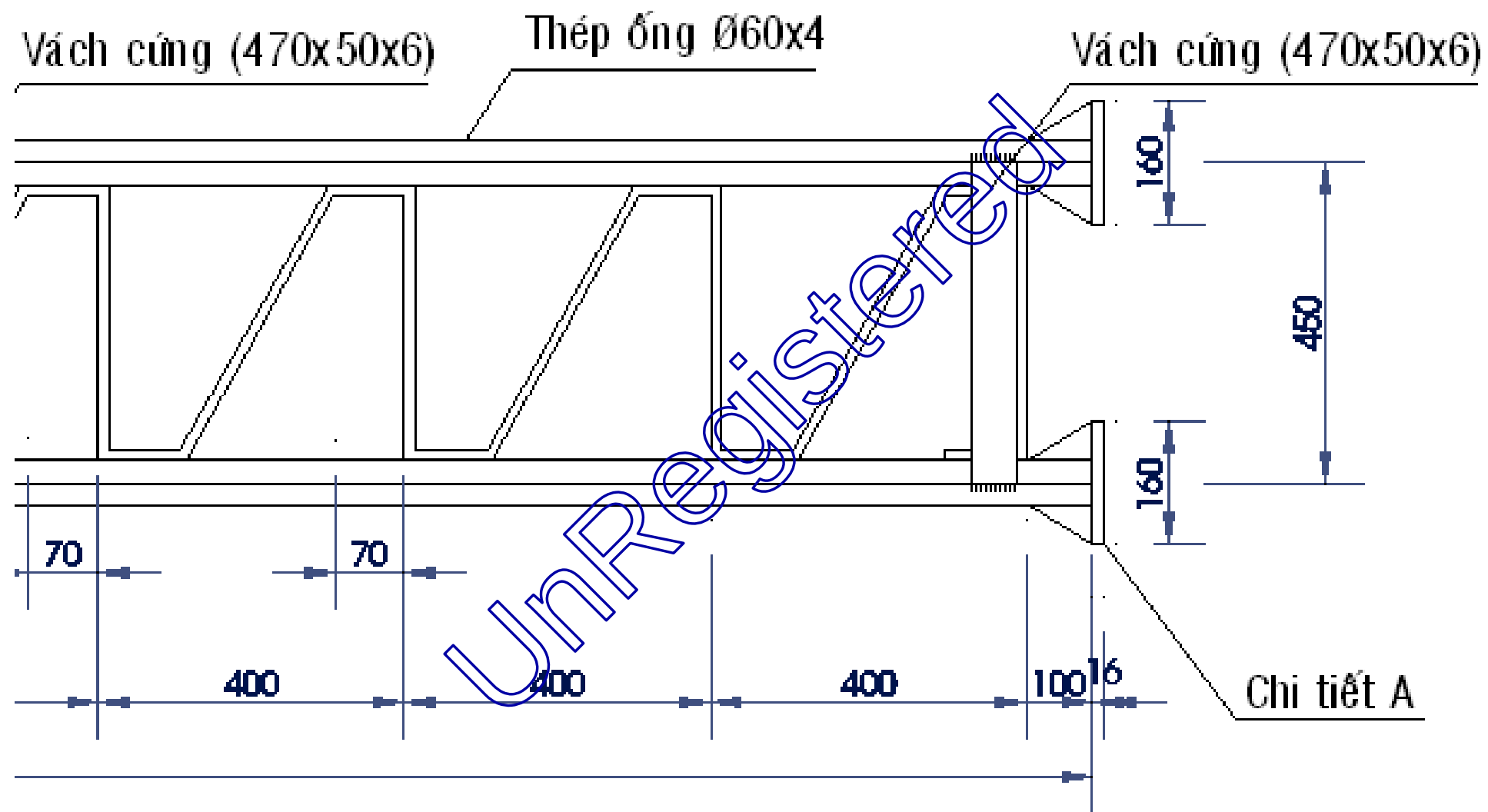
- Loại thép: CT1, CT2, . . . AI, AII, . . . CI, CII, CIII, CIV
 - Kích thước : thép hình (ký hiệu thép)
 - Đường kính thép : $\varnothing \leq 10$, $\varnothing \leq 18$, $\varnothing > 18$.
 - Loại cấu kiện: (cột, móng, dầm, xà, giằng, lanh tô, cầu thang . .)
-

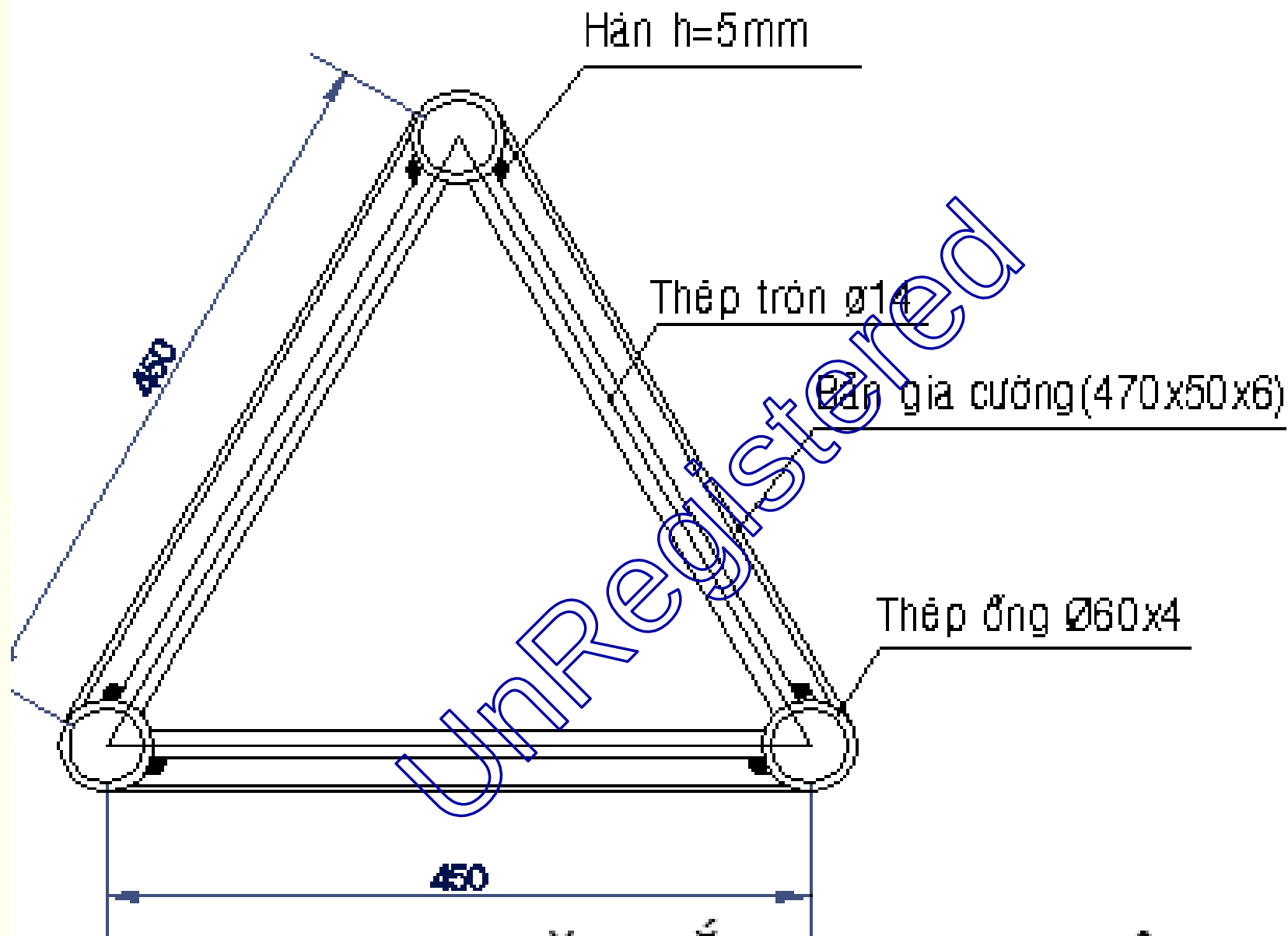


KẾT CẤU CÁC ĐOẠN THÂN

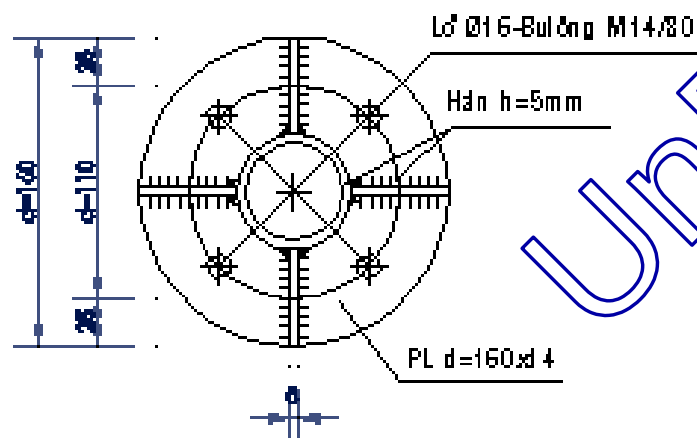
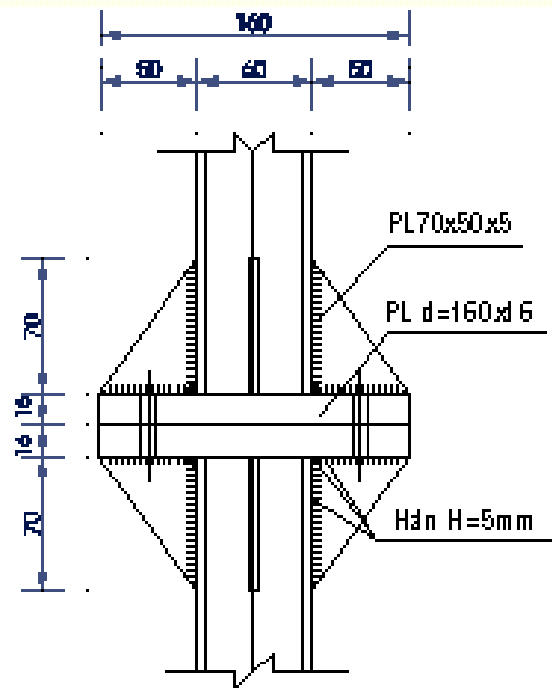
[illegible]



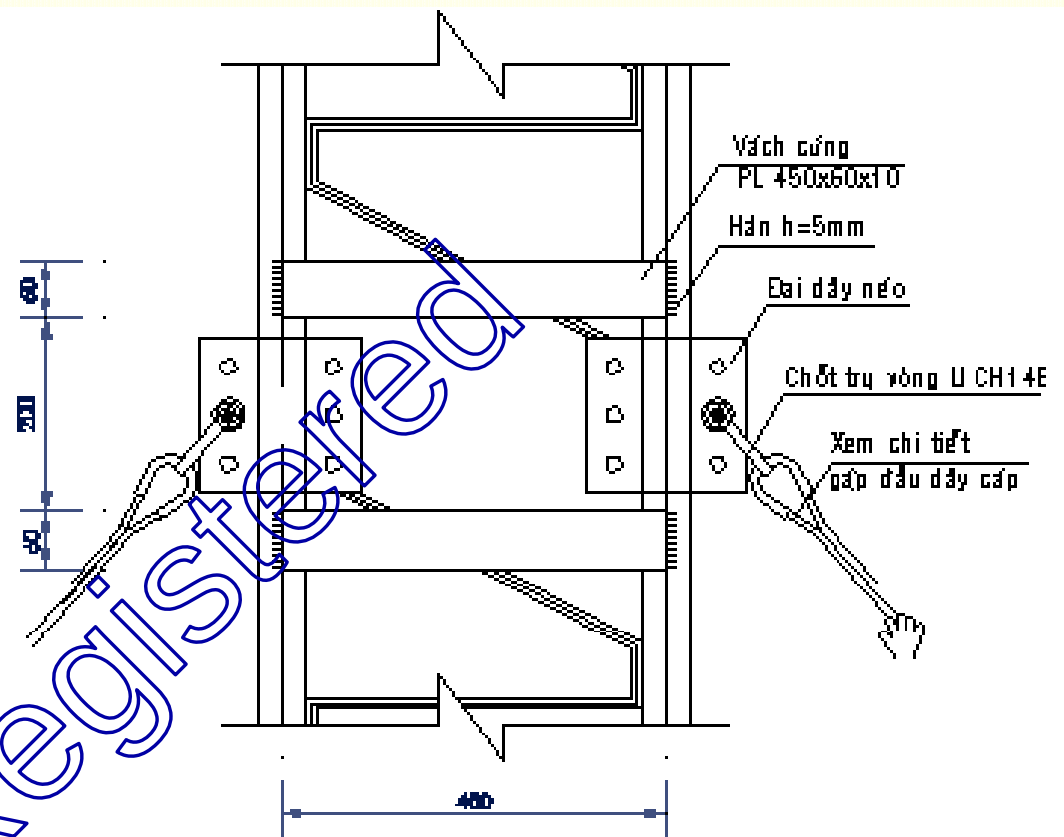




MẶT CẮT NGANG THÂN CỘT

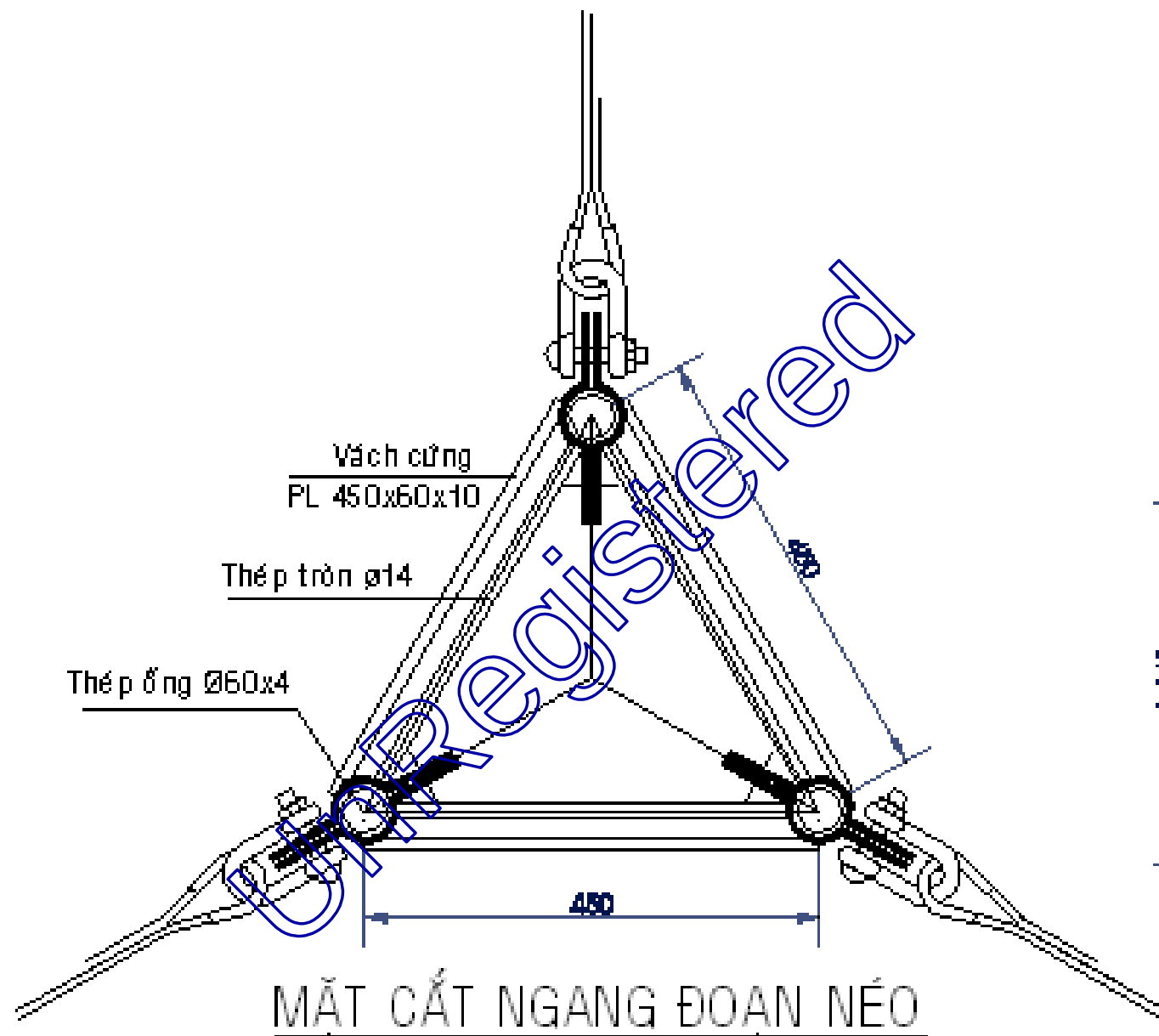


CHI TIẾT MỐI NỐI ĐOẠN

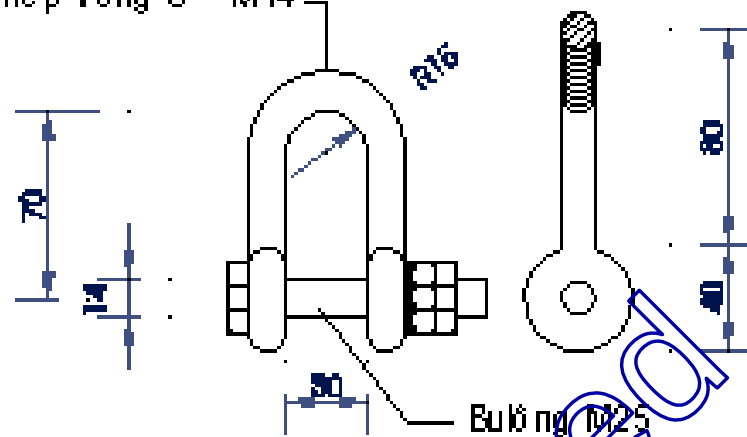


CHI TIẾT LIÊN KẾT DÂY NÉO



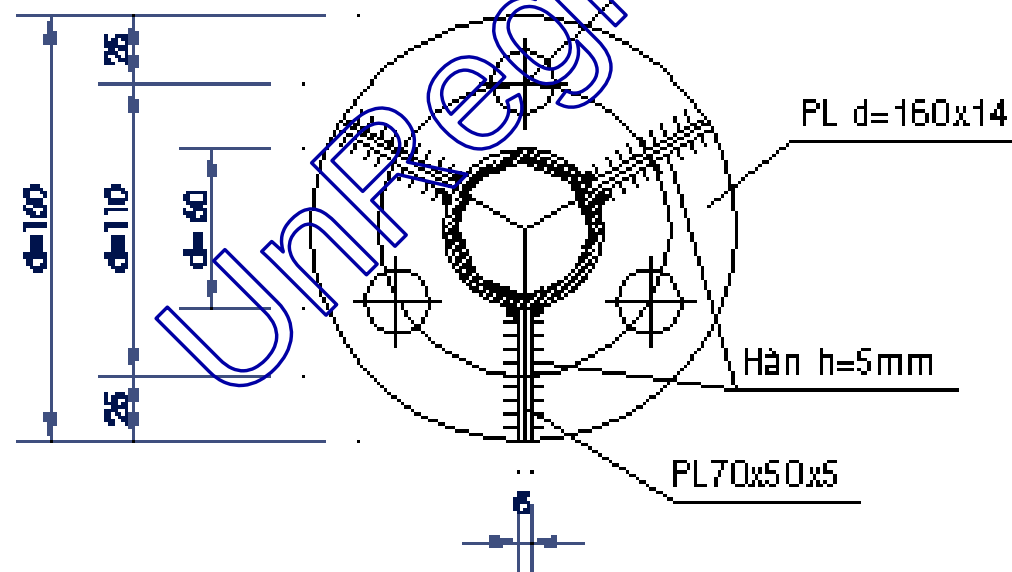


Thép Vòng U - M14

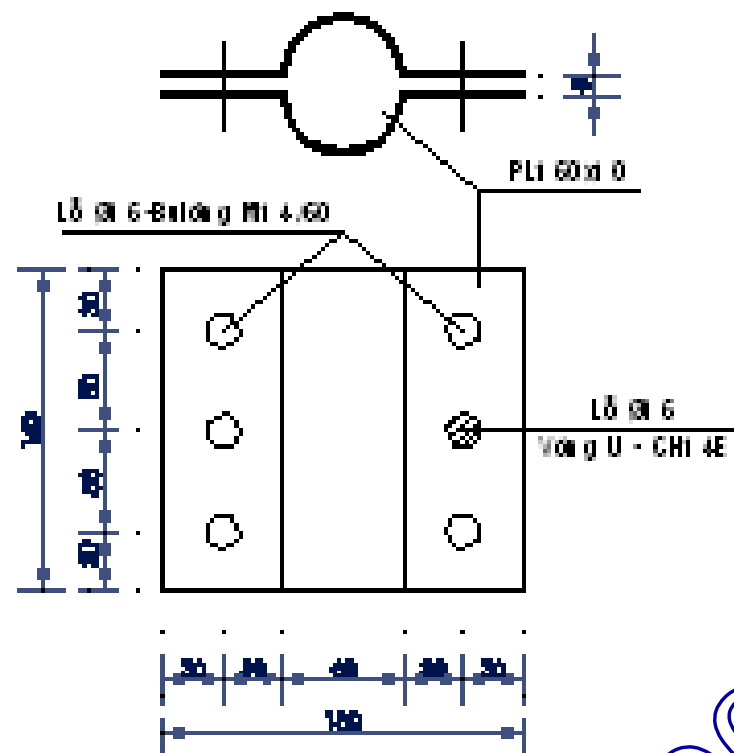


CHỐT TRU VÒNG U M14E

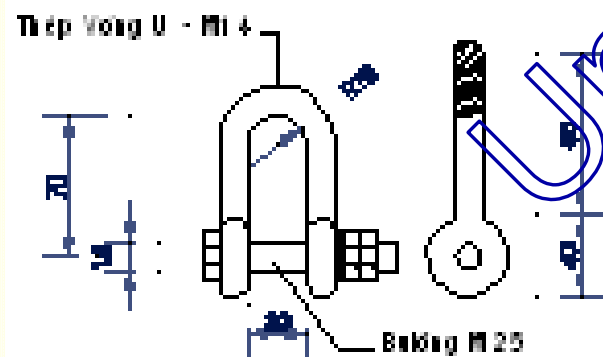
Lỗ Ø24 Bulông M20



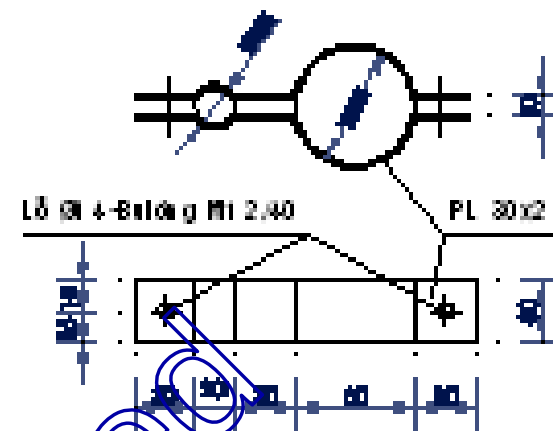
CHI TIẾT A



CHI TIẾT DÂY NẸO

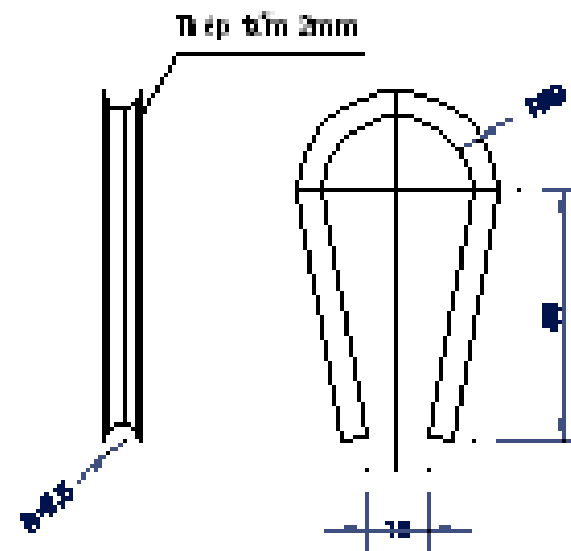


CHỐT TRỤ VÒNG U CH14E

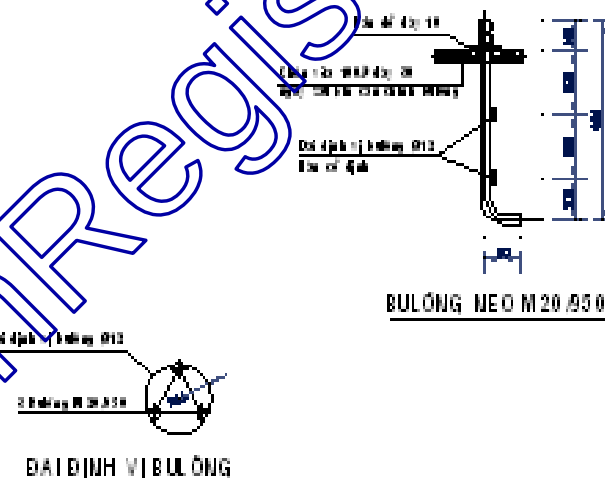
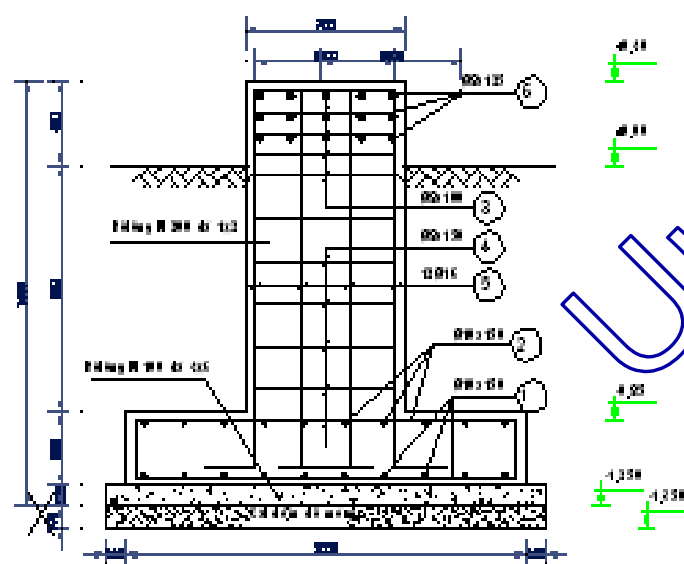
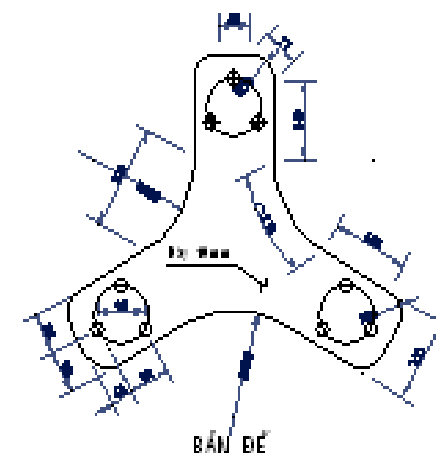
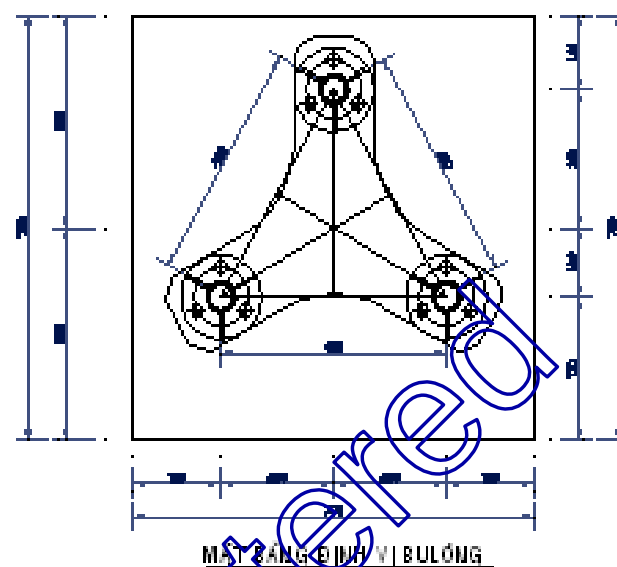
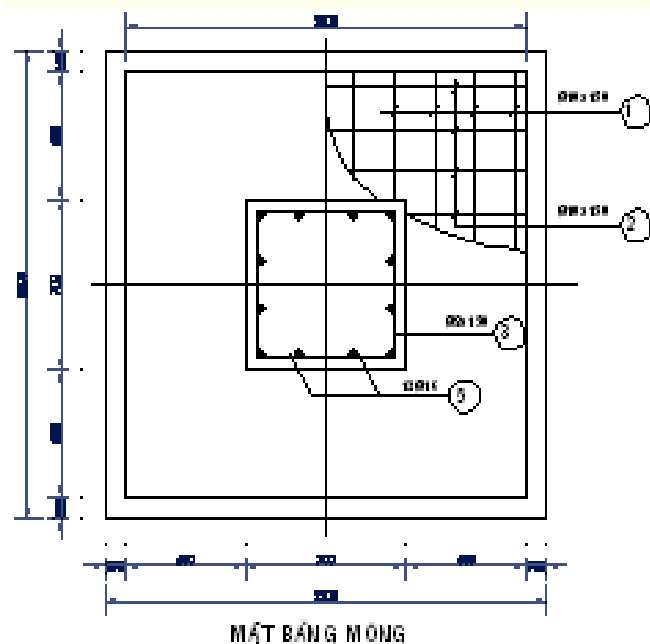


CHI TIẾT CODE

ĐẶT DÂY TIẾP ĐỊA VÀO THÂN TRỤ
CÁCH KHOẢNG 2 = 2m



YẾM CÁP



CHỈ CHỮ

- KẾ LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V) TẠI ĐÓNG KẾT
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)
- ĐÓNG KẾT LƯU LẠI MẶT ĐỈNH V)

10/10/2021

CHI TIẾT MŨNG TRỤ

3. Công tác thép

3.3 Phương pháp tính toán:

a- Tính thép cho kết cấu thép:

- Tính ra chiều dài của từng loại thanh thép hình.
 - Tính ra diện tích từng tấm thép bản của cấu kiện.
 - Dùng bản tra trọng lượng thép có sẵn.
-

3. Công tác thép

3.3 Ph- ơng pháp tính toán:

- b- Tính thép trong kết cấu bê tông cốt thép:
- Sử dụng số liệu có sẵn trong bản thống kê cốt thép ở bản vẽ thiết kế, kiểm tra lại thừa thiếu.
 - Tra bảng trọng l- ượng đơn vị của từng loại thép theo đ- ờng kính.
 - Cộng chung khối l- ượng từng loại đ- ờng kính của các nhóm cấu kiện
-

- # Bảng Thống kê cột thép

[illegible]

3. Công tác thép

3.3 Ph- ơng pháp tính toán:

+ Chú ý :

- Thép uốn xiên $\alpha = 45^\circ$

L xiên = $1,414 h_1$.

- Thép uốn xiên $\alpha = 60^\circ$

L xiên = $1,155 h_1$.

Với $h_1 = h - 2a$

3. Công tác thép

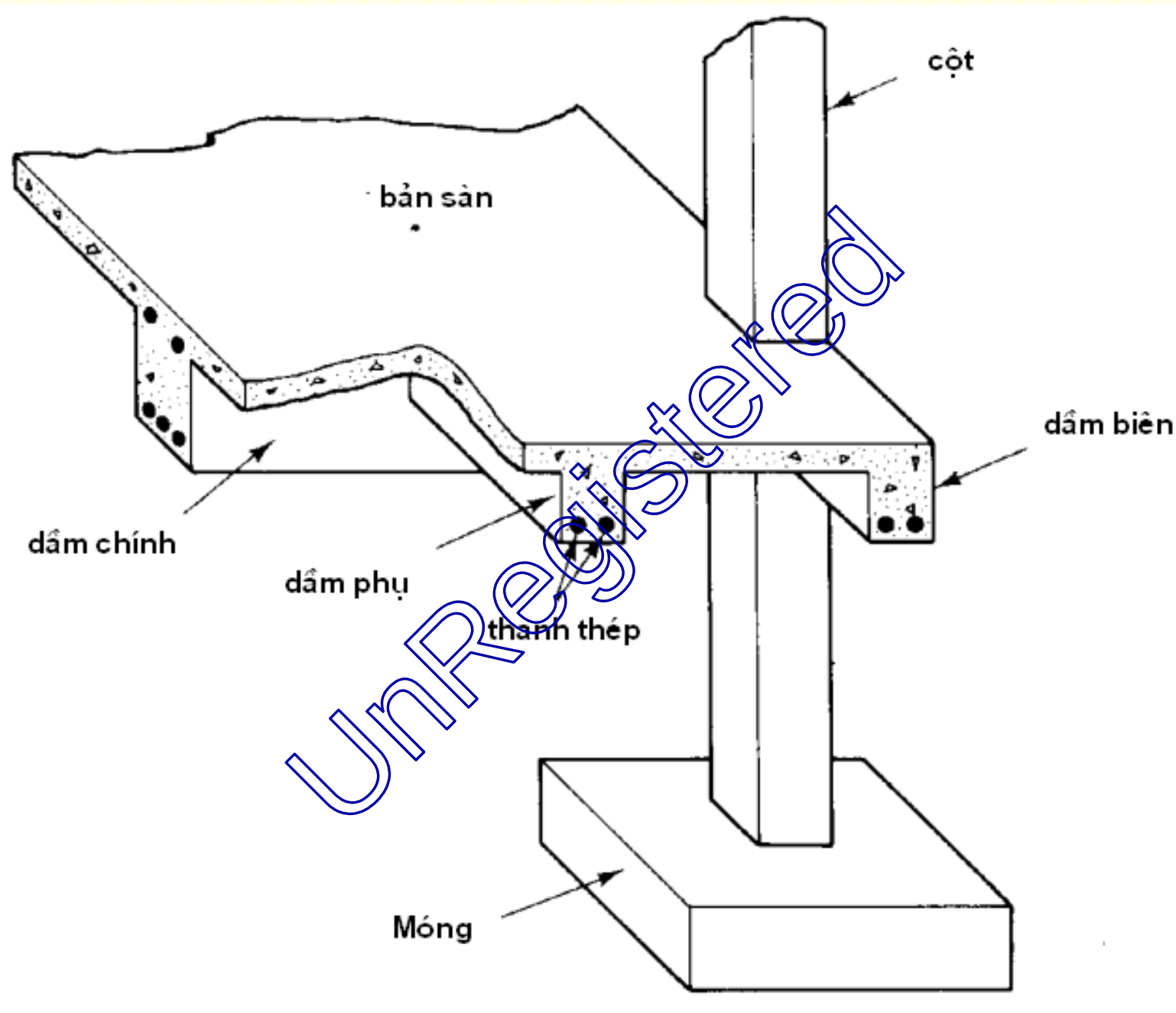
3.3 Ph- ơng pháp tính toán:

+ Chú ý :

- Lớp bảo vệ cốt thép
sàn, t- ờng dày ≤ 100 $a_b = 10 \text{ mm}$
sàn, t- ờng dày > 100 $a_b = 15 \text{ mm}$
- Cột dầm có d- ờng kính thép
 $\square \leq 20$ $a_b = 20 \text{ mm}$
 $\square > 20$ $a_b = 25 \text{ mm}$
 $\square > 30$ $a_b = 30 \text{ mm}$

4. Công tác bê tông

- Bê tông lót móng, bê tông: móng, cột, dầm sàn, lanh tô, ô văng, giằng móng, giằng tầng, nền, bệ máy . . .



4. Công tác bê tông

4.1 Đơn vị tính: bê tông và bê tông cốt thép là m³

4.2 Qui cách:

- Loại bê tông: bt gạch vữa, sỏi, đá dăm có cốt thép trong cấu kiện hay không.
 - Mác bê tông
 - Tên loại kết cấu: móng cột, dầm sàn, cầu thang, giằng . .
 - Vị trí kết cấu: cao ≤ 4 m; cao > 4 m
 - Thi công : trộn đổ tại chỗ hoặc đúc sẵn . .)
-

4.3 Phương pháp tính toán:

+ Chú ý :

- Phân tích cấu kiện bê tông thành từng khối hình học đơn giản để tính toán.
 - Khối bê tông gồm 2 phần : trong và ngoài t-ờng , khi tính t-ờng xây phải trừ **phần bê tông chiếm chỗ trong t-ờng**.
 - Các kích thước có liên quan với nhau nên cần làm thống nhất để có thể sử dụng vào phần tính sau.
-

4.3 Phương pháp tính toán:

+ **Chú ý :**

- diện tích đào móng = diện tích bê tông lót móng.
 - diện tích bê tông lót nền = diện tích đắp nền.
 - Chiều dài giằng t-ờng = chiều dài t-ờng
 - Thông t-ờng **không phải** trừ thể tích cốt thép nằm trong bê tông .
-

5. Công tác nề

- Công tác nề bao gồm: Xây, tô trát, láng, lát, ốp, lợp mái, xây bờ chảy.

5.1 Công tác xây:

- Đơn vị tính: Công tác xây tính theo m³
 - Quy cách:
 - Bộ phận xây: (móng, t-ờng, trụ . . .)
 - Vị trí của bộ phận ($\text{cao} \leq 4\text{m}$ hoặc $> 4\text{m}$)
 - Vật liệu xây (đá, gạch . . .)
 - Loại vữa, mác vữa
-

5.1 Công tác xây:

- Phương pháp tính:

- Diện tích bề mặt = Lấy toàn bộ chiều dài t-ờng nhân chiều cao;
 - Diện tích t-ờng = DT bề mặt trừ đi diện tích ô cửa và ô trống
 - Khối lượng xây = Diện tích t-ờng x bề dày t-ờng – kết cấu khác chèn trong t-ờng
-

5.2 Công tác trát láng:

- Là một trong những công tác hoàn thiện
 - Đơn vị tính: tính theo m² mặt trát, láng-trát gờ, phào, chỉ, hèm cửa tính theo m dài
 - Quy cách:
 - Vị trí cấu kiện được trát láng (tờng, trần, trụ, gờ, phào máy chỉ, láng nền, sàn, ô văng bề ngoài...) đánh màu, cao < 4m, cao > 4m
 - Loại vữa, số hiệu vữa
-

- Quy cách:

- bề dày lớp trát
- Biện pháp trát
- Yêu cầu kỹ thuật

- Phương pháp tính:

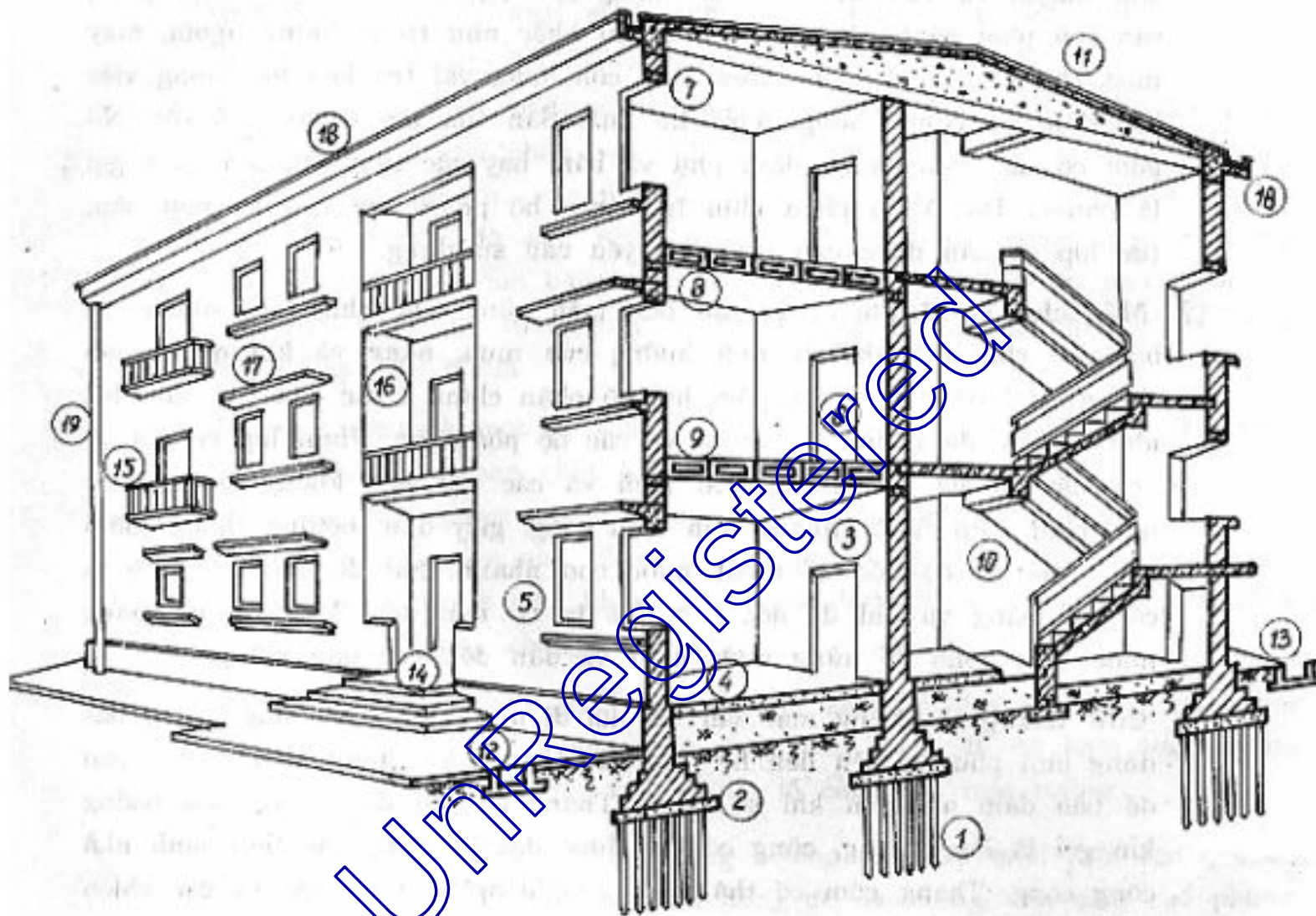
- tính theo diện tích mặt cấu kiện được trát láng
 - Phân biệt mặt trát, mặt láng: ô văng, bậc thang, bề dày lớp trát theo yêu cầu kỹ thuật
-

5.3 Công tác lát ốp:

- Là một trong những công tác hoàn thiện
 - Đơn vị tính: tính theo m² mặt cần lát ốp
 - Quy cách:
 - Vị trí bộ phận cần lát, ốp, cao < 4m, cao > 4m
 - Vật liệu lát ốp (đá, gạch loại gì, kích thước ...)
 - Loại vữa, số hiệu vữa, bề dày
-

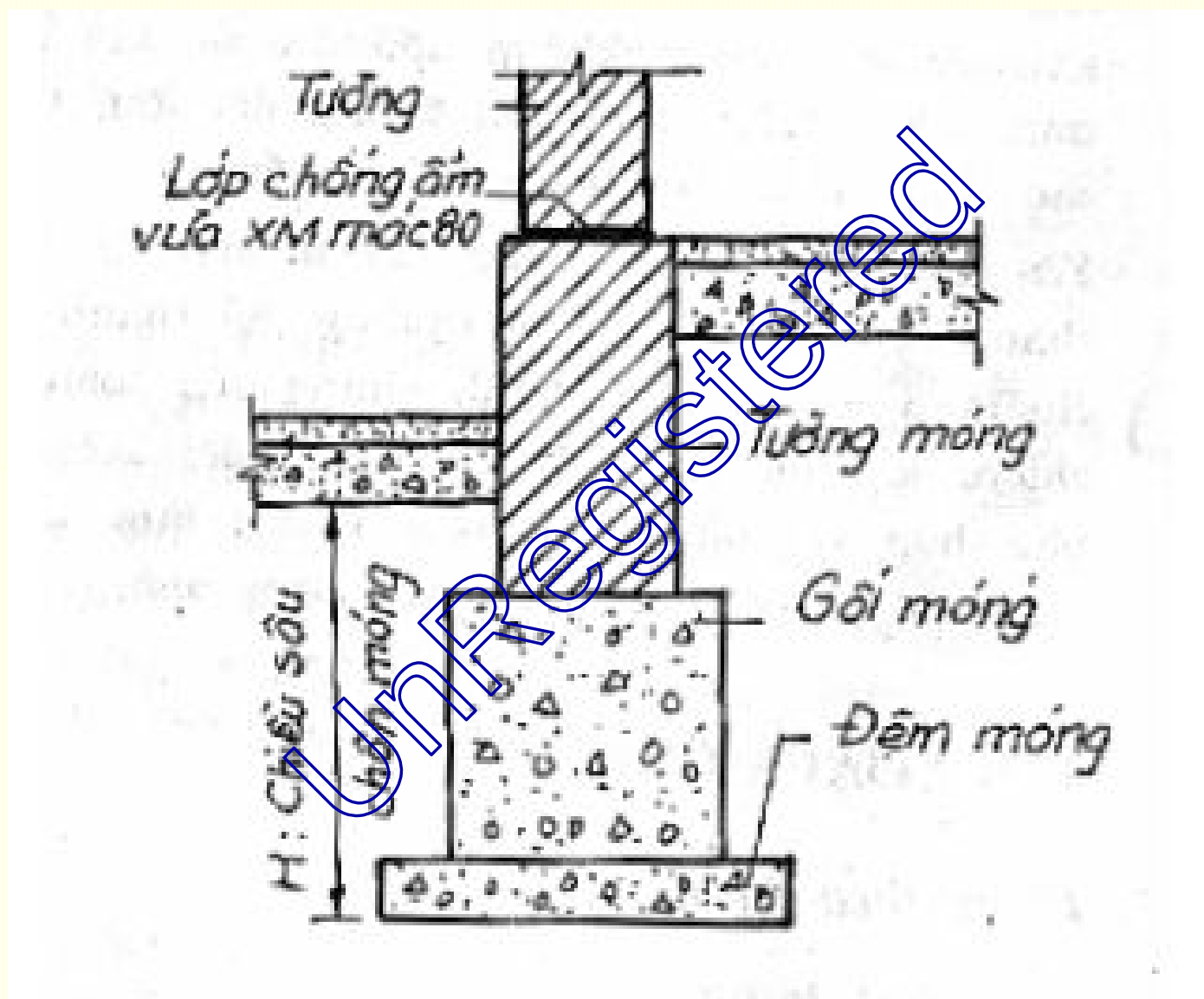
- Phương pháp tính:

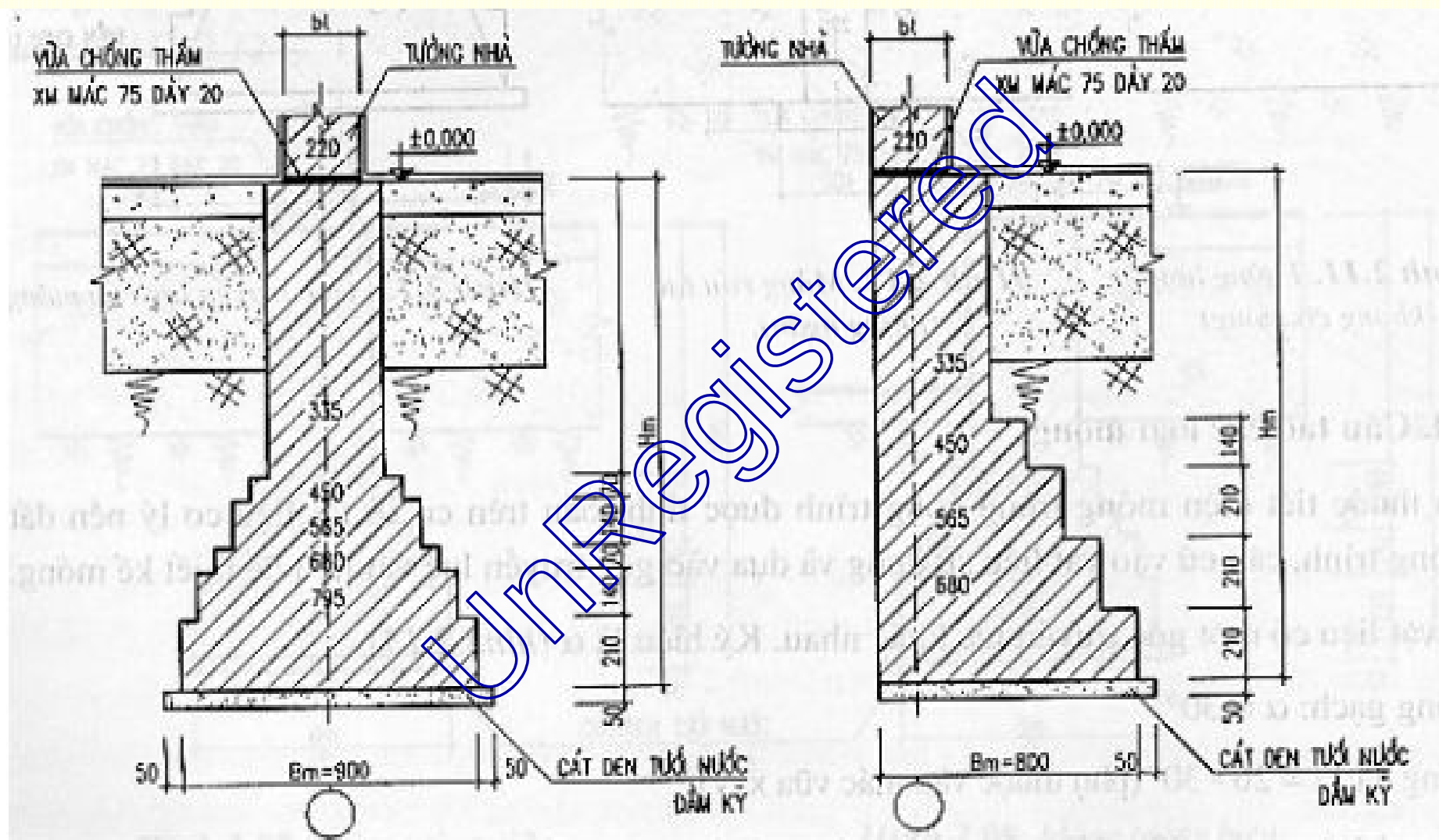
- tính theo diện tích mặt cấu kiện được ốp lát.
- Diện tích lát nền = diện tích trát trần + diện tích qua cửa đi

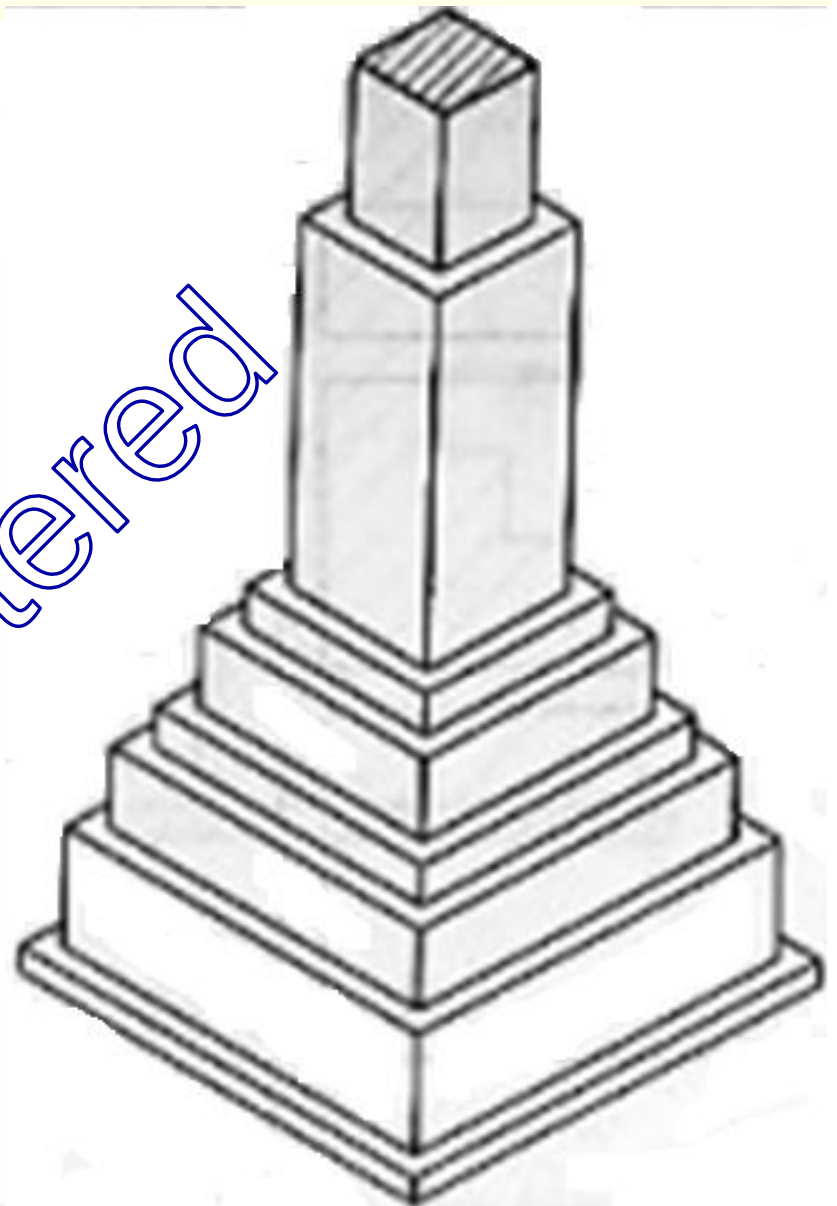
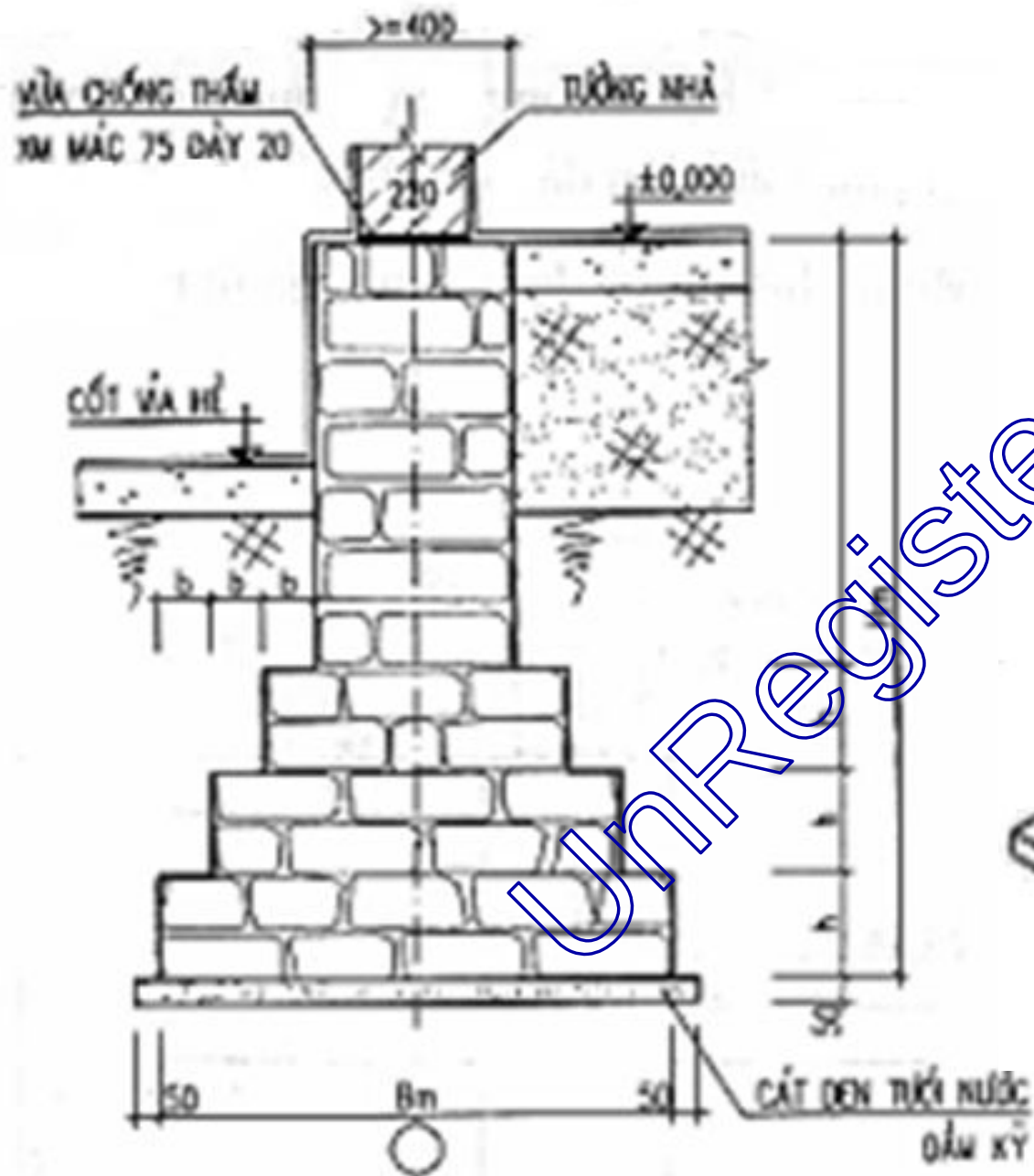


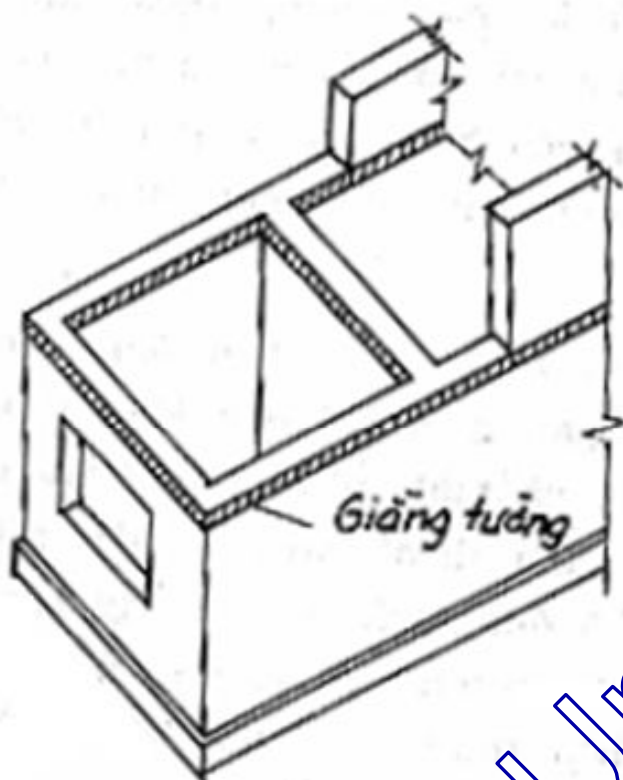
Hình Các bộ phận cấu tạo nhà

1- cọc; 2- móng; 3- tường; 4- nền nhà; 5- cửa sổ; 6- cửa đi; 7- mái; 8- giàn tường; 9- sàn gác; 10- cầu thang; 11- mái; 12- via hè; 13- rãnh nước; 14- bạc thềm; 15- ban công; 16- lỗ gia; 17- mái hắt; 18- máng nước; 19- ống thoát nước.



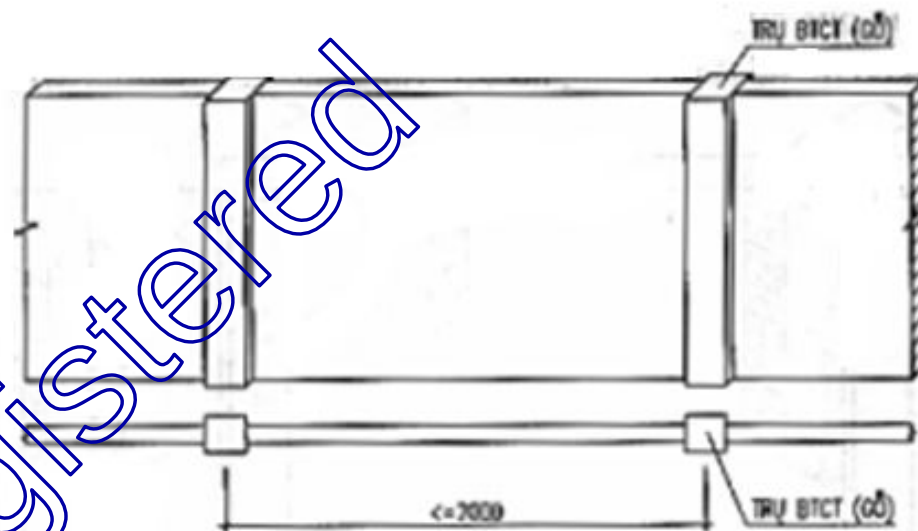




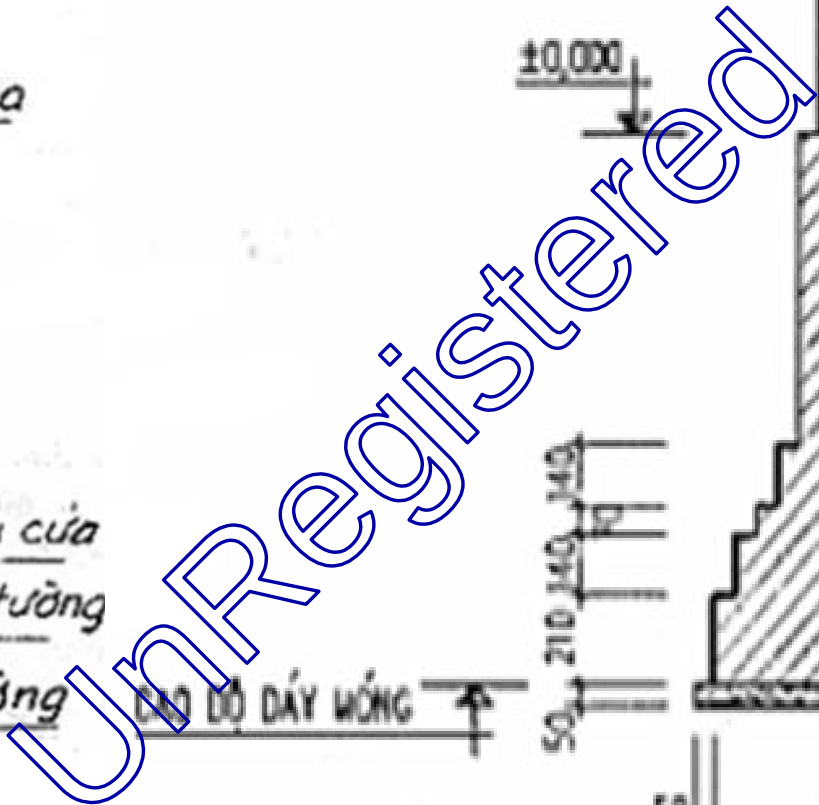


Giăng tường

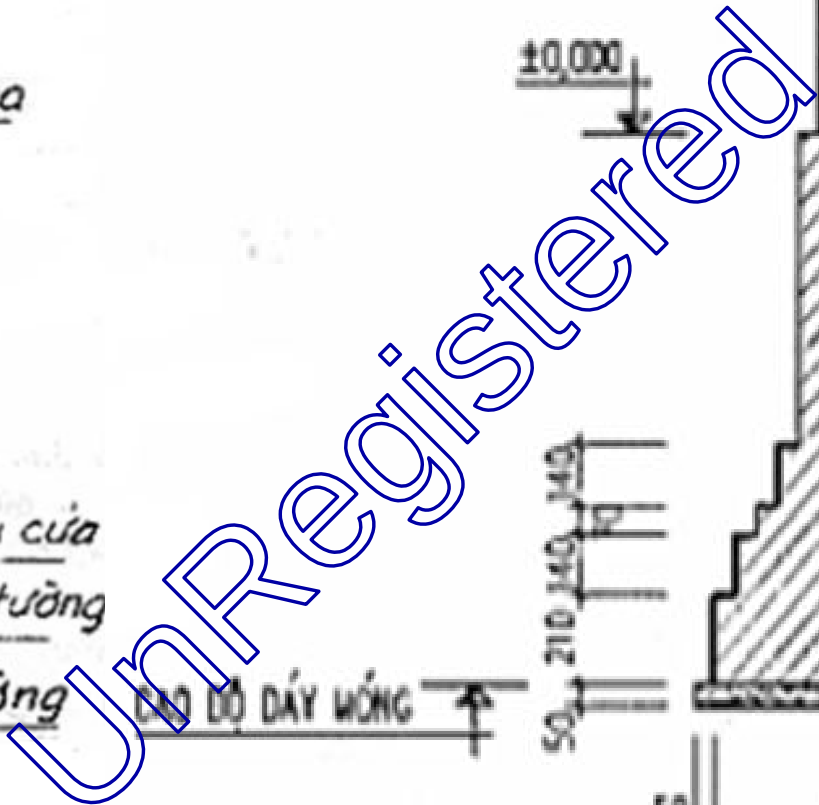
theo tính toán
 $\phi \times 7 \text{ mm}$

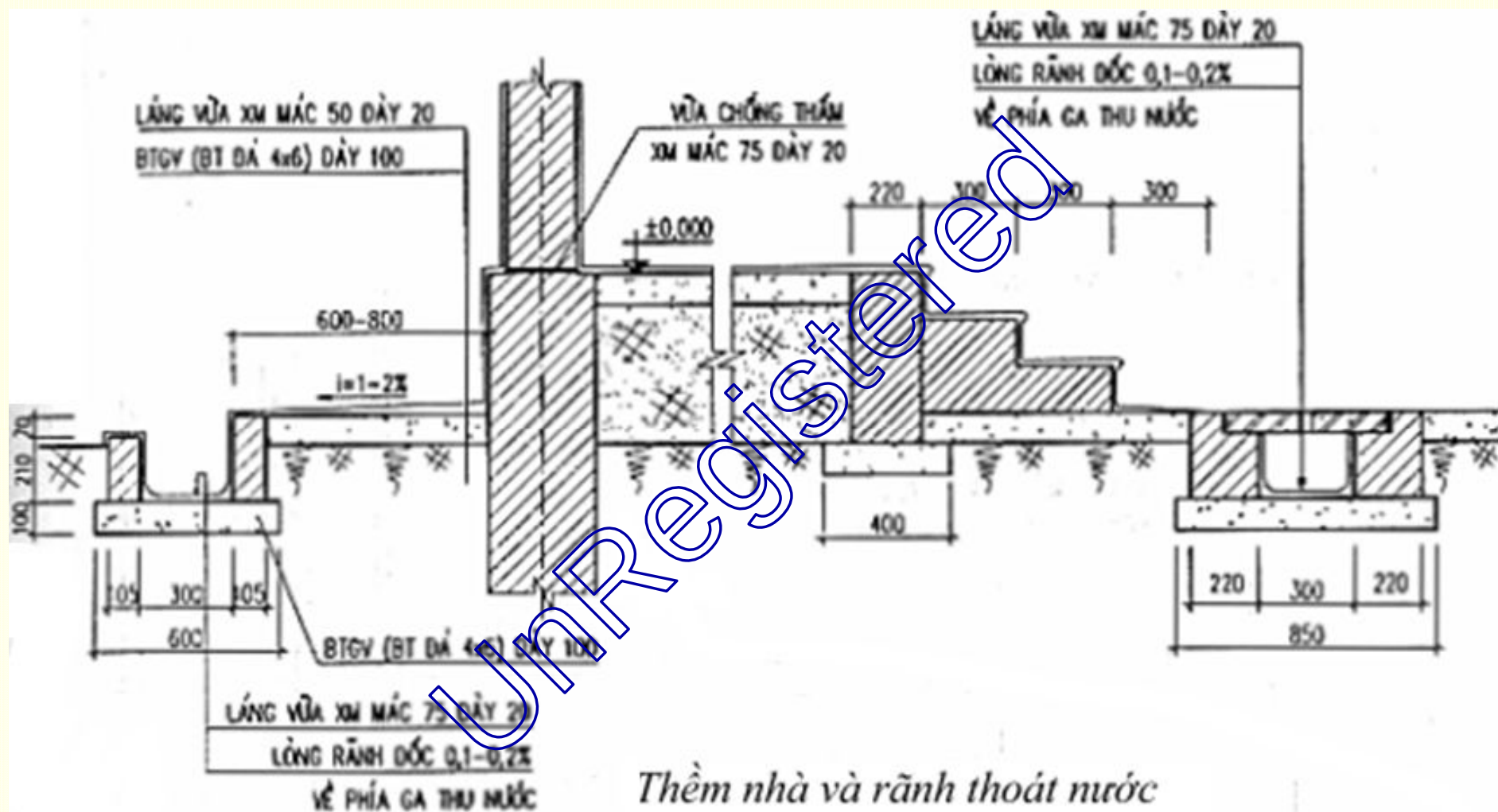


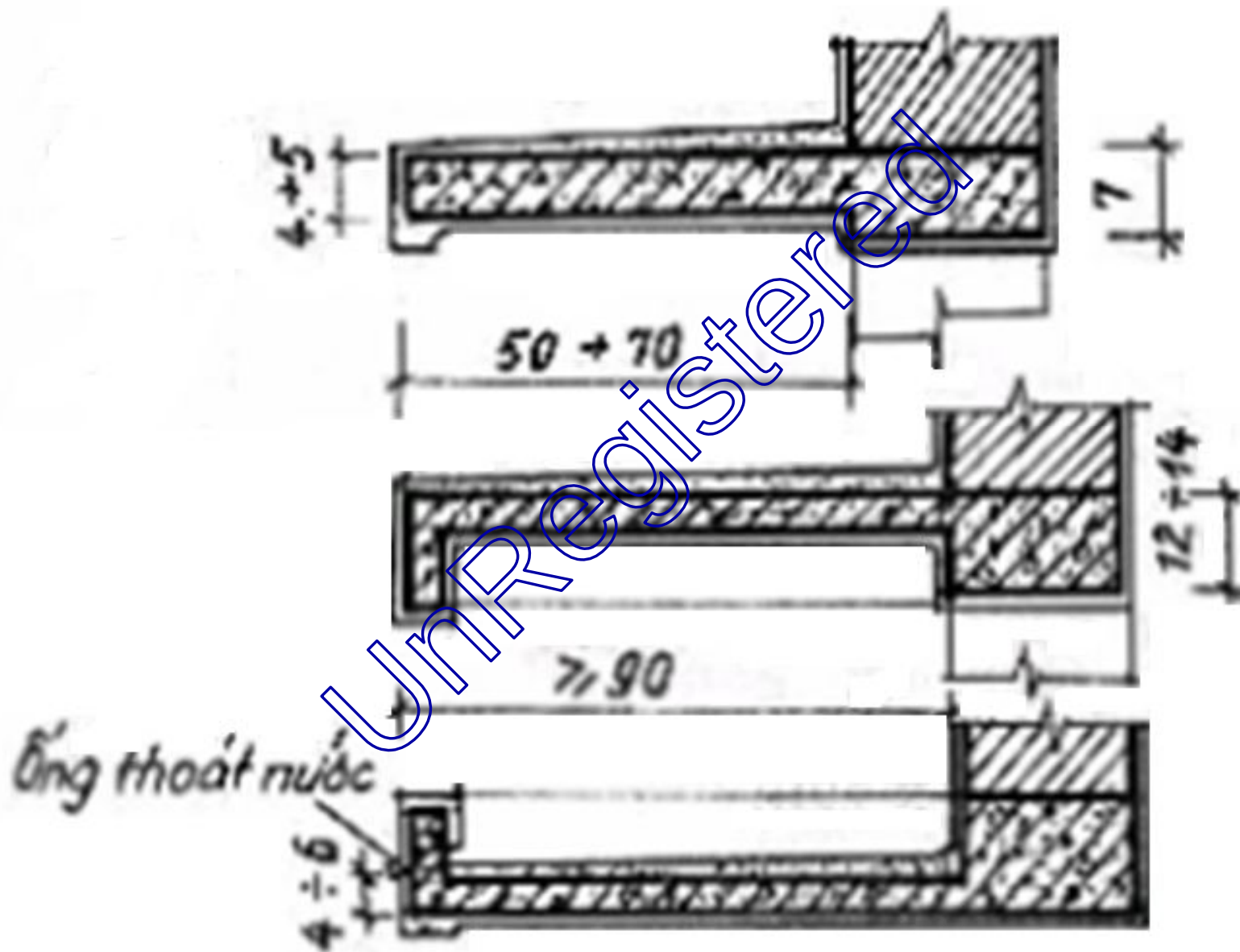
Trụ liên tường, trụ gạch độc lập



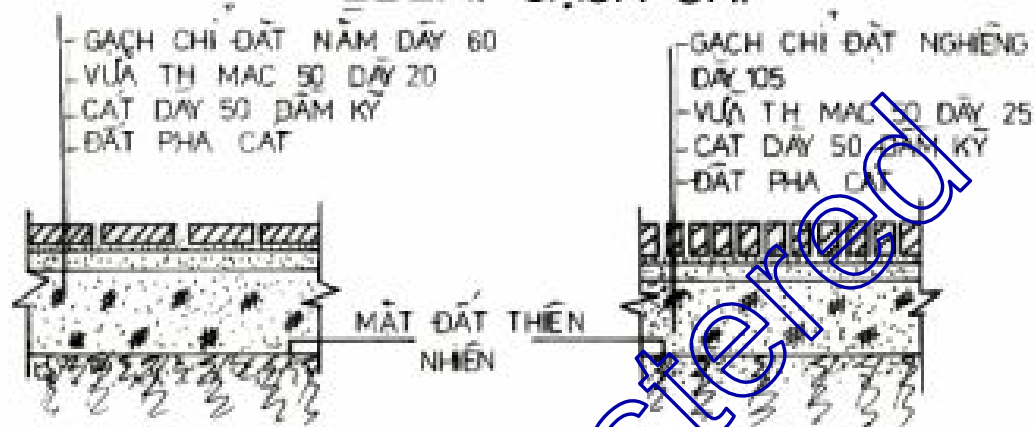
UnRegistered



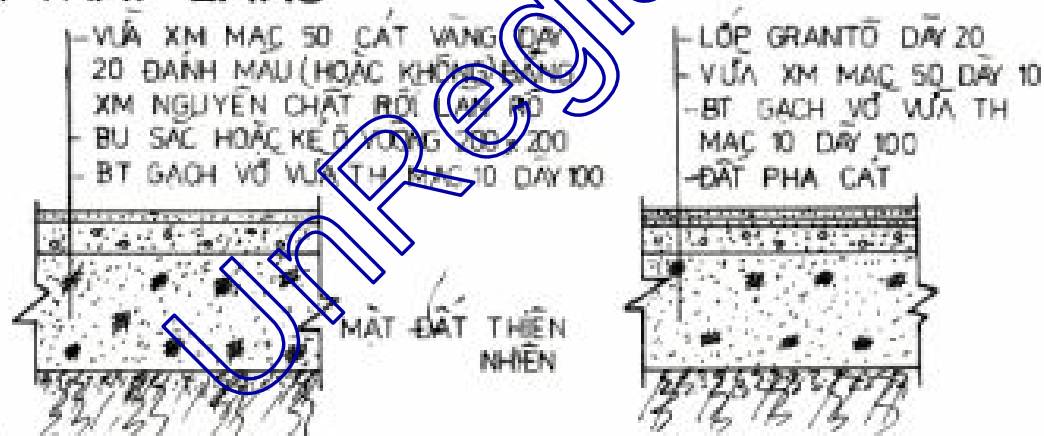




2. LÁT GẠCH CHỈ



NỀN TRÁT LẮNG



3. LẮNG XI MĂNG

NỀN NỖI ẨM, ƯỚT (NHƯ TRONG KHU TẮM, XI) LẮNG
VỮA XM MẠC 75 DẴY 25, LẮNG LÃM 3 LỚP ĐÁNH
MAU NHÃN BẴNG XM NGUYỄN CHẤT, LÃM RỎ BU
SẮC HOẶC KẾ Ỗ VỮNG 200 x 200

4. TRÁT GRANITÔ

NỀN NHÀ

FO NỀN SÀN

- NỀN ĐẠN BT CÁN SỎI ROÀN CỎ 600x600
- VỮA XIMĂNG
- BÊ TÔNG ĐÁ 4 x 6 MÁC 100 DÀY 100
- ĐẤT PHA CÁT TƯƠI NƯỚC ĐẦM KỸ TỪNG LỚP DÀY 200
- ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH

F1' NỀN TRÉT

- NỀN LÁT GẠCH TÀU 300x300
- HỖ DẦU DÁN GẠCH D=5mm
- VỮA XIMĂNG LỘT MÁC 75 DÀY 15
- BÊ TÔNG ĐÁ 4 x 6 MÁC 100 DÀY 100
- ĐẤT PHA CÁT TƯƠI NƯỚC ĐẦM KỸ TỪNG LỚP DÀY 200
- ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH

F1 NỀN TRÊT

- NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 400x400
- HỖ DẦU DÁN GẠCH D=5mm
- VỮA XIMĂNG LÓT MÁC 75 DÀY 15
- BÊ TÔNG ĐÁ 4 x 6 MÁC 100 DÀY 100
- ĐẤT PHA CÁT TƯƠI NƯỚC ĐẦM KỸ TỪNG LỚP DÀY 200
- ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH

F2 NỀN VÊ SINH TRÊT

- NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 250x250
- HỖ DẦU DÁN GẠCH D=5mm
- LỚP VỮA MÁC 75 ĐÁNH DỐC $i=2\%$
- BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 MÁC 100 DÀY 100
- ĐẤT PHA CÁT TƯƠI NƯỚC ĐẦM KỸ TỪNG LỚP DÀY 200
- ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH

Fct SÀN CẦU THANG

- MẶT BẬC LÁT ĐÁ GRANITE ĐEN KIM SA
- HỖ DẤU D=5mm
- CÁN VỮA TẠO PHẪNG DÀY 30
- BẬC THANG XÂY GẠCH ĐINH
- BÀN THANG BTCT (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- VỮA XIMĂNG DÀY 15 MÁC 75
- TRÉT 2 LỚP MASTIC + SƠN NƯỚC

CẤU TẠO TƯỜNG - SÀN WC:

LÁT NỀN GẠCH ĐỒNG TÂM DA BÒ 250x250 ms: 25512

ỐP TƯỜNG (THEO THỨ TỰ TỪ DƯỚI SÀN LÊN):

3 HÀNG GẠCH ĐỒNG TÂM DA BÒ 250x250 ms: 25512

1 HÀNG GẠCH ĐỒNG TÂM DA BÒ 45x250 ms: V-DABO 03

3 HÀNG GẠCH ĐỒNG TÂM DA BÒ 400x250 ms: DABO 12

TƯỜNG SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG

F3' SÀN LẦU

- SÀN LÁT GỖ CÔNG NGHIỆP UNIFLOORS
- LỚP PHỤ KIỆN LÓT SÀN
- VỮA XIMĂNG LÓT MÁC 75 DÀY 30
- BÀN SÀN BTCT (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- VỮA TRÁT TRẦN MÁC 75 DÀY 20

F4 SÀN VỆ SINH LẦU

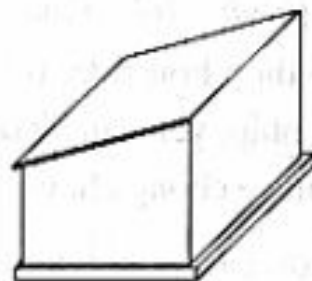
- SÀN LÁT GẠCH CERAMIC 250x250
- HỖ DẪU DÁN GẠCH D=5mm
- VỮA XIMĂNG LÓT MÁC 75, DỐC 2% VỀ PHÍA PHỄU THU
- LỚP CHỐNG THẤM QUÉT LÊN BỀ MẶT BT
- BÀN SÀN BTCT (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- VỮA TRÁT TRẦN MÁC 75 DÀY 20

5.4 Công tác lợp mái:

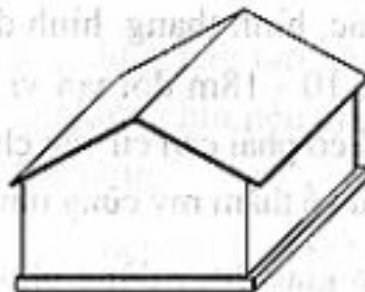
- Là một trong những công tác hoàn thiện
 - Đơn vị tính: tính theo m² mái
 - Quy cách:
 - Vật liệu để lợp(ngói, tôn . . .)
 - Loại ngói lợp: 22v/m², 13v/m²; 75v/m²
 - Chiều cao thi công, dàn giáo
 - Phương pháp tính
 - tính theo diện tích mái lợp theo góc nghiêng mái.
-

5.4 Công tác lợp mái:

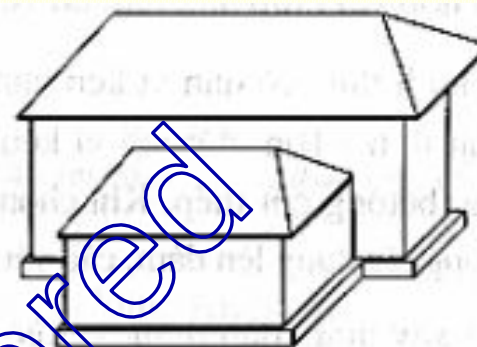
- Là một trong những công tác hoàn thiện
 - Đơn vị tính: tính theo m² mái
 - Quy cách:
 - Vật liệu để lợp(ngói, tôn . . .)
 - Loại ngói lợp: 22v/m², 13v/m²; 75v/m²
 - Chiều cao thi công, dàn giáo
 - Phương pháp tính
 - tính theo diện tích mái lợp theo góc nghiêng mái.
-



NHÀ CÓ MỘT MÁI DỐC

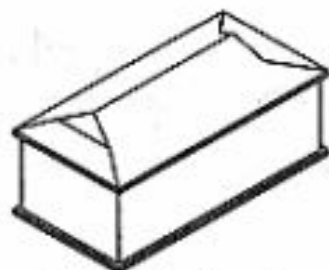


NHÀ CÓ HAI MÁI DỐC

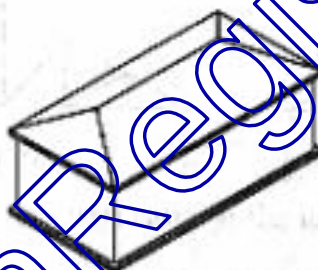


NHÀ CÓ BA MÁI DỐC

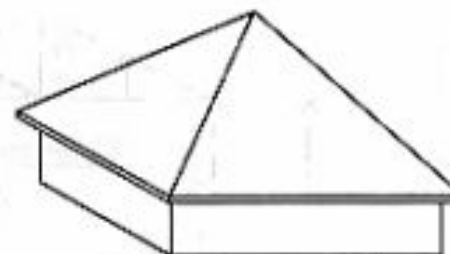
Hình 7.02



NHÀ CÓ BỐN MÁI DỐC



NHÀ CÓ BỐN MÁI DỐC



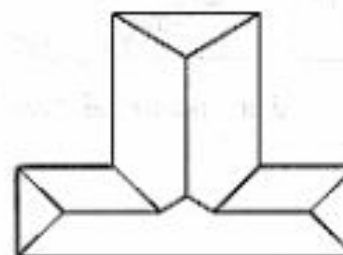
NHÀ CÓ BỐN MÁI "BÁNH Ủ"



NHÀ CÓ BỐN MÁI, BỐN MĂNG XỐI



NHÀ CÓ MÁI CHỤM



MẶT BẰNG MÁI PHỨC TẠP

6. Công tác mộc

- Công tác mộc bao gồm: làm trần, lắp cửa, ốp vách, sàn, lan can, . . .

6.1 Công tác làm cửa:

- Tính khối l- ượng cửa để mua, tính công lắp cửa . . .

- Đơn vị tính: m^2 cho cánh cửa , m dài cho khuôn cửa

- Quy cách:

- Loại cánh cửa: cửa đi, cửa sổ, cửa lật, cửa kính, cửa đơn, cửa kép, cửa gỗ, sắt kính, có khuôn, không khuôn. .

6.1 Công tác làm cửa:

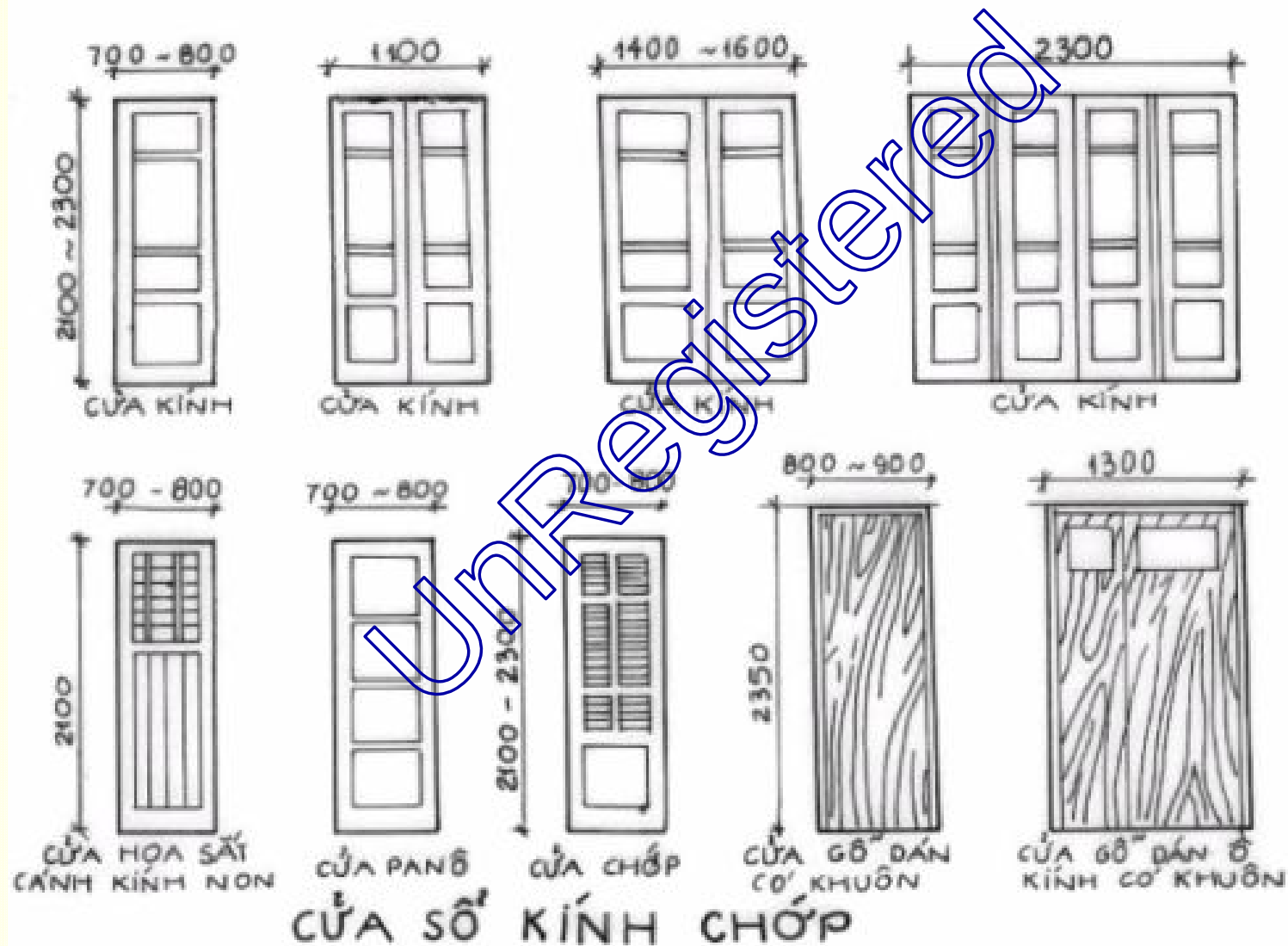
- Quy cách:

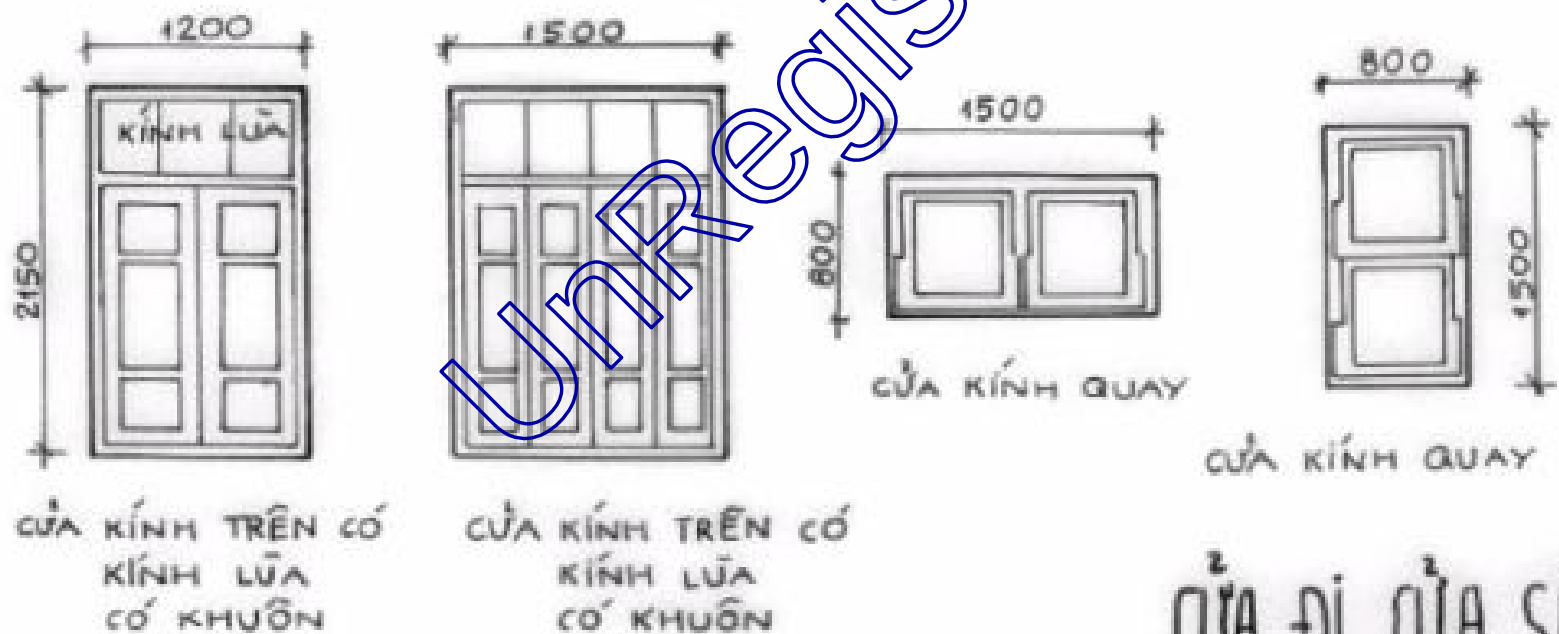
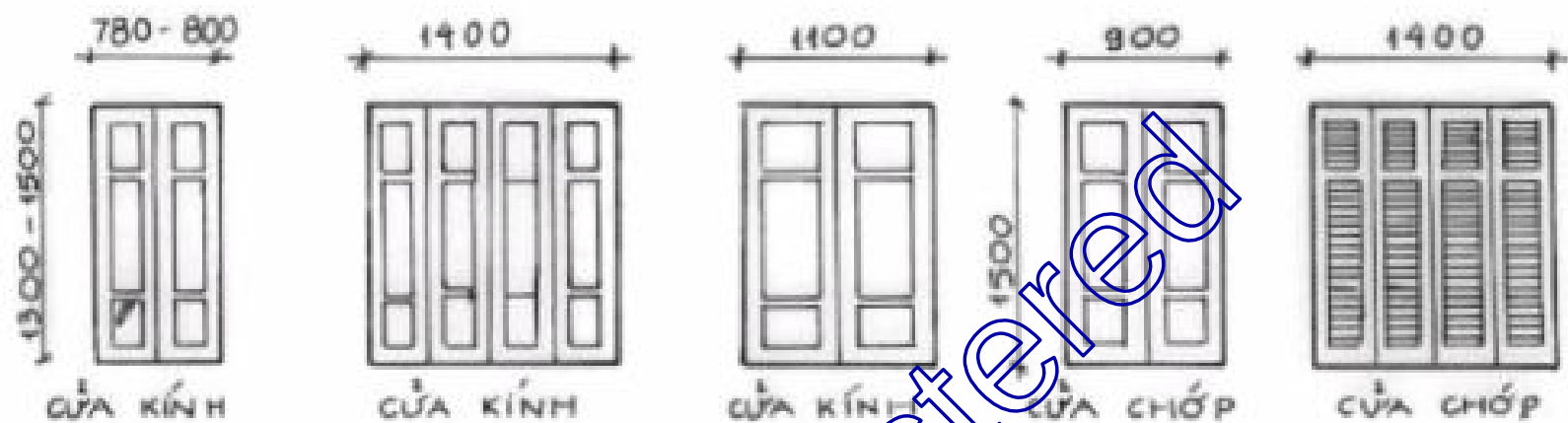
- Loại gỗ: lim, chò, gỗ, cẩm
- Điều kiện kỹ thuật: theo thiết kế qui định

- Phương pháp tính:

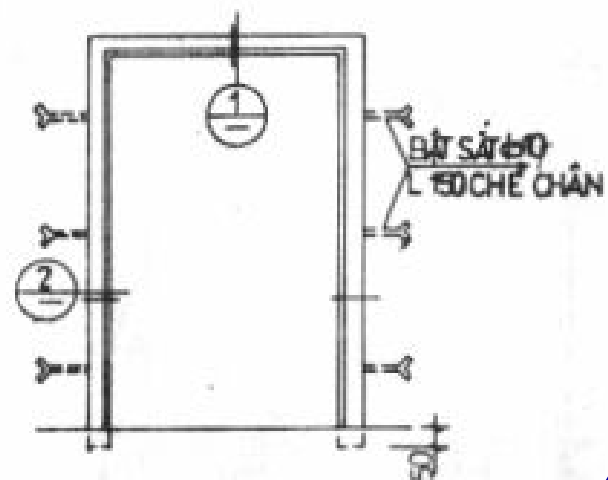
- Tính toán theo bản vẽ hoặc kiểm tra lại bản khối lượng thống kê cửa trong hồ sơ thiết kế. .
 - Tính công lắp dựng cửa, khuôn cửa
-

CỬA ĐI KÍNH, CHÓP, PANÔ, HOA SẮT, GỖ DÁN

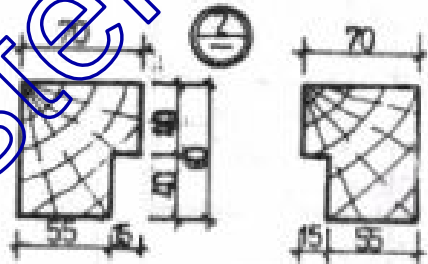
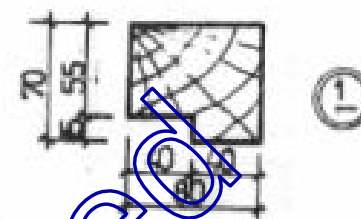




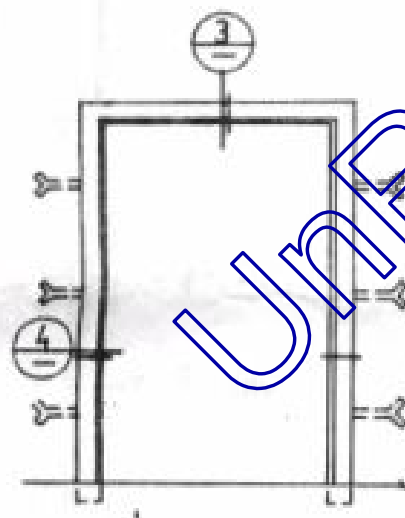
CỬA ĐI, CỬA SỔ



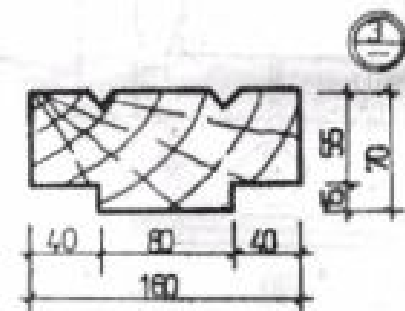
Khuôn đơn 70 x 80

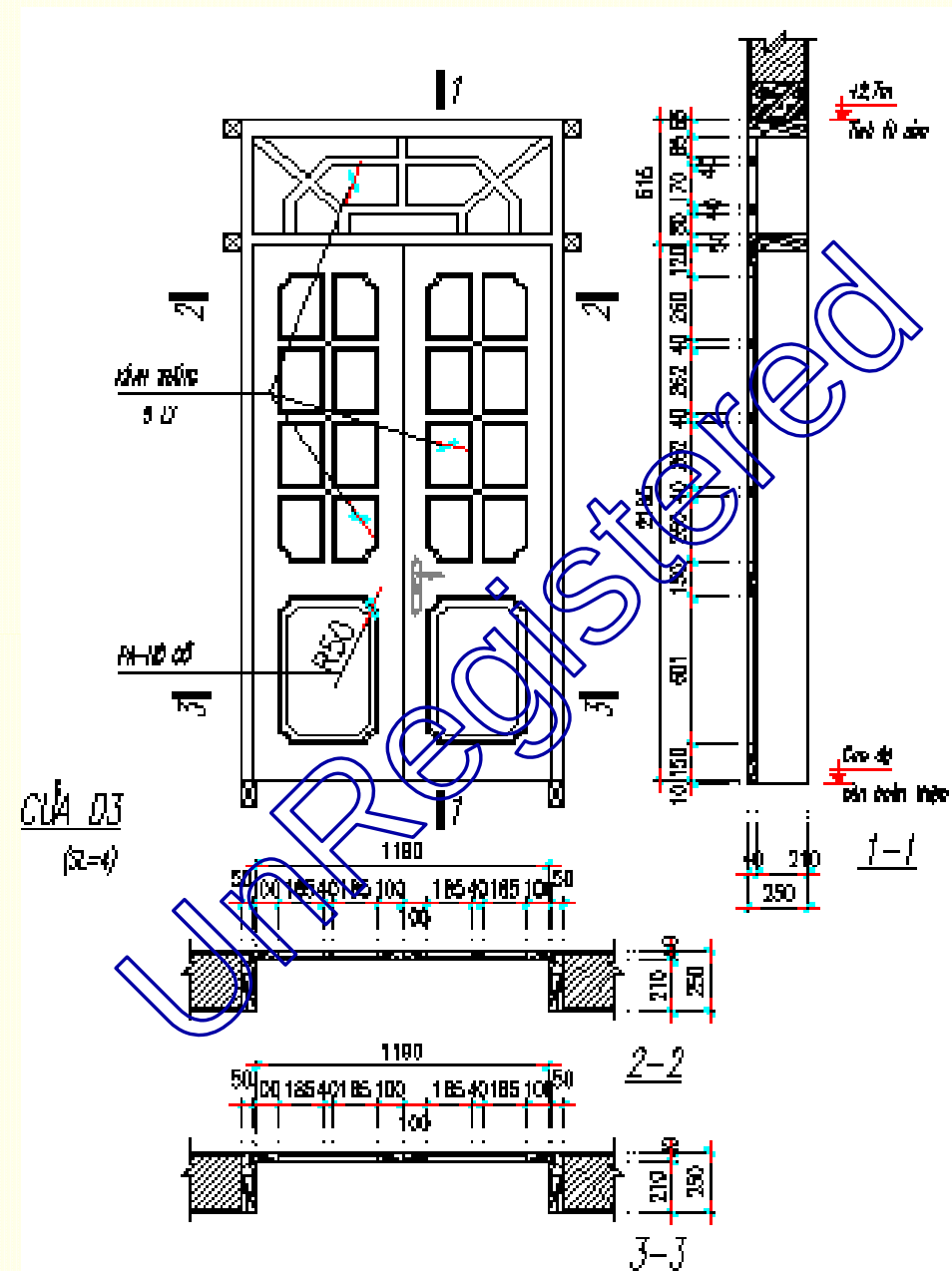


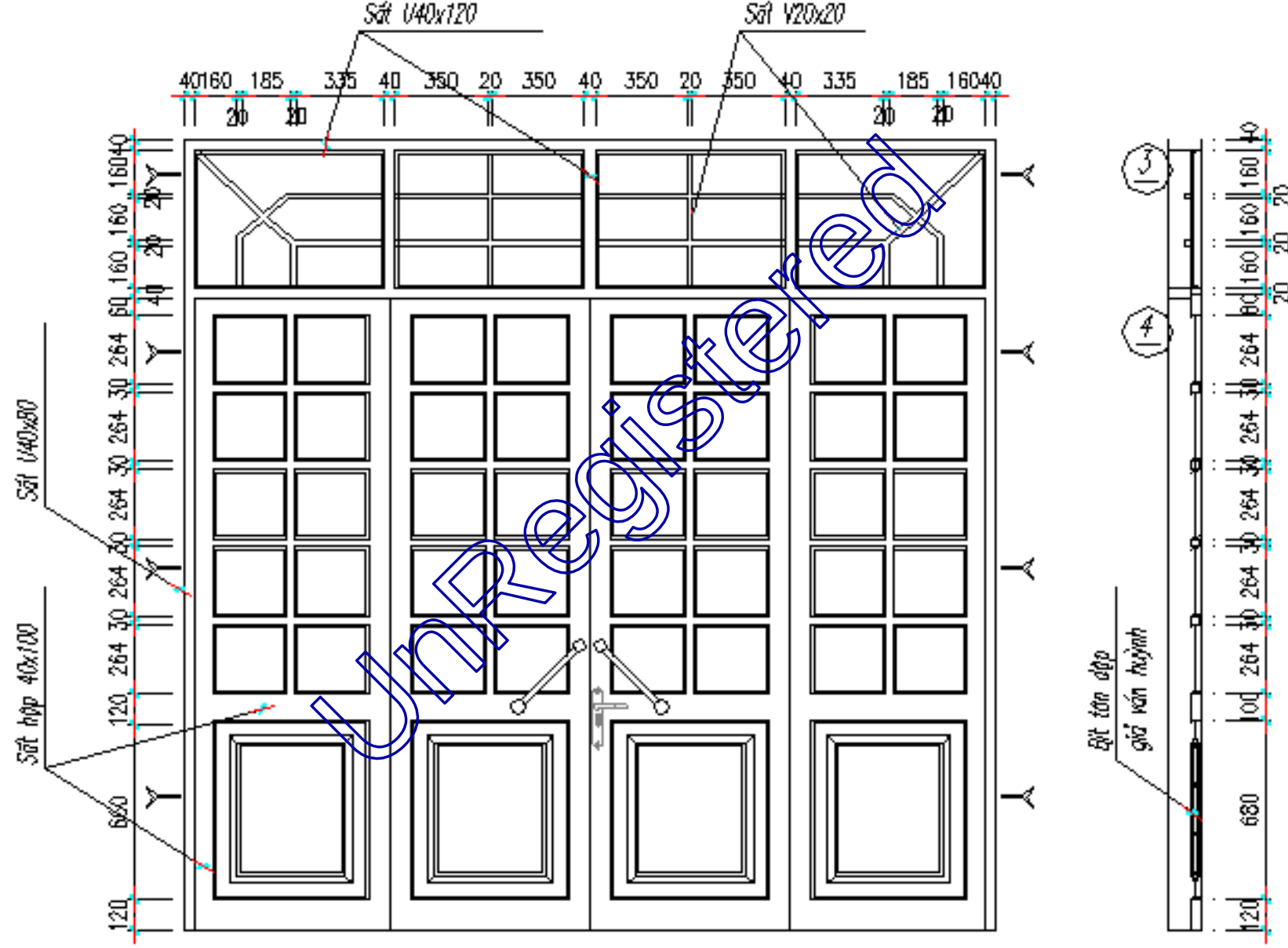
Chi tiết khuôn đơn

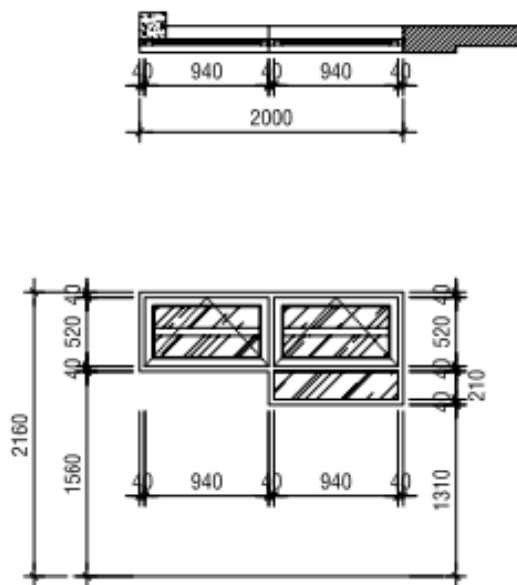


Khuôn kép 70 x 160



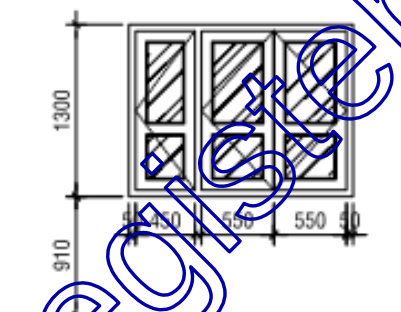
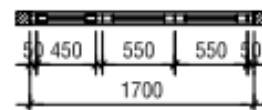






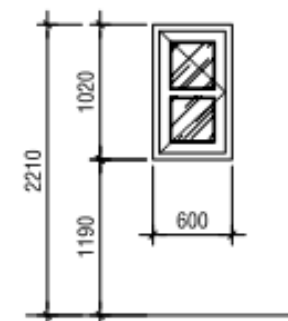
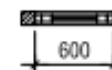
- CỬA SỔ 2 CẢNH BẬT
- VẬT LIỆU: SẮT+KÍNH
- SỐ LƯỢNG: 1 BỘ

CỬA S1



- CỬA SỔ 2 CẢNH MỜ
- VẬT LIỆU: GỖ CẮM XE+KÍNH
- SỐ LƯỢNG: 1 BỘ

CỬA S2



- CỬA SỔ 1 CẢNH MỜ
- VẬT LIỆU: GỖ CẮM XE+KÍNH MỜ
- SỐ LƯỢNG: 1 BỘ

CỬA S3

6.2 Công tác làm trần, sản xuất vì kèo:

- Tính khối lượng trần, tính công lắp trần, có thể khoán theo vật tư
 - Đơn vị tính: m²
 - Quy cách:
 - Làm trần cốt ép, làm trần gỗ dán, ván ép -
 - Làm trần gỗ dán có tấm cách âm
 - Làm trần gỗ dán có tấm cách nhiệt bằng tấm sirofort DO, tấm thạch cao
-

- Quy cách:

- Làm trần ván ép 5mm bọc simili, mút dày 3cm đến 5cm.
 - Làm trần ván ép chia ô nhỏ có gioăng chìm hoặc nẹp nổi trang trí
 - Làm trần bằng tấm thạch cao hoa văn 50x50 cm
 - Làm trần bằng tấm nhựa hoa văn 50x50 cm
-

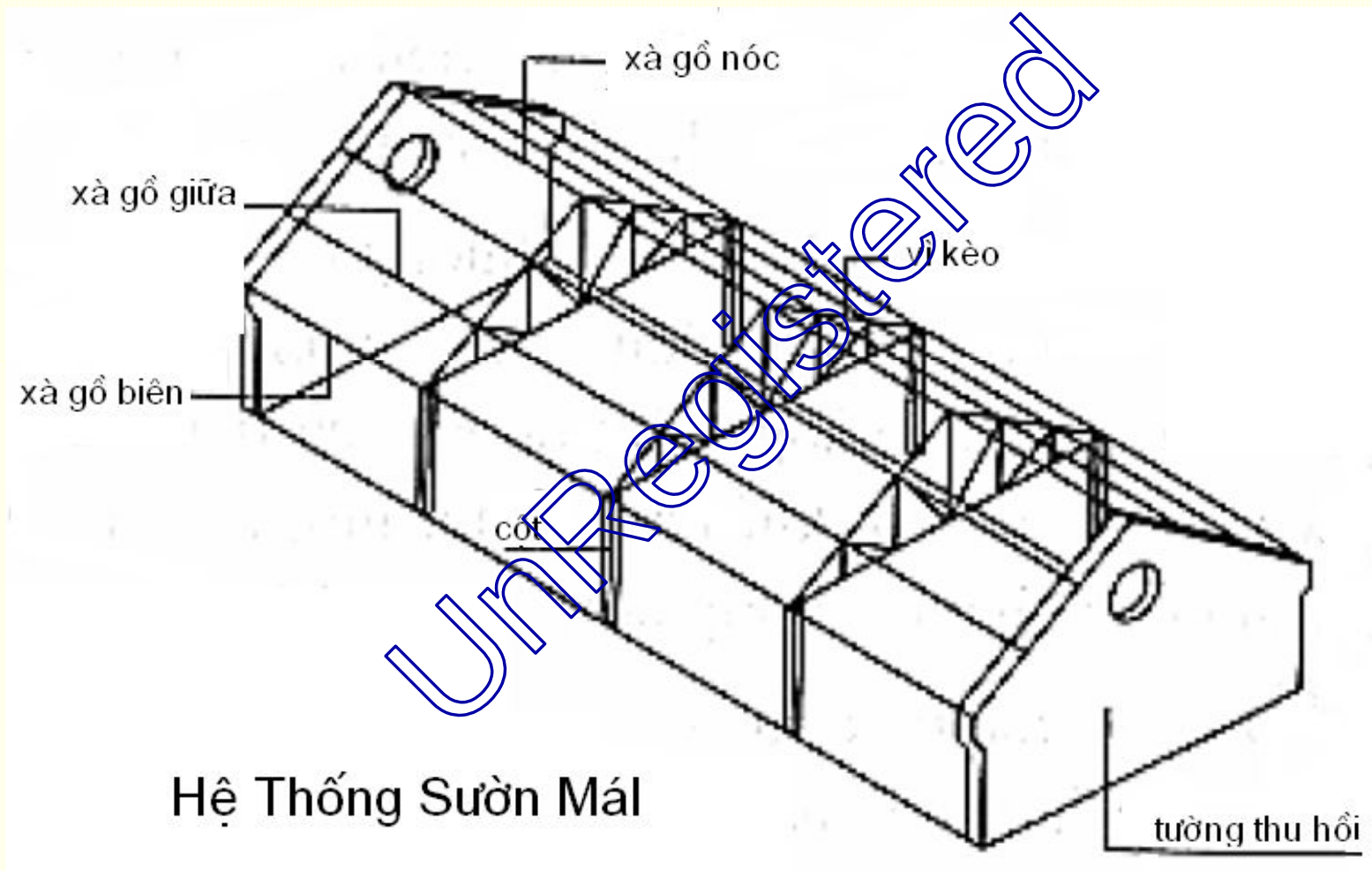
- Quy cách:

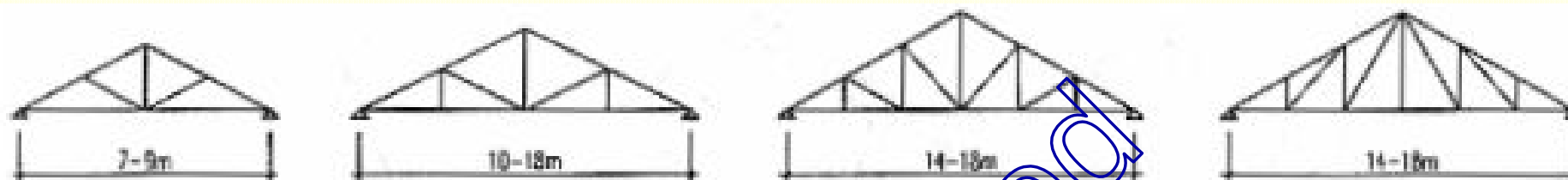
- Làm trần bằng tấm nhựa + khung x- ơng -
- Làm trần lambris dày 1,0 cm Làm trần lambris dày 1,5 cm Làm trần phẳng bằng tấm thạch cao khung x- ơng

- Ph- ơng pháp tính:

- Tính diện tích theo kích th- ớc từ bản vẽ thiết kế và loại trần để tính vật liệu
-

sản xuất vì kèo:

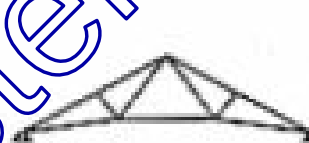
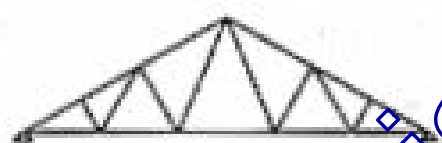




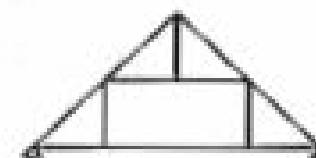
VỊ KẾT TẠM GÁC HỆ THANH BỤNG XẸN



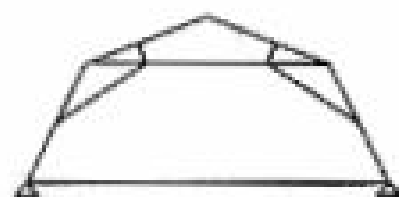
VỊ KẾT TẠM GÁC HỆ THANH BỤNG TAM GIÁC



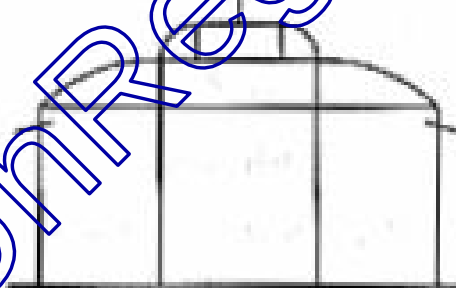
VỊ KẾT POLONCEAU



VỊ KẾT PALLADIO



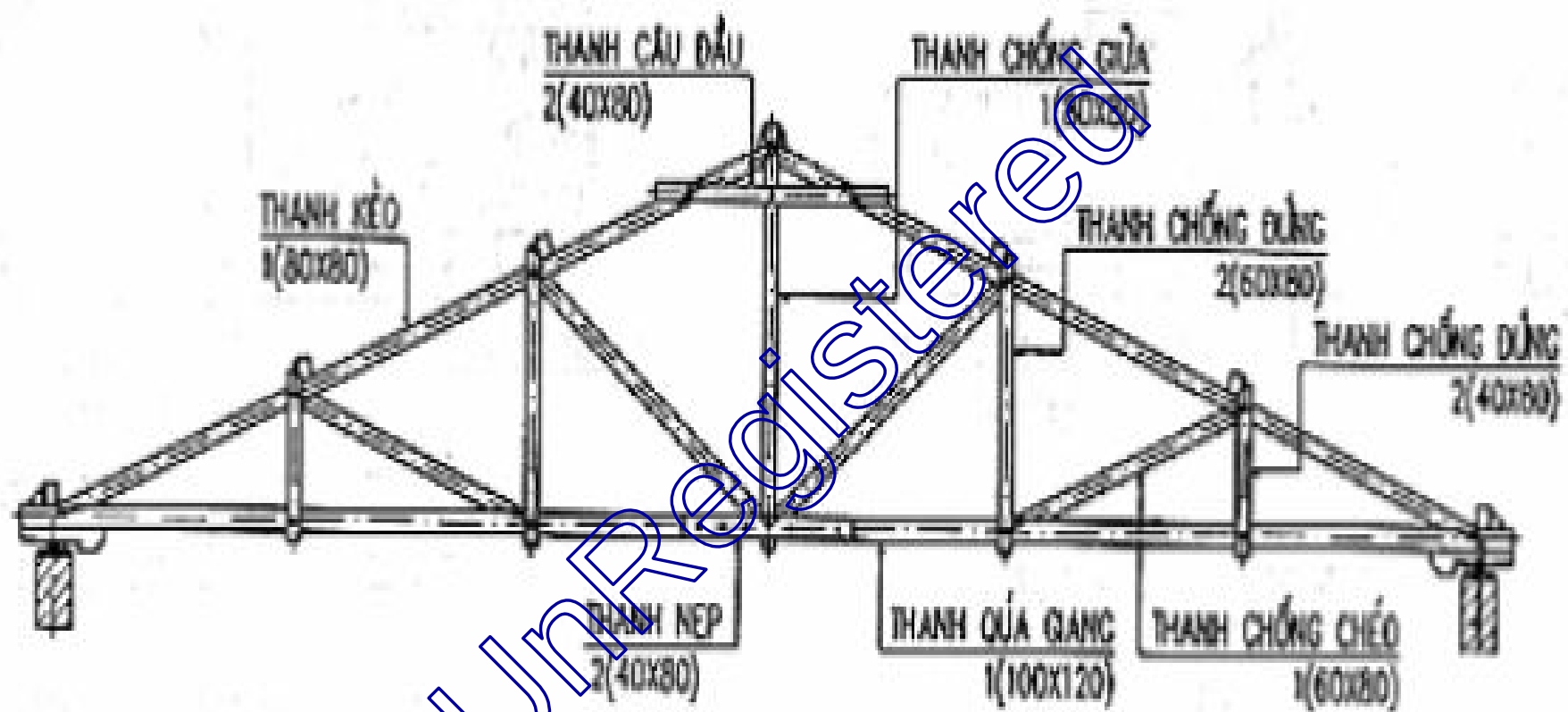
VỊ KẾT MANSART

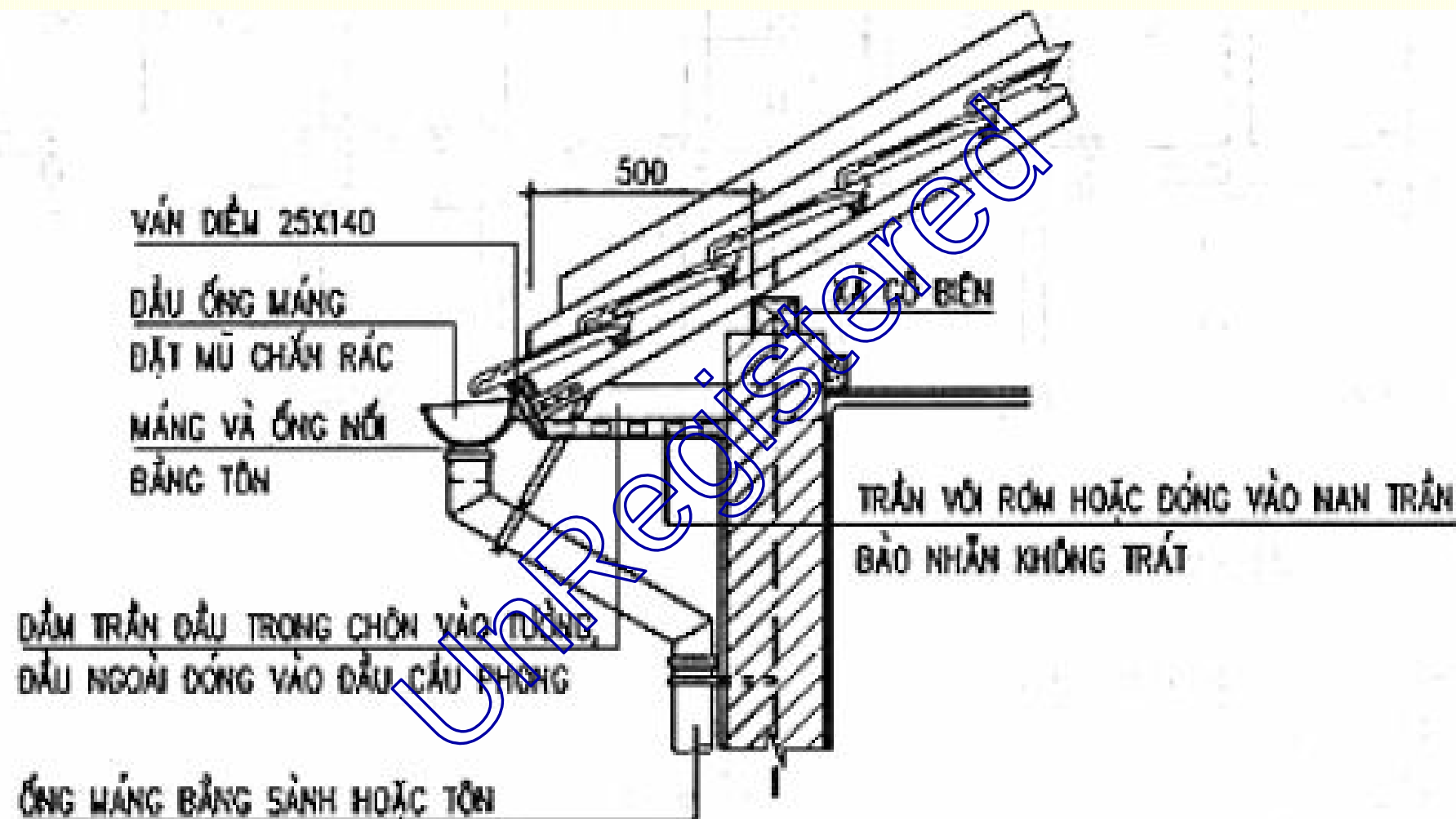


VỊ KẾT VIỆT NAM



VỊ KẾT VIỆT NAM





6.3 Công tác ván khuôn:

- Phục vụ cho công tác bê tông . .

- Đơn vị tính: 100 m²

- Quy cách:

+ Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ:

- Ván khuôn bằng gỗ

- Loại kết cấu

- Ván khuôn bằng kim loại, nhựa tổng hợp

- Loại kết cấu

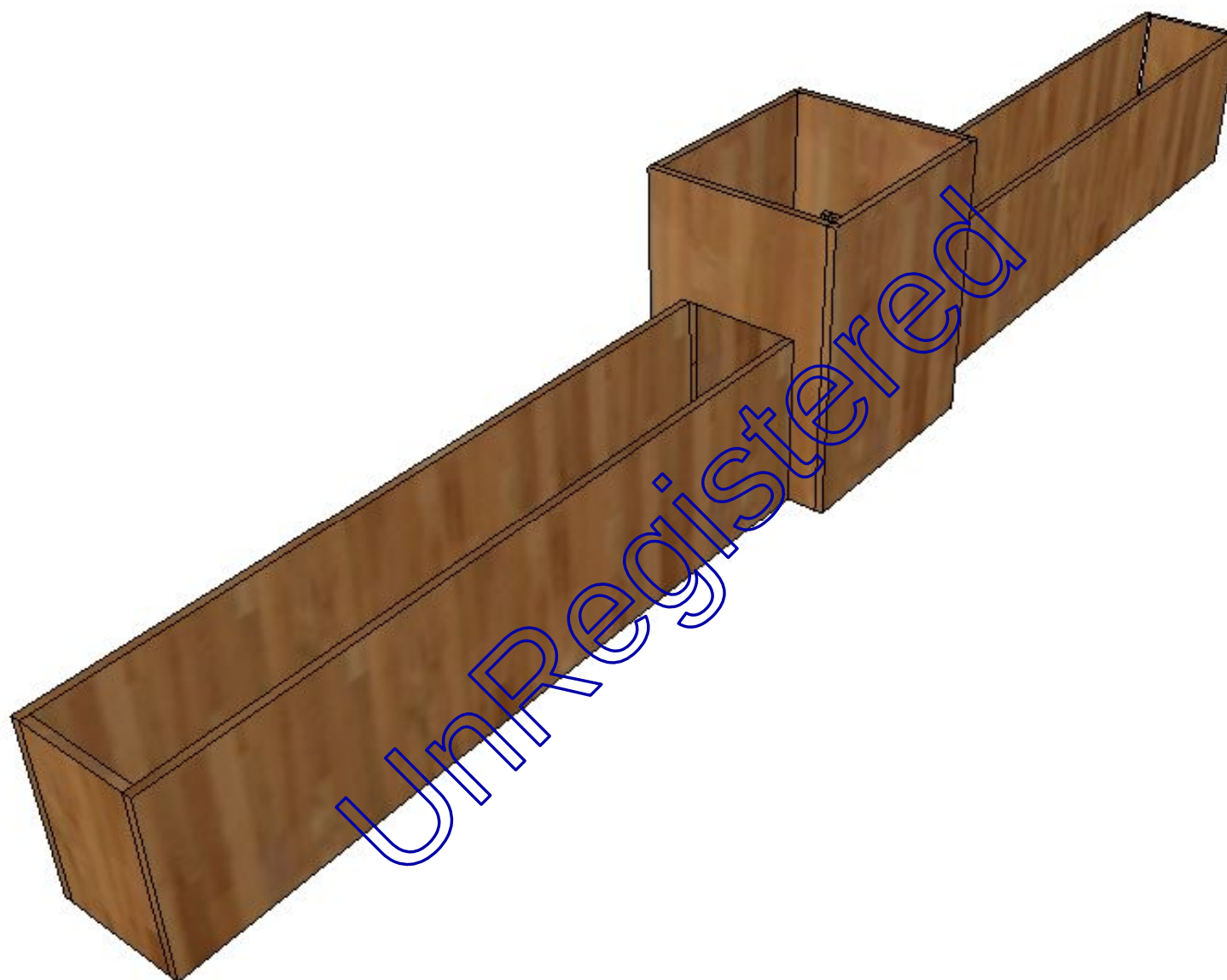
- Quy cách:

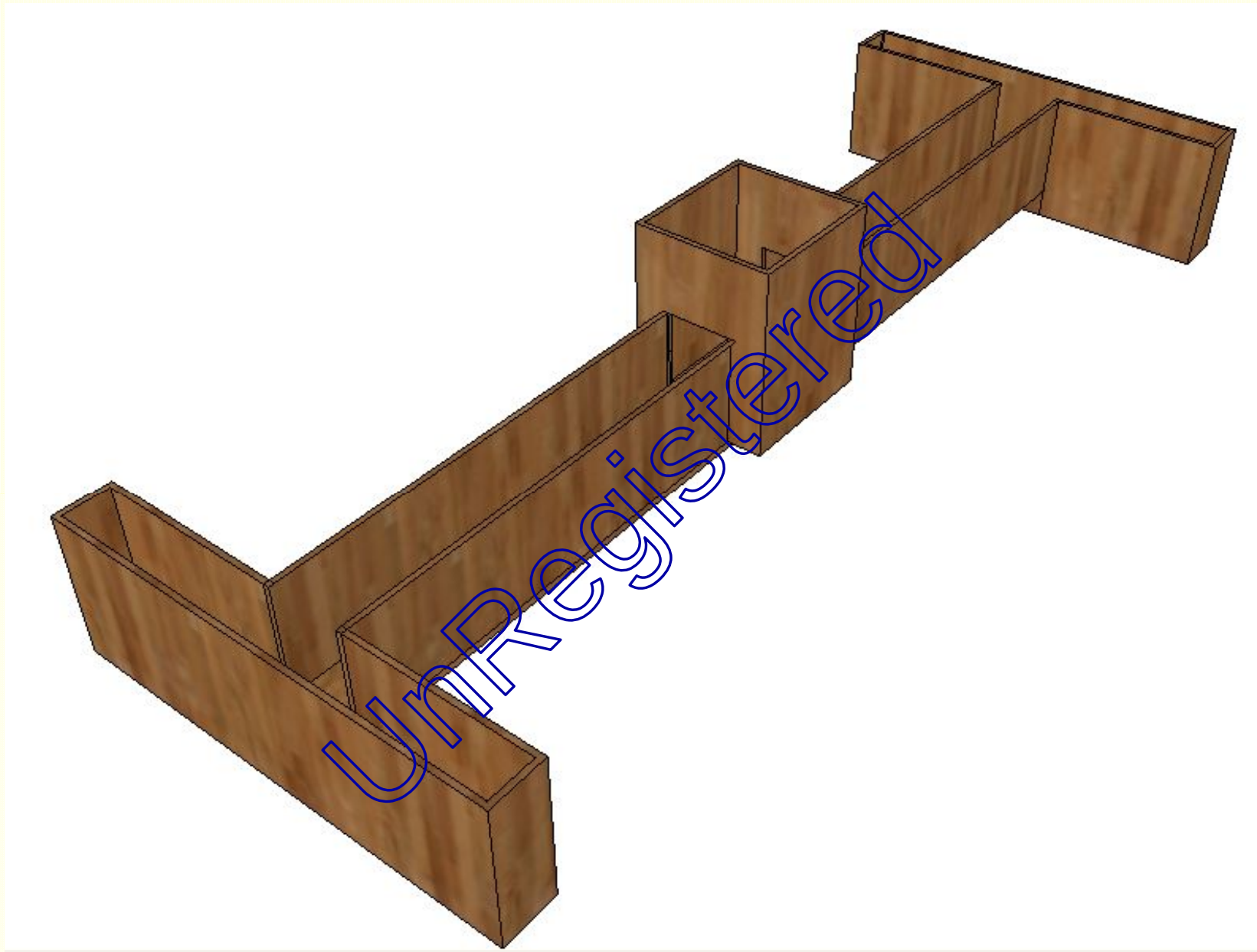
+ Ván khuôn cho bê tông lắp ghép:

- Ván khuôn gỗ
- Loại cấu kiện
- Ván khuôn kim loại
- Loại kết cấu

- Phương pháp tính:

+ Khối lượng ván khuôn bê tông là phần diện tích bề mặt bê tông của cấu kiện tiếp xúc với ván khuôn





- Quy cách:

- Làm trần bằng tấm nhựa + khung x- ơng -
 - Làm trần lambris dày 1,0 cm Làm trần lambris dày 1,5 cm Làm trần phẳng bằng tấm thạch cao khung x- ơng
 - Tính diện tích theo kích th- ớc từ bản vẽ thiết kế và loại trần để tính vật liệu
-

7. Công tác quét sơn vôi, bả matit

7.1 Công tác quét vôi:

- Đơn vị tính: m²
 - Quy cách:
 - Phương pháp thi công: quét, phun;
 - Quét vôi trắng, màu, số n- ớc quét
 - Bộ phận cần quét
 - Chiều cao
 - Phương pháp tính:
 - Tính diện tích theo diện tích trát
-

7. Công tác quét sơn vôi, bả matit

7.2 Công tác sơn:

- Đơn vị tính: m²
 - Quy cách:
 - Phương pháp thi công: quét, phun;
 - Số lần sơn
 - Bộ phận cần sơn
 - Vật liệu của vật cần sơn
 - Phương pháp tính:
 - Tính diện tích theo bề mặt vật cần sơn
-

7. Công tác quét sơn vôi, bả matit

7.3 Công tác bả matit:

- Đơn vị tính: m²
 - Quy cách:
 - Kết cấu cần bả : trần, cột, dầm trần;
 - Vật liệu bả: hỗn hợp, bột bả chế tạo sẵn
 - Phương pháp tính:
 - Tính diện tích theo bề mặt vật cần sơn
 - Ớc
-

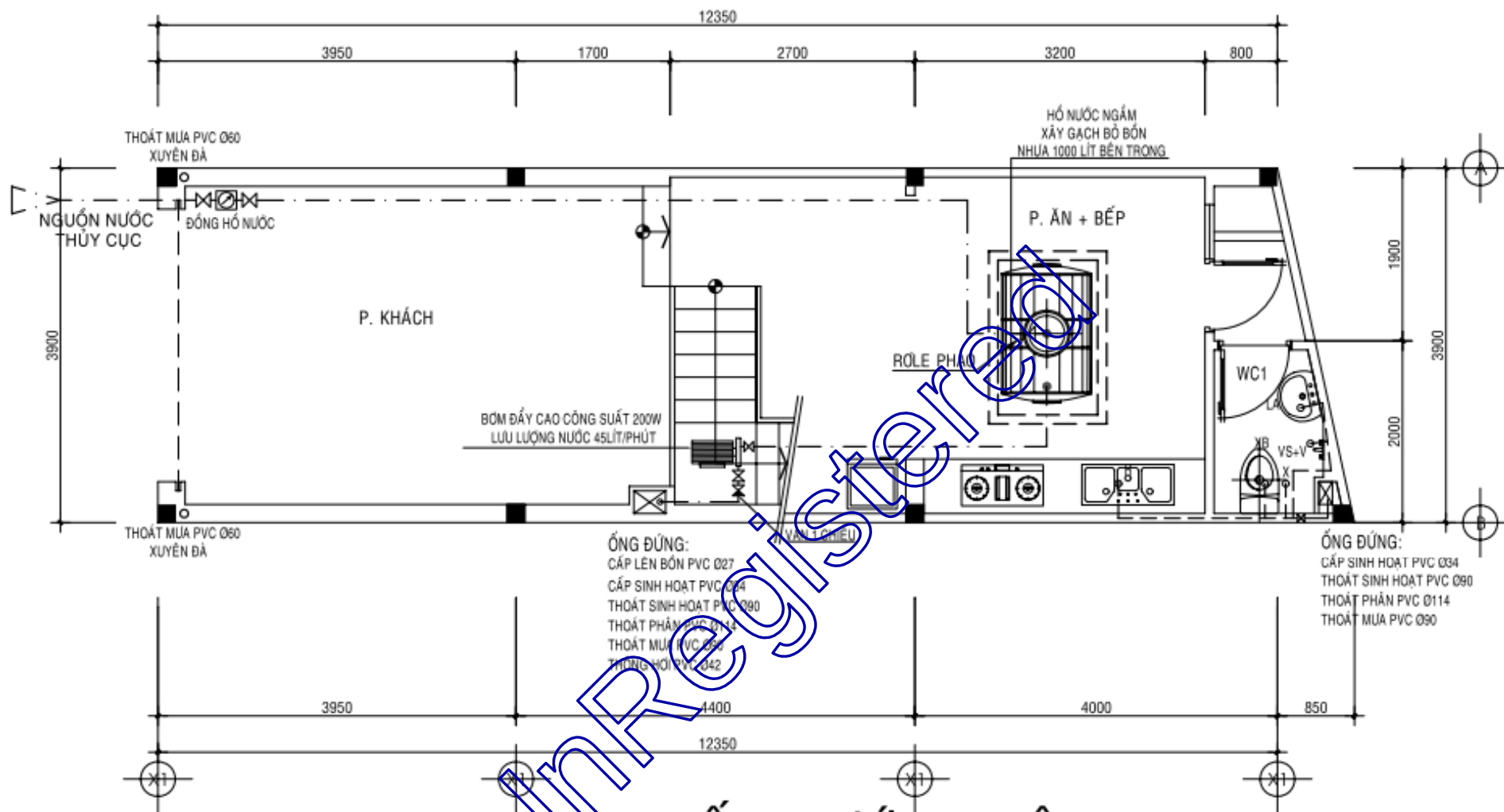
8. Công tác lắp đặt điện, cấp thoát n-ớc và phục vụ sinh hoạt

8.2 Công tác cấp thoát n-ớc:

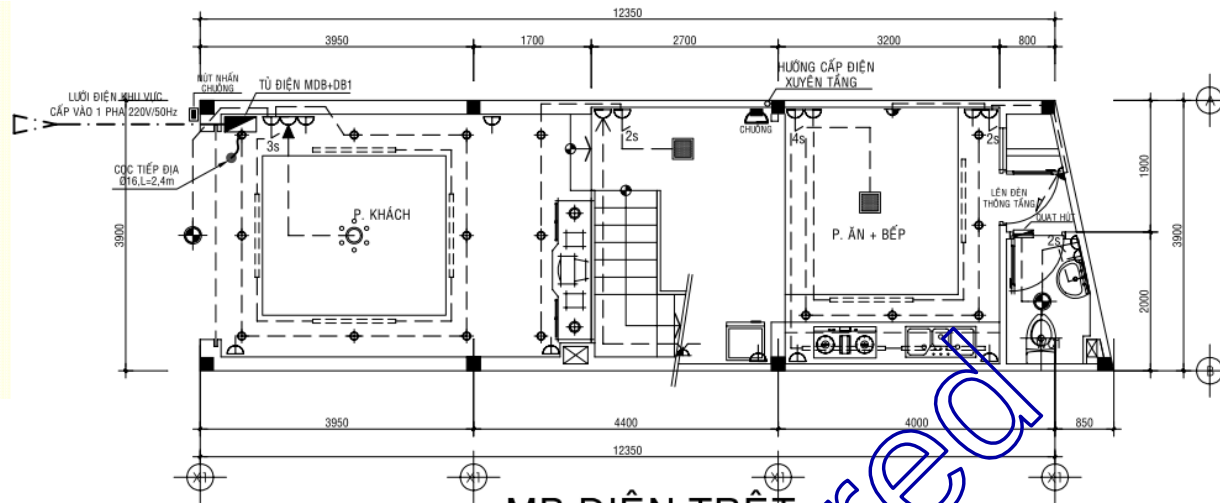
- Đơn vị tính: bộ, cái . .
 - Quy cách:
 - Lắp đặt sản phẩm và phụ kiện sinh hoạt vệ sinh: chậu rửa, xí bệt, bồn tắm .
 - Lắp đặt hệ thống cấp thoát n-ớc trong nhà
-

- Phương pháp tính:

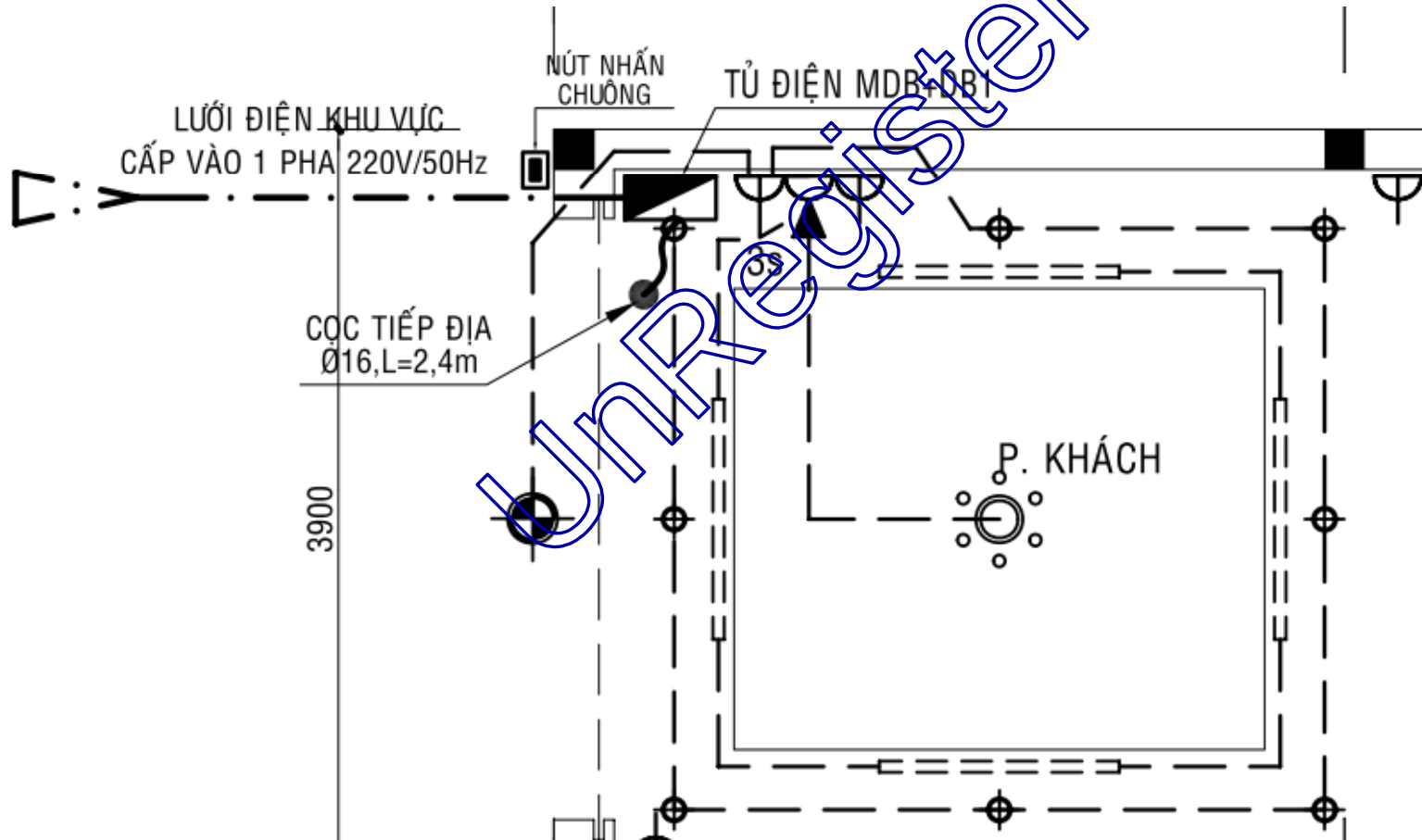
- Tính số lượng theo bản vẽ thiết kế .
- Tính theo bản thống kê vật liệu n- ớc: qui cách, chủng loại, số lượng phù hợp đơn vị định mức

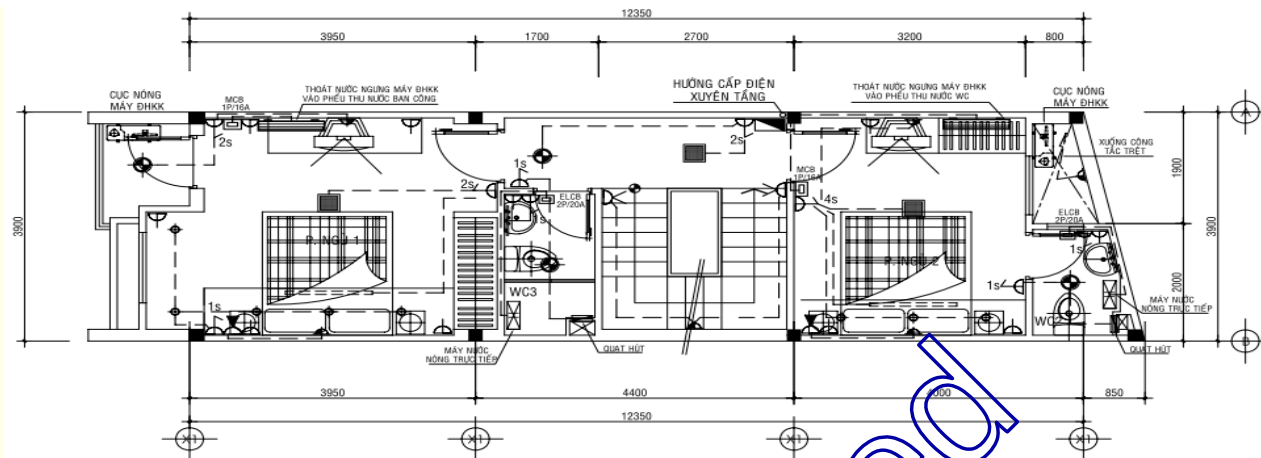


MB CẤP NƯỚC TRỆT

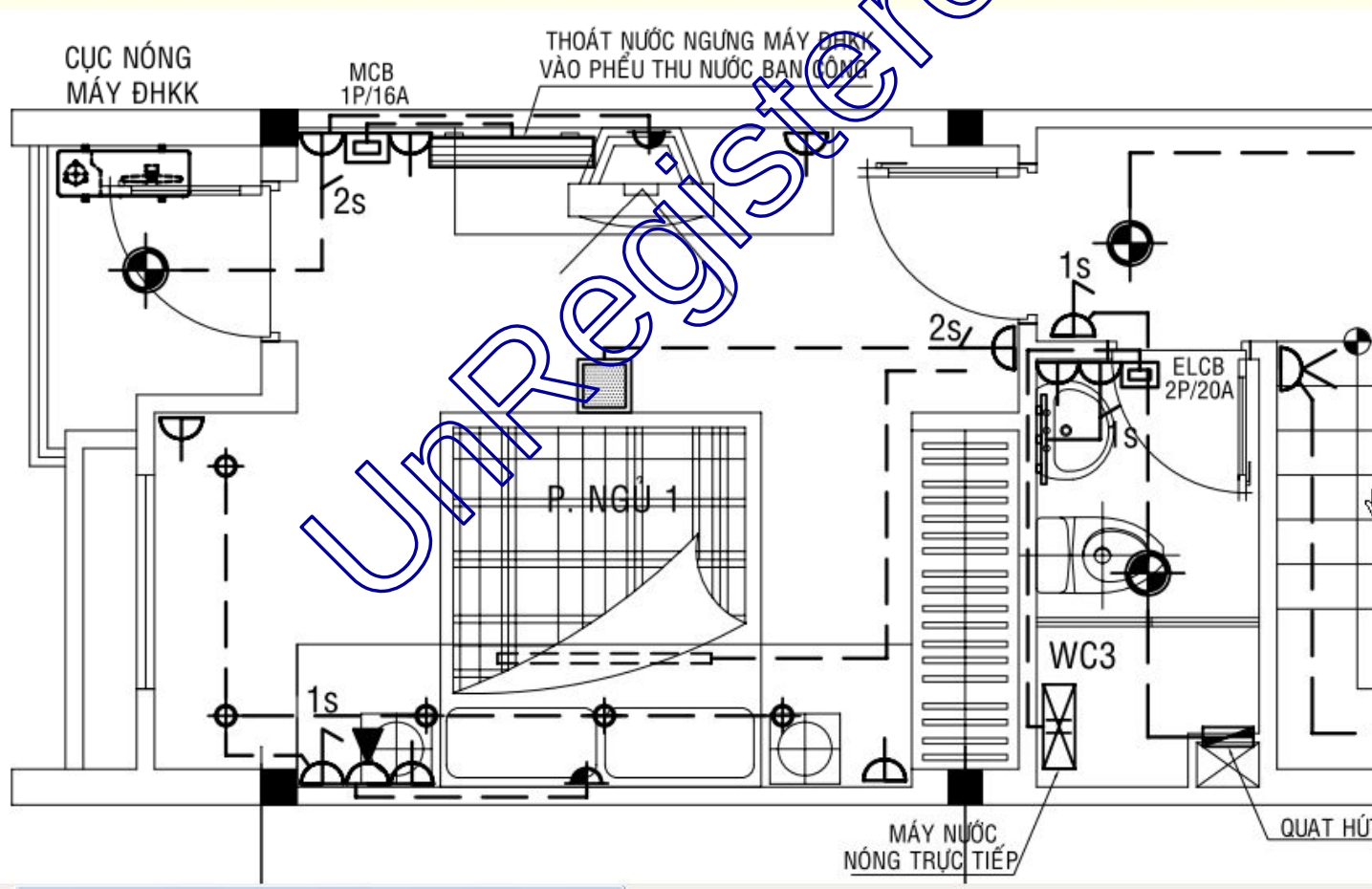


MB ĐIỆN TRỆT





MB ĐIỆN LẦU 1

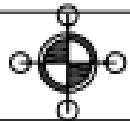
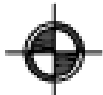
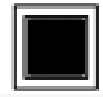


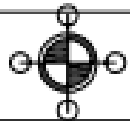
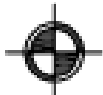
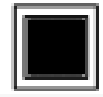
STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	XÍ BỆT	CÁI	03
2	LAVABO + VÒI	BỘ	04
3	VÒI TẮM SEN	CÁI	02
4	BỒN RỬA CHÉN	BỘ	01
5	GƯƠNG + PHỤ KIỆN	BỘ	04
6	VÒI NƯỚC + VÒI XỊT	CÁI	03 + 04
7	ỐNG PP-R 20 & 25 ĐI NƯỚC NÓNG	M	20 + 45
8	ỐNG PVC D21 (BÌNH MINH)	M	25
9	ỐNG PVC D37 (BÌNH MINH)	M	40
10	ỐNG PVC D34 (BÌNH MINH)	M	45
11	ỐNG PVC D42 (BÌNH MINH)	M	30
12	ỐNG PVC D60 (BÌNH MINH)	M	55
13	ỐNG PVC D90 (BÌNH MINH)	M	60

15	ỐNG PVC D168 (BÌNH MINH)	M	05
16	VAN KHOÁ ỐNG D34	CÁI	07
17	VAN KHOÁ ỐNG PP-R D25	CÁI	06
18	KHÂU NỐI PP-R D20	CÁI	05
19	KHÂU NỐI PVC D21 (BÌNH MINH)	CÁI	06
20	KHÂU NỐI PP-R D25	CÁI	11
21	KHÂU NỐI PVC D27 (BÌNH MINH)	CÁI	10
22	KHÂU NỐI PVC 34(BÌNH MINH)	CÁI	11
23	KHÂU NỐI PVC 42 (BÌNH MINH)	CÁI	08
24	KHÂU NỐI PVC 60(BÌNH MINH)	CÁI	14
25	KHÂU NỐI PVC 90(BÌNH MINH)	CÁI	15
26	KHÂU NỐI PVC 114(BÌNH MINH)	CÁI	09
27	KHÂU NỐI PVC D168 BÌNH MINH)	CÁI	00

28	CO+T PP-R 20 ĐI NƯỚC NÓNG	CÁI	12 + 02
29	CO+T+Y PP-R D25 ĐI NƯỚC NÓNG	CÁI	05 + 01 + 02
30	CO+T PVC D21 (BÌNH MINH)	CÁI	25 + 08
31	CO PVC D34 (BÌNH MINH)	CÁI	05
32	T+Y PVC D34 (BÌNH MINH)	CÁI	02 + 02
33	CO PVC D42 (BÌNH MINH)	CÁI	03
34	T PVC D42 (BÌNH MINH)	CÁI	02
35	CO PVC D60 (BÌNH MINH)	CÁI	16
36	CO PVC D90 (BÌNH MINH)	CÁI	12
37	CO PVC D114 (BÌNH MINH)	CÁI	02
38	T+Y PVC D60 (BÌNH MINH)	CÁI	08 + 00
39	T + Y PVC D90 (BÌNH MINH)	CÁI	03 + 01
40	Y PVC D114 (BÌNH MINH)	CÁI	00
41	CO RĂNG TRONG D20 PP-R	CÁI	07
42	CO RĂNG TRONG D21 (BÌNH MINH)	CÁI	16

43	CO GIẢM D27-D21 (BÌNH MINH)	CÁI	01
44	MANCHON GIẢM D25-D20 PP-R	CÁI	05
45	MANCHON GIẢM D32-D25 PP-R	CÁI	00
46	MANCHON GIẢM D34-D21(BÌNH MINH)	CÁI	05
47	MANCHON GIẢM D90-D60 (BÌNH MINH)	CÁI	03
48	MANCHON GIẢM D114-D42 (BÌNH MINH)	CÁI	01
49	MANCHON GIẢM D114-D90 (BÌNH MINH)	CÁI	01
50	PHẠO ĐIỆN TỰ ĐỘNG	BỘ	01
51	PHỄU THU NƯỚC	CÁI	11
52	CẦU CHẮN RÁC	CÁI	00
53	BỒN INOX 1000L	CÁI	01
54	MÁY BƠM ĐẨY CAO	BỘ	01
55	MÁY GIẶT	BỘ	01

STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	KÍ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ĐÈN CHÙM TRANG TRÍ		BỘ	01
2	ĐÈN HUỖNH QUANG 0.6m*20W (âm trần)		BỘ	00
3	ĐÈN HUỖNH QUANG 1,2m*40W (âm trần)		BỘ	18
4	ĐÈN HUỖNH QUANG 0.6m (áp tường có choá mica)		BỘ	01
5	ĐÈN HUỖNH QUANG 1.2m (áp tường có choá mica)		BỘ	03
6	ĐÈN HUỖNH QUANG 1,2m 2*40W (áp trần)		BỘ	04
7	ĐÈN CẦU TRỤ CỔNG		BỘ	02
8	ĐÈN ÁP TƯỜNG GẮN TRONG NHÀ		CÁI	12
9	ĐÈN BÁNH TIÊU D250 Á.SÁNG TRẮNG		BỘ	09
10	ĐÈN HỘP TRÁNG TRÍ ỐP TRẦN		CÁI	06
11	ĐIMƠ ĐIỀU CHỈNH ĐÈN		CÁI	02

STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	KÍ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ĐÈN CHÙM TRANG TRÍ		BỘ	01
2	ĐÈN HUỖNH QUANG 0.6m*20W (âm trần)		BỘ	00
3	ĐÈN HUỖNH QUANG 1,2m*40W (âm trần)		BỘ	18
4	ĐÈN HUỖNH QUANG 0.6m (áp tường có choá mica)		BỘ	01
5	ĐÈN HUỖNH QUANG 1.2m (áp tường có choá mica)		BỘ	03
6	ĐÈN HUỖNH QUANG 1,2m 2*40W (áp trần)		BỘ	04
7	ĐÈN CẦU TRỤ CỔNG		BỘ	02
8	ĐÈN ÁP TƯỜNG GẮN TRONG NHÀ		CÁI	12
9	ĐÈN BÁNH TIÊU D250 Á.SÁNG TRẮNG		BỘ	09
10	ĐÈN HỘP TRÁNG TRÍ ỐP TRẦN		CÁI	06
11	ĐIMƠ ĐIỀU CHỈNH ĐÈN		CÁI	02

STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
22	CÁP CV 2*11(CADIVI)	M	2*25
23	CÁP CV 2*8 (CADIVI)	M	2*20
24	CÁP CV2*6 (CADIVI)	M	25
25	CÁP CV 4 mm2(CADIVI)	M	00
26	CÁP CV 3 mm2(CADIVI)	M	100
27	CÁP CV 2.5mm2(CADIVI)	M	850
28	CÁP CV 1.5mm2(CADIVI)	M	00
29	DÂY ĐIỆN ĐƠN 12/10(CADIVI)	M	1500
30	MCCB 75A 2P	CÁI	01
31	MCB 40A 2P	CÁI	04
32	ELCB 2P 25A	CÁI	00
33	MCB 1P 20A	CÁI	12

33	MCB 1P 20A	CÁI	12
34	MCB 1P 16A	CÁI	01
35	MÁY LẠNH 1.5HP	CÁI	03
36	HỘP NỐI DÂY (SP)	HỘP	15
37	ỐNG NHỰA CỨNG LOẠI TỐT D25 LUỒN DÂY ĐIỆN TỔNG	M	200
38	ỐNG XOẮN RUỘT GÀ D20 LUỒN DÂY ĐIỆN	M	350
39	ỐNG XOẮN RUỘT GÀ D16 LUỒN DÂY ĐIỆN	M	550
40	BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN HẠ THỂ	CUỘN	10
41	VẬT LIỆU KHÁC	LỖ	01
42	CHUÔNG & NÚT NHẤN CHUÔNG (Bticino)	BỘ	01

9. Công tác làm sân đ-ờng

9.1 Công tác làm đ-ờng bộ

- Phân biệt từng loại đ-ờng: cấp phối, đ-ờng nhựa . . .

9.2 Công tác làm sân

- Phân biệt từng loại sân: sân bê tông, sân lát gạch, sân bê tông, sân gạch vồ đầm láng vữa, đánh màu . . .
-

- Phương pháp tính:

- Tính khối lượng theo bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật .

UnRegistered
